

DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX,
NHIỆM KỲ 2025-2030

- Kính thưa đồng chí Đại tướng Lương Tam Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an!

- Kính thưa các bậc lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân!

- Kính thưa các đồng chí lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương; các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ!

- Kính thưa toàn thể Đại hội!

Trong không khí hào hùng của những ngày mùa Thu lịch sử, cả nước hân hoan đón mừng thành công Đại lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đang ra sức thi đua lập nhiều thành tích thiết thực hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 14 của Đảng. Được sự đồng ý của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; hôm nay, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng long trọng tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ 20, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Đại hội rất vui mừng và vinh dự được đón tiếp đồng chí Đại tướng Lương Tam Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư về dự và trực tiếp chỉ đạo Đại hội; các đồng chí lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh bạn; các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, các bậc Lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và các quý vị, đại biểu khách quý của Đại hội; đặc biệt tham dự Đại hội, có mặt đông đủ 399 đại biểu chính thức, là những đại biểu ưu tú, đại diện cho trên 63 nghìn đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự và quyết định sự thành công của Đại hội.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi trân trọng cảm ơn đồng chí Đại tướng **Lương Tam Quang**, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, các đồng chí lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương cùng các quý vị đại biểu khách quý, đã dành thời gian quý báu về dự Đại hội; xin được nhiệt liệt chào mừng và trân trọng gửi đến các đồng chí đại biểu khách quý cùng toàn thể Đại hội những lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Kính thưa Đại hội!

Đại hội chúng ta vô cùng vinh dự được đón nhận tình cảm và những lãng hoa tươi thắm của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; đồng chí Lương Cường, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam gửi tặng chúc mừng Đại hội. Đây là sự quan tâm sâu sắc, là biểu tượng cho niềm tin và kỳ vọng của Trung ương Đảng đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng; đồng thời là nguồn động viên, cổ vũ mạnh mẽ để chúng ta tiếp tục đoàn kết, đổi mới, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Đại hội trân trọng cảm ơn tình cảm và niềm tin của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đặc biệt là đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, đồng chí Chủ tịch nước Lương Cường, đồng chí Thủ tướng Phạm Minh Chính, đồng chí Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn đã dành cho Đại hội.

Xin trân trọng đề nghị toàn thể Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh bằng một tràng pháo tay để đón nhận những lãng hoa tươi thắm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Kính thưa Đại hội!

Trong giờ phút trang nghiêm và trọng thể này, với niềm tự hào và kính yêu vô hạn, Đại hội thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của Đảng và Nhân dân ta, Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người cùng với chủ nghĩa Mác - Lê Nin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn, quý giá, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam.

Đại hội thành kính, tưởng nhớ các thế hệ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đồng bào, đồng chí, những người con ưu tú của đất nước, của quê hương Cao Bằng đã cống hiến, anh dũng hy sinh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Kính thưa Đại hội!

Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thành công đại hội đại biểu đảng bộ các cấp bảo đảm chất lượng, tiến

độ, kế hoạch đề ra. Thành công của đại hội đảng bộ các cấp là tiền đề, điều kiện quan trọng, là những bài học kinh nghiệm quý báu, đồng thời tạo ra khí thế thi đua sôi nổi, phấn khởi để tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, sâu sát, kịp thời của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban, bộ, ngành Trung ương. Với tinh thần trách nhiệm cao, các văn kiện trình tại Đại hội được chuẩn một cách nghiêm túc, kỹ lưỡng, chu đáo, phát huy trí tuệ tập thể, tiếp thu đầy đủ, sâu sắc những ý kiến đóng góp quý báu, tâm huyết của Trung ương, các tổ chức đảng, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, nhân sĩ trí thức, các đồng chí lão thành cách mạng, nguyên lãnh đạo tỉnh và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Các văn kiện trình Đại hội hôm nay là sự kết tinh ý chí chính trị, niềm tin sắt son và khát vọng đổi mới của toàn Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh; thể hiện tầm nhìn, khát vọng vươn lên mạnh mẽ, tạo nền tảng vững chắc để Cao Bằng phát triển nhanh và bền vững.

Kính thưa Đại hội!

Nhìn lại chặng đường phát triển 5 năm qua, trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi, nhưng cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức đan xen. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ; sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ quý báu của các Ban, Bộ, Ngành Trung ương và các tỉnh thành trong cả nước; Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, đoàn kết một lòng, quyết tâm vượt khó, tranh thủ thời cơ, kiên trì đổi mới, từng bước cụ thể hóa các chủ trương của Đảng vào cuộc sống để tổ chức thực hiện đồng bộ đạt nhiều kết quả quan trọng, nổi bật, đó là: Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. GRDP bình quân đầu người đạt 50,73% triệu đồng/năm, tăng gấp 1,4 lần so với năm 2020. Du lịch có khởi sắc, từng bước chuyển từ tiềm năng sang phát triển thực chất, dần trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư mạnh, mở rộng không gian phát triển. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường. An sinh xã hội được bảo đảm, công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát, tỷ lệ giảm nghèo đạt kết quả rõ nét; công tác dân tộc, tôn giáo triển khai đồng bộ, hiệu quả. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng tạo môi trường thuận lợi phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực, việc vận hành

chính quyền địa phương 2 cấp hoạt động thông suốt và hiệu quả; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được nâng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh vẫn còn một số khó khăn, tồn tại, hạn chế. Một số chỉ tiêu kinh tế quan trọng như tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, tổng vốn đầu tư trên địa bàn, GRDP bình quân đầu người chưa đạt kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế nhỏ lẻ, manh mún; liên kết ngành, vùng, thị trường thiếu chặt chẽ. Tăng trưởng chủ yếu phụ thuộc đầu tư công, chưa phát huy được vai trò động lực của khu vực kinh tế tư nhân. Tài chính địa phương phụ thuộc lớn vào ngân sách Trung ương. Một số chỉ số đánh giá cạnh tranh so sánh với các tỉnh trong cả nước còn ở mức thấp; Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng sâu, vùng xa còn cao, nguy cơ tái nghèo lớn. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa đồng đều, bộ máy hành chính chưa chuyển mạnh sang mô hình phục vụ và kiến tạo. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên tuyến biên giới, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

Kính thưa toàn thể Đại hội!

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là sự kiện đặc biệt quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh nhà. Đại hội có nhiệm vụ:

Một là, tổng kết, đánh giá toàn diện, đồng bộ, khách quan, sâu sắc kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, phân tích kỹ lưỡng những ưu điểm, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác lãnh đạo chỉ đạo; đồng thời xác định rõ các quan điểm, định hướng chiến lược; các chương trình trọng tâm nội dung đột phá mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, chương trình hành động cụ thể trong 5 năm tới và những năm tiếp theo để đưa tỉnh Cao Bằng phát triển toàn diện, nhanh, bền vững.

Hai là, kiểm điểm công tác lãnh đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIX về thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy chế làm việc, các nguyên tắc, phương pháp lãnh đạo của Đảng và việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ba là, thảo luận, góp ý vào dự thảo Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Bốn là, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là những đồng chí tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực lãnh đạo, bản lĩnh và trí tuệ, có uy tín, năng động, sáng tạo, quyết đoán, đổi mới, khát vọng, bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Năm là, bầu Đoàn Đại biểu đại diện cho ý chí, nguyện vọng, trí tuệ của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Sáu là, thống nhất, quyết định những vấn đề quan trọng của Đại hội, thông qua các chương trình trọng tâm, kế hoạch thực hiện nội dung đột phá; chương trình hành động và biểu quyết Nghị quyết của Đại hội.

Kính thưa Đại hội!

Thành công của Đại hội có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Cao Bằng trong những năm tới; đồng thời, góp phần vào sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Trên tinh thần đó, tôi đề nghị các đồng chí đại biểu dự Đại hội phát huy cao nhất tinh thần trách nhiệm, tập trung trí tuệ để thực hiện tốt nội dung, chương trình của Đại hội đề ra.

Với niềm tin tưởng sâu sắc vào sự thành công tốt đẹp của Đại hội, thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi long trọng tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Xin trân trọng cảm ơn!

TỈNH ỦY CAO BẰNG

*

Số 01-BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 17 tháng 9 năm 2025

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHOÁ XIX
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX**
**Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ và cả hệ thống chính trị;
phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, chung sức, đồng lòng, đổi mới, sáng tạo;
khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế, tạo đột phá, xây dựng tỉnh Cao Bằng
phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX là sự kiện chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, diễn ra vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025; xác định tầm nhìn, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cho nhiệm kỳ 2025 - 2030; thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX và bầu Đoàn đại biểu của tỉnh dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Đại hội được tổ chức với phương châm: “**Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển**”, thể hiện ý chí, quyết tâm chính trị của toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn phát triển mới.

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX,
NHIỆM KỲ 2020 – 2025

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh tình hình thế giới, trong nước có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, tạo ra những khó khăn, thách thức rất lớn nhưng cũng mở ra những cơ hội phát triển

mới. Trên thế giới, đại dịch COVID-19 gây hậu quả nghiêm trọng, kéo dài, ảnh hưởng toàn diện đến mọi mặt đời sống, kinh tế - xã hội toàn cầu; xung đột Nga - Ukraine, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn biến phức tạp khiến giá hàng hoá, lạm phát tăng cao, kinh tế và thương mại toàn cầu suy giảm, thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản biến động mạnh. Sự phát triển đột phá của khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và những thách thức từ biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... đặt ra yêu cầu cấp thiết về khả năng thích ứng và đổi mới của mỗi quốc gia.

Trong nước, Việt Nam đã từng bước thích ứng linh hoạt với đại dịch COVID-19 cũng như trước những biến động của tình hình thế giới và khu vực; triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khoẻ Nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện mới. Sau 40 năm đổi mới, đất nước đã đạt được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử; kinh tế vĩ mô ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, đối ngoại và hội nhập quốc tế không ngừng được mở rộng, vị thế và uy tín trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao; Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách mang tính đột phá, chiến lược, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển giai đoạn tiếp theo.

Tỉnh Cao Bằng tiếp tục khai thác hiệu quả lợi thế về kinh tế biên mậu, du lịch, nông lâm nghiệp; một số công trình hạ tầng động lực được đầu tư, mở rộng không gian phát triển mới; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy và sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã gắn với triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tuy nhiên, nhiều hạn chế nội tại chậm được khắc phục: Quy mô kinh tế nhỏ, ngân sách phụ thuộc lớn vào Trung ương; cơ sở hạ tầng còn yếu, thiếu đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực thấp; tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao. Bên cạnh đó, dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường, đặc biệt cuối năm 2024, cơn bão số 3 (Yagi) và hoàn lưu sau bão gây thiệt hại lớn trên diện rộng, tác động ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất, đời sống của Nhân dân và việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, thể hiện quyết tâm vượt khó, tranh thủ thời cơ, kiên trì đổi mới, từng bước đưa các chủ trương của Đảng vào cuộc sống. Những thành quả đã đạt được tuy còn khiêm tốn nhưng là tiền đề quan trọng để tỉnh bước vào giai đoạn phát triển mới với tâm thế chủ động, tư duy đổi mới mạnh mẽ và hành động quyết liệt, hiệu quả hơn, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Phát triển kinh tế

1.1. Kinh tế có bước phát triển, quy mô nền kinh tế của tỉnh và thu nhập của người dân ngày càng tăng lên

Kinh tế từng bước phục hồi sau đại dịch COVID-19, duy trì tăng trưởng qua các năm, thể hiện nỗ lực phục hồi rõ nét sau giai đoạn chịu tác động nặng nề của dịch bệnh, thiên tai và biến động kinh tế toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 4,46%/năm. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực, trong đó khu vực dịch vụ tiếp tục mở rộng, chiếm tỉ trọng chủ đạo; công nghiệp - xây dựng tăng trưởng chậm, chưa tạo được đột phá rõ rệt, cụ thể: Dịch vụ chiếm 56,21%, tăng 2,96%; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 19,72%, giảm 3,37%; công nghiệp, xây dựng chiếm 20,40%, tăng 0,22%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,67%, tăng 0,19%.

Quy mô nền kinh tế được nâng lên đáng kể. GRDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt 28.618 tỉ đồng, chiếm 0,22% tổng GDP, gấp 1,5 lần quy mô kinh tế năm 2020. GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 50,73 triệu đồng, tăng gấp 1,4 lần so với năm 2020 là mức tăng trưởng tích cực, tuy vậy mới đạt 40,58% bình quân cả nước và bằng 67,2% so với khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

1.2. Nông nghiệp giữ vai trò trụ đỡ, chuyển dần sang sản xuất hàng hóa và bền vững

Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò nền tảng trong ổn định kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế cho người dân, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,97%/năm; cơ cấu nội ngành chuyển dịch theo hướng tăng dần tỉ trọng chăn nuôi, lâm nghiệp và dịch vụ nông nghiệp, giảm dần phụ thuộc vào trồng trọt.

Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 50 triệu đồng/ha - một bước tiến đáng kể so với trước. Các vùng sản xuất chuyên canh, ứng dụng công nghệ, sản phẩm đạt chuẩn VietGAP, hữu cơ... từng bước hình thành. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) phát huy hiệu quả rõ nét, tạo cơ hội phát triển sản phẩm đặc hữu gắn với thị trường. Chăn nuôi chuyển dần sang hình thức tập trung, liên kết và ứng dụng công nghệ cao; di dời gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở được thực hiện quyết liệt. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng, tỉ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 55,06%.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Đến tháng 6/2025 (trước thời điểm thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã), toàn tỉnh có 06 xã duy trì 19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt khoảng 12% chỉ tiêu

Nghị quyết Đại hội. Điều đó phản ánh thực trạng phân hóa rõ giữa các vùng; yêu cầu đặt ra là cần cơ chế linh hoạt, tăng đầu tư cho vùng khó khăn để đảm bảo tiến độ, chất lượng và tính bền vững của chương trình.

1.3. Công nghiệp - thương mại - dịch vụ có bước tăng trưởng, định hình được vai trò mới của kinh tế cửa khẩu

Công nghiệp có bước phát triển rõ nét, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,87%/năm; nhiều dự án chế biến khoáng sản, nhà máy thủy điện được hoàn thành và đưa vào vận hành, tạo động lực, năng lực sản xuất mới cho phát triển kinh tế.

Thương mại, dịch vụ phục hồi nhanh, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,95%/năm. Hệ sinh thái thương mại điện tử bước đầu hình thành. Hạ tầng dịch vụ được cải thiện, vận tải hàng hóa và hành khách tăng mạnh, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Kinh tế cửa khẩu có bước phát triển nổi bật: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 4,4 tỉ USD; thu ngân sách từ cửa khẩu chiếm 46% tổng thu toàn tỉnh. Việc nâng cấp, mở mới các cặp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu song phương mở ra không gian kết nối mới với Trung Quốc và các nước ASEAN, định vị lại vai trò chiến lược của Cao Bằng từ cửa ngõ biên giới trở thành điểm kết nối giao thương quan trọng trong hành lang kinh tế và logistics khu vực.

1.4. Du lịch có khởi sắc, từng bước chuyển từ tiềm năng sang phát triển thực chất

Du lịch có sự chuyển biến rõ rệt, dần trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Lượng khách du lịch ước đạt 7,8 triệu lượt người, tăng trên 50%; tổng thu từ khách du lịch ước đạt 5.500 tỉ đồng, tăng gấp 03 lần so với nhiệm kỳ trước. Các tuyến, điểm du lịch được đầu tư kết nối; các sản phẩm du lịch cộng đồng, trải nghiệm, sinh thái ngày càng đa dạng. Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng tiếp tục được khai thác hiệu quả, khẳng định thương hiệu du lịch đặc sắc của tỉnh. Phối hợp với nước bạn Trung Quốc hoàn thành giai đoạn thí điểm và đưa vào vận hành chính thức đón khách du lịch tham quan khu cảnh quan theo Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc).

1.5. Hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư mạnh, mở rộng không gian phát triển

Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị, hạ tầng số) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 được quan tâm thực hiện đạt nhiều kết quả quan trọng. Giai đoạn 2021 - 2025, đã bố trí 21.640 tỉ đồng từ đầu tư công cho giao thông, du lịch, đô thị, hạ tầng số. Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được hoàn thành là công cụ chiến lược để hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế, xã hội trung hạn và dài hạn.

Tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) được tích cực triển khai và quyết tâm thông tuyến ngay trong năm 2025, kỳ vọng trở thành đột phá về kết nối vùng, mở rộng không gian phát triển. Các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, liên huyện được cải tạo, nâng cấp; tỉ lệ xã có đường nhựa hóa đến trung tâm đạt 99,4%. Hạ tầng đô thị được chỉnh trang, tỉ lệ đô thị hóa đạt 25,5%.

Hạ tầng cửa khẩu, du lịch và chuyển đổi số được đầu tư đồng bộ. Tỉ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt gần 86%; 60% hộ có Internet cáp quang, 1.462 tổ chuyển đổi số cộng đồng được hình thành, tạo nền tảng cho chính quyền số, kinh tế số.

1.6. Quản lý tài chính - ngân sách có chuyển biến tích cực, cơ cấu chi được cải thiện

Thực hiện quyết liệt, linh hoạt các giải pháp điều hành thu, chi ngân sách. Tổng thu ngân sách giai đoạn 2021 - 2025 đạt 13.942 tỉ đồng, tăng bình quân 22,58%/năm, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội. Cơ cấu chi chuyển dịch theo hướng tích cực, chi đầu tư tăng từ 28% lên 32,5%, chi thường xuyên giảm dần từ 72% xuống dưới 67,5%.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 51.358 tỉ đồng, tốc độ tăng bình quân giai đoạn đạt 4,94%, tuy chưa đạt mục tiêu nhưng phục hồi mạnh vào cuối nhiệm kỳ. Hệ thống tín dụng, ngân hàng phát triển ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh và an sinh xã hội.

1.7. Môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện, các thành phần kinh tế phát triển cả về quy mô và chất lượng hoạt động.

Tinh tập trung đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, tổ chức đối thoại giữa chính quyền các cấp, các ngành với doanh nghiệp, hợp tác xã để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Tổ công tác tiếp nhận và hỗ trợ triển khai dự án đầu tư hoạt động hiệu quả; ban hành danh mục 102 dự án ưu tiên thu hút đầu tư. Toàn tỉnh có 244 dự án với tổng vốn đăng ký trên 32.300 tỉ đồng. Trong nhiệm kỳ, cấp mới 38 dự án với tổng vốn đăng ký 5.296 tỉ đồng.

Tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển cả về số lượng, quy mô và loại hình. Thành lập mới 753 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp lên 2.292, tăng 48,93% so với nhiệm kỳ trước. Kinh tế hợp tác có sự chuyển biến tích cực, hợp tác xã tăng gần 30%, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động.

1.8. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường.

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước được chấn chỉnh kịp thời và ngày càng đi vào nề nếp. Các kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được rà soát, điều chỉnh phù hợp. Cơ chế khai thác vật liệu xây dựng tại chỗ cho các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và cho dự án cao tốc được ban hành kịp thời, góp phần tháo gỡ nút thắt về vật liệu trong đầu tư công, cũng như trong thực hiện các dự án trọng điểm của quốc gia.

Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai được triển khai hiệu quả. Việc xử lý khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường được tăng cường. Các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng cơ bản được xử lý dứt điểm. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn đô thị đạt 92,60%; tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch đạt 91%; tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%.

2. Văn hoá - xã hội

2.1. Giáo dục - đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng từng bước được nâng cao

Tỉnh đã tích cực thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với yêu cầu phát triển nhân lực trong giai đoạn chuyển đổi số. Mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được rà soát, sắp xếp lại, cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Toàn tỉnh có 514 cơ sở giáo dục, 194 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt trên 133% vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội.

Chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học tiếp tục được duy trì; giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm. Giáo dục STEM, Robotics được đẩy mạnh và đạt thành tích cao ở giải quốc gia, quốc tế; giáo dục mũi nhọn có bước đột phá với 102 giải quốc gia, quốc tế, trong đó riêng hai năm cuối nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ 79,41%.

2.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều tiến bộ, năng lực phòng chống dịch bệnh được nâng cao

Điểm nổi bật của nhiệm kỳ là tỉnh đã kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, trở thành điểm sáng toàn quốc về phòng chống dịch. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao thông qua ứng dụng kỹ thuật mới, phân tuyến điều trị, chuyển giao công nghệ giữa các tuyến.

Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ đạt 81,6%; tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 94,4%, vượt 19,4 điểm % mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,7%. Chất lượng dân số có cải thiện, tuổi thọ trung bình đạt 72,7 tuổi; cân bằng giới tính được duy trì; tầm vóc, thể lực người dân cải thiện rõ rệt. Chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh là 29% trên tổng chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

2.3. Văn hóa, thể thao tiếp tục phát triển, di sản được bảo tồn, chuyển đổi số tạo nền tảng cho văn hóa số

Hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, góp phần khơi dậy bản sắc, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Nhiều sự kiện văn hóa lớn được tổ chức thành công, tạo hiệu ứng lan tỏa trong nước và quốc tế. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai thực chất.

Tỉnh có thêm 12 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh; 10 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Hệ thống nhà văn hóa, thiết chế thể thao tiếp tục được đầu tư, tỉ lệ khu dân cư có nhà văn hóa đáp ứng nhu cầu sử dụng đạt gần 60%. Thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả tích cực. Hoạt động truyền thông, chuyển đổi số, dữ liệu số trong lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều bước tiến mới, tạo nền tảng cho phát triển văn hóa số.

2.4. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhiều tiến bộ.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng được chú trọng, chuyển từ nghiên cứu sang ứng dụng thực tiễn. Trong nhiệm kỳ có 93 nhiệm vụ khoa học công nghệ được triển khai; nhiều đề tài ứng dụng, triển khai hiệu quả vào các lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội; một số cây trồng, vật nuôi bản địa được phục tráng, nhân giống, cải tạo, nâng cao năng suất từ 10 - 15% so với trước khi nghiên cứu. Hoạt động khởi nghiệp, sáng kiến, sở hữu trí tuệ khởi sắc. Hạ tầng và cơ chế hỗ trợ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo từng bước hình thành, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm địa phương.

Công tác chuyển đổi số đạt nhiều kết quả tích cực, được đẩy mạnh thực hiện tổng thể, toàn diện trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính quyền các cấp đã triển khai hoạt động trên nền tảng công nghệ thông tin. Hạ tầng bưu chính, viễn thông được mở rộng, chất lượng dịch vụ được nâng cao.

2.5. An sinh xã hội được bảo đảm, giảm nghèo đạt kết quả rõ nét; công tác dân tộc, tôn giáo triển khai đồng bộ, hiệu quả

Tỉnh đã đào tạo nghề cho hơn 30.300 lao động, nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo lên 51,2%, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Hỗ trợ tạo việc làm cho 43.160 người, trong đó 1.076 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống 3% đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

Tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4,24%/năm, đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội; trên 19.000 hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ nhà ở từ Chương trình thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát. Hơn 98% dân số có bảo hiểm y tế, 88.000 lượt người được thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

Triển khai đồng bộ các dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 với tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỉ đồng. Các hoạt động tôn giáo diễn ra ổn định, đúng pháp luật; khối đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo được củng cố vững chắc; không để xảy ra điểm nóng về tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Quốc phòng – an ninh, đối ngoại

3.1. Củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia

Nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh khu vực và thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc. Việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 117-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân giai đoạn 2021 - 2025 đã góp phần nâng cao năng lực phòng thủ từ tinh đến cơ sở, đồng thời phát huy hiệu quả kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh.

Lực lượng vũ trang được xây dựng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, là lực lượng nòng cốt trong phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, xử lý các tình huống phức tạp về an ninh. Tình hình biên giới được giữ vững ổn định, công tác quản lý và bảo vệ đường biên mốc giới được triển khai nghiêm túc theo các văn kiện pháp lý và cơ chế hợp tác Việt Nam - Trung Quốc. Tổ chức thành công Giao lưu hữu nghị Quốc phòng biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 07 là minh chứng cho vai trò, vị thế và tinh thần chủ động hội nhập, hợp tác quốc phòng của tỉnh trong khu vực biên giới.

3.2. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tiếp tục được tăng cường với tinh thần chủ động, quyết liệt và đồng bộ. Lực lượng Công an của tỉnh được xây dựng có tổ chức chặt chẽ, lực lượng tinh gọn, hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ các sự kiện chính trị trọng đại và bảo đảm an ninh nông thôn, dân tộc, tôn giáo, không để xảy ra các tình huống bị động, bất ngờ.

Xử lý hiệu quả nhiều vụ án, chuyên án lớn, đặc biệt nghiêm trọng, tỉ lệ điều tra khám phá án đạt cao, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt gần 100%. Việc xóa bỏ hoàn toàn hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh trên địa bàn tỉnh là kết quả của quá trình kiên trì tuyên truyền, đấu tranh, thể hiện quyết tâm chính trị cao và khẳng định hiệu lực, hiệu quả công tác vận động quần chúng, giữ vững an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai sâu rộng, gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế và giữ gìn ổn định từ cơ sở; từng bước hình thành thể trận an ninh nhân dân vững chắc, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và Nhân dân.

3.3. Mở rộng đối ngoại, hội nhập quốc tế hiệu quả, ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực

Hoạt động đối ngoại dựa trên 03 nền tảng trụ cột: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân ngày càng đi vào chiều sâu, tạo hành lang chính trị - pháp lý và cơ hội phát triển cho các lĩnh vực hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, giáo dục và giao lưu nhân dân. Quan hệ hợp tác truyền thống giữa Cao Bằng và Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc) tiếp tục được củng cố, mở rộng với nhiều cơ chế hợp tác hiệu quả, thực chất. Đưa vào vận hành chính thức Khu cảnh quan trên cơ sở Hiệp định Hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) – Đức Thiên (Trung Quốc); nâng cấp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) – Long Bang (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế, bao gồm lối thông quan Nà Đổng (Việt Nam) – Nà Ráy (Trung Quốc); nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng (Việt Nam) - Thủy Khẩu (Trung Quốc) lên cửa khẩu quốc tế, bao gồm lối thông quan cầu Tà Lùng II - Thủy Khẩu (Trung Quốc). Việc ký kết 51 văn bản, thỏa thuận quốc tế đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực then chốt, góp phần quan trọng thúc đẩy quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước phát triển ổn định, bền vững.

Các hoạt động đối ngoại nhân dân, ngoại giao văn hóa với các nước được đẩy mạnh, đăng cai sự kiện mang tầm quốc tế như: Hội nghị quốc tế lần thứ 8 của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO khu vực Châu - Thái Bình Dương năm 2024, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của tỉnh trong khu vực và quốc tế. Hằng năm, thu hút từ 25 dự án viện trợ phi chính phủ với giá trị cam kết từ 1,5 - 3 triệu USD, góp phần bổ sung nguồn lực cho phát triển bền vững.

4. Công tác xây dựng Đảng

4.1. Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều đổi mới, tạo thống nhất trong các cấp uỷ đảng và đồng thuận trong Nhân dân

Công tác giáo dục lý luận chính trị, tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được đổi mới mạnh mẽ, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị và gắn chặt với thực tiễn phát triển địa phương. Việc học tập, quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng được tổ chức kịp thời, với tỉ lệ cán bộ, đảng viên tham gia đạt trên 95%, qua đó củng cố niềm tin, tăng cường sự thống nhất trong toàn Đảng bộ.

Thực hiện nghiêm túc Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị gắn với Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; xây dựng, nhân rộng trên 400 mô hình điển hình, tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong xã hội. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được tăng cường trên không gian mạng, đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái, phản động. Các hoạt động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, biên soạn lịch sử Đảng được quan tâm đầu tư, đạt kết quả nổi bật.

4.2. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ được triển khai mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ

Đã triển khai quyết liệt, đồng bộ chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hướng mạnh về cơ sở nhận được sự đồng thuận cao của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp được nâng lên rõ rệt; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ được thực hiện bài bản, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Các tổ chức Đảng tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và được sắp xếp, kiện toàn phù hợp, đồng bộ với tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt trên 90%. Trong nhiệm kỳ, kết nạp 9.149 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh lên 63.568 đảng viên (chiếm khoảng 11,3% dân số toàn tỉnh); đồng thời rà soát, đưa ra khỏi Đảng 292 trường hợp suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, không đủ tư cách, góp phần nâng cao uy tín của Đảng, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh.

4.3. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng được tăng cường, thực thi, kỷ luật nghiêm minh

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo hướng trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn. Hoàn thành 100% chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ và hằng năm, qua đó nâng cao hiệu quả thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp. Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng được ban hành đầy đủ, bảo đảm đồng bộ và kịp thời. Việc phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc trong kiểm tra, giám sát và xử lý sai phạm được tăng cường, bảo đảm nguyên tắc, kỷ cương và tính răn đe. Công tác thi hành kỷ luật Đảng được thực hiện nghiêm minh, nhất quán, không có vùng cấm, góp phần cảnh tỉnh, răn đe và nâng cao năng lực tự chỉnh đốn của tổ chức đảng.

4.4. Công tác dân vận được phát huy, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân

Công tác dân vận được triển khai đồng bộ, sâu sát cơ sở, tạo chuyển biến về tư duy và hành động trong cả hệ thống chính trị. Phát huy tốt vai trò nòng cốt của đội ngũ người có uy tín trong tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tích cực nắm tình hình cơ sở, kịp thời phát hiện và đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động tôn giáo trái pháp luật. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị về thực hiện công tác dân vận; xây dựng và duy trì 10.295 mô hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực của đời sống, xã hội; thực hiện nghiêm túc, thường xuyên hoạt động đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp với Nhân dân, góp phần tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng.

4.5. Công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp được đẩy mạnh, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng

Lãnh đạo xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, biên giới, công tác kiểm soát phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Hoạt động phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tinh hoạt động hiệu quả, chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp thuộc diện theo dõi, chỉ đạo, được người dân đồng tình ủng hộ, đánh giá cao. Tỷ lệ thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế đạt gần 83%.

Các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời. Công tác thanh tra tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, tiềm ẩn rủi ro, qua đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý các sai phạm. Cải cách tư pháp được đẩy mạnh, ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân được nâng lên rõ rệt; công tác điều tra, truy tố, xét xử được phối hợp chặt chẽ; tỷ lệ án bị hủy, sửa giảm 85,3% so với năm đầu nhiệm kỳ. Hoạt động tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có chuyển biến tích cực, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội ngay từ cơ sở.

5. Hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

5.1. Hệ thống chính quyền các cấp có nhiều đổi mới; kỷ luật, kỷ cương hành chính, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có nhiều đóng góp tích cực vào công tác xây dựng pháp luật, phản ánh nguyện vọng của cử tri tỉnh đến với Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương để xem xét, giải quyết; tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri, giám sát chuyên đề được cử tri quan tâm, đánh giá cao.

Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động; tổ chức các kỳ họp, giải trình, chất vấn và tiếp xúc cử tri đảm bảo theo quy định. Hoạt động giám sát có nhiều chuyển biến tích cực, lựa chọn nội dung giám sát có trọng tâm, tập trung vào các lĩnh vực cử tri quan tâm. Việc ban hành nghị quyết đúng thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tiễn, góp phần thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, cụ thể hoá các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Ủy ban nhân dân các cấp chủ động, tích cực, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thông suốt, hiệu quả; công tác cải cách hành chính, phân cấp - phân quyền, gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử đạt được nhiều kết quả tích cực. Kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm người đứng đầu được tăng cường, hiệu quả quản lý Nhà nước được nâng lên.

5.2. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng được phát huy, góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc

Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng được sắp xếp lại đảm bảo tinh gọn, hoạt động thống nhất, hiệu quả. Vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân tiếp tục được phát huy mạnh mẽ; làm tốt công tác huy động các nguồn lực xã hội chăm lo cho người nghèo, triển khai các hoạt động nhân đạo, từ thiện, khắc phục hậu quả thiên tai. Chủ động tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền; thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động được triển khai tích cực, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, tạo sự lan toả trong Nhân dân, góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị ở địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

1.1. Kết quả đạt được

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã nỗ lực, đoàn kết, phát huy nội lực, tranh thủ hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu, nhiệm vụ trọng

tâm, trọng điểm. Có 12/18 chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đạt và vượt kế hoạch. Kinh tế duy trì đà tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực; hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư, mở rộng không gian phát triển mang tính chiến lược cho tỉnh trong giai đoạn tới. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm, giảm nghèo đạt kết quả rõ nét, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện, nâng cao. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ biên giới quốc gia. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực; việc nghiên cứu, quán triệt, triển khai cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận của Trung ương phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương được tiến hành nghiêm túc. Hoàn thành sớm việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Hệ thống chính trị và Nhân dân trong tỉnh thống nhất, đồng thuận cao trong việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được phát huy, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.

1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được

1.2.1. Nguyên nhân khách quan

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau 40 năm đổi mới đã tạo nền tảng và động lực mạnh mẽ cho các địa phương, trong đó có tỉnh Cao Bằng. Chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tiếp tục được hoàn thiện theo hướng ổn định, thống nhất, tăng cường phân cấp, phân quyền và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho cơ sở. Tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Trung ương, sự phối hợp, hỗ trợ của các bộ, ngành, địa phương bạn và cộng đồng doanh nghiệp trong cả nước.

1.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, đồng thuận trong xã hội là nền tảng cốt lõi để đạt được những thành quả toàn diện trong nhiệm kỳ. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thể hiện rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, bám sát thực tiễn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chương trình, đề án lớn mang tính định hướng chiến lược. Cả hệ thống chính trị vào cuộc đồng bộ, thống nhất, hướng mạnh về cơ sở; đội ngũ cán bộ từng bước được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống cội nguồn cách mạng, lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vượt khó vươn lên xây dựng quê hương ngày càng đổi mới và phát triển.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

(1) Phát triển kinh tế

Tăng trưởng kinh tế còn thiếu tính bền vững, nội lực kinh tế còn yếu, chưa hình thành các động lực phát triển dài hạn. Nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng không đạt mục tiêu đề ra như: Tốc độ tăng trưởng GRDP, tổng vốn đầu tư trên địa bàn, GRDP bình quân đầu người... Cơ cấu kinh tế nhỏ lẻ, manh mún; liên kết ngành, vùng, thị trường thiếu chặt chẽ. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu mang tính tự cung tự cấp, cơ cấu sản phẩm chậm chuyển dịch sang các loại có giá trị kinh tế cao, chưa hình thành được chuỗi liên kết, chuỗi giá trị trong sản xuất; công nghiệp chế biến và dịch vụ chất lượng cao phát triển chậm; phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào đầu tư công, chưa phát huy được vai trò động lực của khu vực kinh tế tư nhân.

Tài chính địa phương phụ thuộc lớn vào ngân sách Trung ương (gần 85% chi ngân sách từ hỗ trợ của Trung ương) khiến tỉnh thiếu dư địa tài chính cho thực hiện các chương trình trọng tâm, đột phá. Đầu tư công chưa thực hiện được vai trò dẫn dắt đầu tư tư nhân, thúc đẩy hợp tác công - tư. Huy động nguồn lực ngoài ngân sách gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ chế linh hoạt, niềm tin thị trường thấp, năng lực thiết kế và quản lý dự án còn hạn chế. Các động lực tăng trưởng truyền thống như đầu tư, xây dựng, tiêu dùng tốc độ đổi mới còn chậm, chưa tạo được sức bật mới cho nền kinh tế.

Kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; giao thông vùng nông thôn, nhất là tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn là điểm nghẽn kéo dài, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư; hạ tầng số thiếu đồng bộ, vẫn còn một số thôn, khu dân cư chưa được phủ sóng viễn thông, ảnh hưởng đến năng lực kết nối, cung cấp dịch vụ và chuyển đổi số. Doanh nghiệp vừa và nhỏ thiếu mặt bằng, vốn, cơ chế hỗ trợ phù hợp; hệ sinh thái khởi nghiệp chưa được hình thành.

(2) Văn hóa - xã hội

Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế có mặt còn bất cập, thiếu trụ cột đảm bảo phát triển con người. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nhân lực chất lượng cao chưa gắn với nhu cầu sử dụng, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực đột phá của tỉnh; tình trạng khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ thiếu hụt lao động địa phương, phải chủ yếu sử dụng lao động ngoại tỉnh. Chất lượng dịch vụ y tế chưa đồng đều, đặc biệt ở vùng sâu, vùng biên giới. Đầu tư tu bổ, phát huy giá trị di sản văn hóa còn hạn chế, nhất là đối với các di tích lịch sử - cách mạng. Tỷ lệ hộ nghèo vùng sâu, vùng xa còn cao, nguy cơ tái nghèo lớn. Khoảng cách chênh lệch cơ hội giáo dục, dịch vụ công, mức sống và thụ hưởng thành quả phát triển văn hóa giữa các vùng miền ngày càng rõ nét, ảnh hưởng tới công bằng xã hội và là rào cản của sự phát triển.

Chuyên đổi số và đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực phát triển xã hội. Cán bộ cơ sở và người dân còn thiếu kỹ năng số; ứng dụng công nghệ và chuyên đổi số trong các lĩnh vực còn chậm; thiếu trung tâm hỗ trợ, đào tạo, kết nối nền tảng.

(3) Quốc phòng - an ninh, đối ngoại

Tình hình an ninh trật tự trên tuyến biên giới, an ninh vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác cải cách tư pháp, giải quyết khiếu nại tố cáo có nơi còn chậm, thiếu dứt điểm, tiềm ẩn nguy cơ gây bức xúc trong Nhân dân, mất ổn định từ cơ sở. Hoạt động đối ngoại tuy được mở rộng nhưng hiệu quả thực chất của các thỏa thuận hợp tác còn hạn chế, chưa thu hút được nguồn lực và hỗ trợ phát triển cho địa phương.

(4) Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự tiên phong, gương mẫu; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thậm chí vi phạm pháp luật. Chất lượng sinh hoạt chi bộ ở một số nơi còn hình thức, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng chưa cao; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thiếu chiều sâu.

Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát có mặt còn hạn chế, hiệu quả trong phòng ngừa vi phạm chưa cao. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu; phân cấp, phân quyền thiếu đồng bộ; trách nhiệm công vụ, hiệu quả điều hành ở nhiều nơi còn hạn chế. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số địa phương chưa thật sự đổi mới, chưa sát với thực tiễn.

Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa đồng đều, bộ máy hành chính chưa chuyển mạnh sang mô hình phục vụ và kiến tạo. Một số chỉ số như PCI, PAPI, PAR-Index, SIPAS còn ở mức thấp, chưa phản ánh đầy đủ nỗ lực cải cách của tỉnh; thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà ở một số lĩnh vực. Một bộ phận cán bộ, công chức còn tư tưởng an toàn, ngại đổi mới, thiếu kỹ năng, chưa thích ứng với yêu cầu chuyên đổi số và đổi mới sáng tạo. Tình trạng “chảy máu chất xám”, di cư lao động, ảnh hưởng đến tính kế thừa và phát triển lâu dài. Tâm lý “bị bỏ lại phía sau” trong một bộ phận người dân làm giảm niềm tin, khát vọng vươn lên, đặt ra những thách thức vô hình nhưng mang tính chất quyết định đối với phát triển bền vững.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới, điểm xuất phát thấp, quy mô kinh tế nhỏ; dân cư phân tán, điều kiện tự nhiên nhiều mặt không thuận lợi; kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông còn nhiều hạn chế. Tác động tiêu cực kéo dài của

đại dịch COVID-19, thiên tai, biến đổi khí hậu, đặc biệt là cơn bão số 3 cuối năm 2024 được đánh giá là mạnh nhất trong 70 năm qua, cùng với những biến động về kinh tế, giá cả thị trường thế giới, trong nước đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và đời sống Nhân dân.

Bên cạnh đó, cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gay gắt, trong khi tỉnh chưa có nhiều lợi thế so sánh nổi bật. Hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, hướng dẫn của Trung ương trong một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, bất cập, thiếu tính khả thi, chậm được bổ sung, sửa đổi kịp thời; nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương còn hạn chế chưa đáp ứng so với nhu cầu đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Những điểm nghẽn trong phát triển chiến lược của tỉnh như: Giao thông, nhân lực, liên kết vùng, chất lượng thể chế địa phương... tuy đã được nhận diện từ nhiều nhiệm kỳ trước nhưng chậm được tháo gỡ một cách triệt để. Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách ở một số cấp, ngành còn hạn chế, chưa kịp thời và đồng bộ, chưa rõ trách nhiệm cá nhân.

Công tác xây dựng chiến lược, đánh giá tiềm năng, dự báo xu thế phát triển chưa sát với thực tiễn. Một số cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành; đổi mới tư duy phát triển, phát huy nội lực, tạo động lực tăng trưởng chưa rõ nét. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính chưa thật sự hiệu quả; ý thức, nhận thức về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số ở một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân còn hạn chế.

Đào tạo lao động kỹ thuật, phát triển nhân lực chất lượng cao chưa có bước đột phá. Huy động nguồn lực xã hội còn hạn chế; thiếu cơ chế, giải pháp hiệu quả để thu hút đầu tư vào lĩnh vực, địa bàn trọng điểm. Khát vọng vươn lên, tinh thần đổi mới, ý chí tự lực, tự cường trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa mạnh mẽ, chưa trở thành động lực lan tỏa trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện, tập trung, thống nhất của Đảng trong toàn bộ quá trình phát triển; kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương thành chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới. Kiên trì nguyên tắc nhưng linh hoạt trong tổ chức thực hiện, gắn với xác định đúng trọng tâm, khâu đột phá, tháo gỡ điểm nghẽn, phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo chuyển biến rõ nét, thiết thực.

Hai là, phát huy vai trò của Nhân dân là trung tâm, chủ thể, đồng thời là động lực và mục tiêu của quá trình phát triển. Tăng cường củng cố khối đại đoàn kết

toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tinh thần đổi mới, tự lực, tự cường, ý chí khát vọng vươn lên. Kết hợp hài hòa giữa nội lực và ngoại lực; tích cực huy động, tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ của Trung ương, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ba là, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành theo hướng sát cơ sở, bám thực tiễn, quyết liệt, hiệu quả; chuyển mạnh từ tư duy quản lý, kiểm soát sang tư duy phục vụ, kiến tạo, đồng hành; đề cao tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ với chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực thực thi và kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực một cách thực chất, nhất là ở cấp cơ sở.

Bốn là, xây dựng quy hoạch và định hướng chiến lược phát triển gắn với đặc thù địa phương, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng lĩnh vực. Bảo đảm kết hợp chặt chẽ, thống nhất giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý, lao động kỹ thuật, nhân lực công nghệ thông tin; đồng thời có chính sách thiết thực để thu hút và trọng dụng nhân tài gắn bó lâu dài với tỉnh.

Năm là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đề cao trách nhiệm nêu gương, nhất là người đứng đầu; thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, qua đó góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Phần thứ hai **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP** **NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, song cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xuất hiện nhiều vấn đề toàn cầu mang tính xuyên biên giới và ngày càng khó kiểm soát đòi hỏi các quốc gia phải tăng cường thích ứng linh hoạt, mở rộng hợp tác đa phương, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và quản trị toàn cầu. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra thay đổi sâu sắc về chuỗi cung ứng,

chuỗi giá trị và mô hình phát triển kinh tế truyền thống. Nhiều quốc gia đã điều chỉnh chiến lược theo hướng phát triển bền vững, chuyển đổi năng lượng, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ tài nguyên môi trường trong dài hạn. ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng ngày càng được kỳ vọng đóng vai trò cầu nối quan trọng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thúc đẩy kết nối, thương mại và đầu tư xuyên biên giới.

Trong nước, sau gần 40 năm đổi mới, đất nước đã tích lũy được nền tảng vững chắc để bước vào giai đoạn phát triển nhanh và bền vững hơn, hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Những thành tựu to lớn về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại đã giúp Việt Nam giữ vững ổn định vĩ mô, nâng cao vị thế và uy tín trên trường quốc tế, chủ động tham gia tích cực vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Nhiều cơ chế, chính sách mới được Trung ương ban hành nhằm thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số và nâng cao năng lực quản trị ở các cấp. Tuy nhiên, nguy cơ tụt hậu về công nghệ; rủi ro từ tác động bên ngoài; áp lực từ già hóa dân số, bất bình đẳng xã hội, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và môi trường tiếp tục là những thách thức lớn, đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, hoàn thiện thể chế, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực điều hành chính sách ở các cấp.

Đối với Cao Bằng, việc hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, gắn với triển khai hiệu quả các chính sách phân cấp, phân quyền đang là yêu cầu cấp thiết nhằm phát huy tính chủ động, linh hoạt, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng), Bắc Kạn – Cao Bằng được đầu tư hoàn thành và đưa vào vận hành, cùng với việc phát triển hạ tầng cửa khẩu, logistics, đô thị động lực, nếu được khai thác hiệu quả sẽ mở ra bước chuyển mang tính lịch sử, từng bước khắc phục điểm nghẽn kéo dài về kết nối giao thông, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới và du lịch bền vững. Đồng thời, các định hướng lớn của Trung ương về phát triển kinh tế số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững nếu được vận dụng phù hợp sẽ tạo điều kiện để tinh chuyển hóa tiềm năng địa chính trị, địa kinh tế thành động lực tăng trưởng thực chất, dài hạn.

Bên cạnh đó, tỉnh vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Quy mô kinh tế nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp; tỉ lệ hộ nghèo cao, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; an ninh trật tự vùng biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiềm ẩn yếu tố phức tạp; tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu, thiên tai ngày càng khốc liệt, khó lường. Thực tiễn đó đòi hỏi phải có cách tiếp cận mới, toàn diện và thực chất hơn trong công tác quy hoạch, thu hút đầu tư, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển nguồn nhân lực và phát huy vai trò của Nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Với truyền thống cách mạng kiên cường, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên; cùng với sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và bạn bè quốc tế, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng tin tưởng sẽ nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, tạo nền tảng vững chắc cho bước phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quy hoạch và chiến lược phát triển tỉnh phải đi trước một bước, có tính khả thi cao, linh hoạt theo thực tiễn, bao trùm và bền vững; đặt trong mối liên kết chặt chẽ với chiến lược phát triển quốc gia và các quy hoạch vùng, ngành. Khai thác tối đa lợi thế đặc thù về vị trí địa - kinh tế, địa - chính trị, cửa ngõ quốc tế kết nối với thị trường Trung Quốc nhằm huy động nguồn lực đầu tư, tạo đột phá, lan tỏa tới phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh, quản lý và bảo vệ biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với Trung Quốc. Bảo đảm cân đối, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng - an ninh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Lựa chọn đúng các nhiệm vụ đột phá, thực sự tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh; tập trung lãnh đạo, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện quyết liệt, từng bước tích lũy nội lực để chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững.

2. Xây dựng hệ thống chính trị liên chính, pháp quyền, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục củng cố, sắp xếp tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, gắn kết chặt chẽ giữa cải cách hành chính với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường kiểm tra, giám sát, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ. Phát huy dân chủ cơ sở, vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng chính quyền phục vụ Nhân dân.

3. Con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu, đồng thời là động lực và mục tiêu của phát triển. Tập trung nâng cao chất lượng nhân lực; tạo điều kiện để người dân, nhất là thế hệ trẻ, tiếp cận cơ hội phát triển bền vững. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, khởi nghiệp và sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, góp phần tạo nền tảng để tỉnh phát triển nhanh và bền vững, rút ngắn khoảng cách với cả nước.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khai thác tối đa lợi thế đặc thù, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho các ngành kinh tế mũi nhọn, nhất là kinh tế cửa khẩu, du lịch, tạo đột phá trong giai đoạn phát triển mới; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức khá so với các tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Quan tâm

an sinh xã hội, giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; mở rộng hợp tác đối ngoại, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; xây dựng Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm 2025 – 2030

- Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 10%/năm trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt từ 75 - 80 triệu đồng/người/năm.

(2) Đến năm 2030, cơ cấu GRDP: Khu vực dịch vụ và công nghiệp chiếm trên 80%, nông lâm nghiệp dưới 15%.

(3) Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 12%/năm.

(4) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tăng bình quân 11%/năm.

(5) Đến năm 2030, đóng góp của kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 20%, trong đó kinh tế số nền tảng chiếm từ 7 - 10%.

- Về Văn hóa - Xã hội

(6) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân trên 3%/năm.

(7) Đến năm 2030, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 39,62% (21/53 xã); trên 50% số xã, phường không ma túy và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

(8) Phấn đấu đến năm 2030, giảm ít nhất 40% số điểm trường lẻ; bảo đảm trên 80% số xã có trường bán trú hoặc nội trú; 100% xã biên giới có trường phổ thông nội trú liên cấp. Xây dựng mới 01 Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh quy mô 500 giường, có khả năng nâng cấp lên 1.000 giường sau năm 2030, được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn nhân lực. Đồng thời, giảm ít nhất 30% chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh thông qua việc nâng cao chất lượng hệ thống y tế địa phương, tăng cường niềm tin và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại cơ sở.

(9) Đến năm 2030 có trên 90% xã trên địa bàn tỉnh đạt mức Chỉ số Hạnh phúc người dân (CB-HPI) từ 90 điểm trở lên, phản ánh mức sống hài lòng và bền vững, bảo đảm phát triển bao trùm về an sinh, cơ hội, văn hoá, niềm tin.

- Về chuyển đổi số, cải cách hành chính

(10) Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 90%; tỷ lệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua nền tảng số đạt 100%.

(11) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số chuyển đổi số (DTI) nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố trên cả nước.

- Về công tác xây dựng Đảng

(12) Tỷ lệ tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 80% trở lên; kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 1.500 - 1.600 đảng viên.

3. Các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá giai đoạn 2025 – 2030

3.1. Các chương trình trọng tâm

(1) Chương trình phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2025 – 2030

Ưu tiên phát triển du lịch, tầm nhìn trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh với hạ tầng du lịch hiện đại, thông minh, thân thiện môi trường gắn với phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, các khu du lịch. Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù như: Du lịch địa chất gắn với Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; du lịch lịch sử - văn hóa gắn với các di tích cách mạng, danh lam thắng cảnh; du lịch cộng đồng, nông nghiệp, du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng núi.

Huy động đa dạng nguồn lực xã hội đầu tư vào Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc), các khu du lịch trọng điểm, khu nghỉ dưỡng cao cấp, phát triển hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, chất lượng cao. Đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Cao Bằng; phát triển mạnh nguồn nhân lực du lịch tại chỗ. Phấn đấu đến năm 2030, du lịch trở thành ngành đột phá, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng bền vững.

(2) Chương trình bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030

Tập trung phát triển kinh tế rừng bền vững, gắn với bảo vệ và nâng cao giá trị hệ sinh thái tự nhiên. Hình thành vùng sản xuất tập trung các cây trồng có giá trị như quế, hồi, các loại dược liệu quý; phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng bán tự nhiên; xây dựng nhà máy chiết xuất tinh dầu và chế biến dược liệu tại vùng nguyên liệu. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông - lâm nghiệp đặc hữu của tỉnh.

(3) Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2025 – 2030

Tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tuyến vành đai biên giới, phát triển kinh tế biên mậu gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện và nâng cấp các cửa khẩu, lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa, lối mở biên giới theo quy hoạch quốc gia; tiếp tục vận hành hiệu quả các cửa khẩu quốc tế trên địa bàn, đặc biệt là Cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh; xây dựng mô hình cửa khẩu số, cửa khẩu thông minh nhằm nâng cao năng lực thông quan, thúc đẩy phát triển thương mại – logistics và du lịch. Phấn đấu đưa Cao Bằng trở thành một trong những trung tâm giao thương quan trọng kết nối Việt Nam với Trung Quốc và các nước ASEAN.

Chủ động phối hợp quảng bá quy hoạch tỉnh, quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu và các dự án động lực, tạo cơ sở thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng cao. Tăng cường liên kết vùng, mở rộng kết nối hạ tầng giao thông đối ngoại, hình thành trục động lực thương mại - du lịch của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

3.2. Các nội dung đột phá

(1) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2025 – 2030

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược của tỉnh có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tư duy đổi mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có tay nghề, kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng nhu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. Tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã mở rộng quy mô phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp, tạo việc làm ổn định cho lao động; có chính sách thu hút, đãi ngộ người tài, khơi dậy khát vọng cống hiến trong đội ngũ cán bộ và người lao động.

(2) Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường giai đoạn 2025 – 2030

Đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược, kết nối liên vùng và các đầu mối kinh tế quốc gia, tập trung hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh và Bắc Kạn - Cao Bằng; các tuyến kết nối cao tốc với các cửa khẩu quốc tế, song phương, trung tâm tỉnh, các khu di tích quốc gia đặc biệt và Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc)..

Phát triển hệ thống đô thị theo hướng đồng bộ, xanh, sạch, hiện đại; nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, gồm công trình xử lý chất thải, rác thải, hệ thống thoát nước, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ, công trình kè chống sạt lở gắn với chỉnh trang đô thị. Tạo bước đột phá về hạ tầng để nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển bền vững.

(3) Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 – 2030

Xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chiến lược thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, người dân ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, quản trị; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo.

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, an toàn, hiện đại; đẩy mạnh số hóa dữ liệu đất đai, dân cư, hộ tịch; tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông phục vụ điều hành. Phát triển chính quyền số, công dân số và kinh tế số; nâng cao hiệu quả cải cách hành

chính, chất lượng dịch vụ công, xây dựng môi trường số nhân văn, lan tỏa. Gắn kết chặt chẽ quá trình chuyển đổi số với xây dựng bộ máy chính quyền hiện đại, phục vụ, hướng tới “Chính quyền kiến tạo vì hạnh phúc Nhân dân”.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỈNH CAO BẰNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Để thực hiện khát vọng phát triển nhanh, bền vững và hạnh phúc, tỉnh Cao Bằng xác định mô hình phát triển phải dựa trên bản sắc riêng, nội lực mạnh, thể chế kiến tạo và đồng thuận xã hội sâu sắc. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, bám sát định hướng của Trung ương, tỉnh đề ra 06 định hướng chiến lược lớn, làm trụ cột cho mô hình phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:

1. Phát triển kinh tế nội sinh, khơi dậy nội lực từ bản địa, xây dựng nền kinh tế tự chủ, bền vững. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ phụ thuộc vào đầu tư công sang kinh tế do cộng đồng làm chủ và từ trông chờ bên ngoài sang phát huy tối đa nội lực tại chỗ. Tập trung phát triển kinh tế theo 4 trụ cột chiến lược: (i) Phát triển nông - lâm - dược liệu theo chuỗi giá trị; (ii) Phát triển du lịch di sản – cộng đồng; (iii) Thúc đẩy kinh tế cửa khẩu; (iv) Phát triển công nghiệp khai khoáng có kiểm soát. Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp nông thôn và doanh nghiệp bản địa, nâng cao năng lực cạnh tranh và tích lũy tại chỗ.

2. Bảo đảm công bằng xã hội, lấy con người làm trung tâm và chủ thể của phát triển. Xác định giáo dục và y tế là quyền cơ bản của mọi người dân, được ưu tiên đầu tư để thu hẹp khoảng cách phát triển, bảo đảm an sinh bền vững. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó; đầu tư hệ thống trường bán trú, nội trú; khuyến khích giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số; đổi mới giáo dục theo hướng STEM. Phát triển y tế cơ sở đồng bộ về đội ngũ bác sĩ, thuốc, trang thiết bị và hồ sơ sức khỏe điện tử. Tăng cường tiếp cận dịch vụ y tế cho nhóm yếu thế thông qua miễn, giảm chi phí điều trị cơ bản, mở rộng y tế lưu động, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Phát triển con người toàn diện là mục tiêu xuyên suốt của mọi chính sách phát triển.

3. Đột phá thể chế, xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo. Đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, chuyển từ điều hành sang phục vụ, từ quản lý sang kiến tạo. Phát triển chính quyền số đến cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả. Phân cấp, phân quyền rõ ràng, đi đôi với phân bổ nguồn lực, gắn trách nhiệm cá nhân, lấy kết quả làm căn cứ đánh giá. Xây dựng đội ngũ cán bộ gần dân, hiểu dân, hành động vì dân; đề cao vai trò người đứng đầu, phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách. Tái cấu trúc quy trình xử lý công việc, thiết lập cơ chế giám sát độc lập, phản hồi nhanh, củng cố niềm tin giữa chính quyền và Nhân dân. Coi trọng việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực trong Nhân dân và khu vực tư nhân; tăng cường trách nhiệm giải trình và kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Kiên quyết khắc phục tình trạng chông chéo, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

4. Tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường sống và phát triển bền vững. Đặt môi trường là trung tâm trong mọi quyết sách phát triển. Quản lý, giám sát chặt chẽ

hoạt động khai thác khoáng sản; phát triển kinh tế tuần hoàn, công nghiệp sạch, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Triển khai ứng dụng công nghệ giám sát môi trường, công khai dữ liệu môi trường, thành lập quỹ bảo vệ môi trường từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp khai thác. Phát triển mô hình xử lý rác thải tại nguồn, trạm xử lý nước thải hợp khối tại cộng đồng. Xây dựng văn hóa sống xanh từ cơ quan, đơn vị, trường học đến cộng đồng dân cư. Việc bảo vệ môi trường là điều kiện tiên quyết để phát triển bao trùm, bảo vệ sức khỏe và gìn giữ bản sắc địa phương.

5. Phát triển văn hóa đậm đà bản sắc, nâng cao đời sống tinh thần Nhân dân, tạo sức mạnh mềm, nguồn lực nội sinh, làm nền tảng cho sự phát triển. Bảo tồn, phát huy và khai thác giá trị văn hóa dân tộc thiểu số như: Nghi lễ, phong tục, tiếng nói, trang phục, tri thức dân gian. Loại bỏ hủ tục lạc hậu, phát huy các giá trị tích cực trong đời sống hiện đại. Gắn văn hóa với du lịch, giáo dục, truyền thông, xây dựng kinh tế sáng tạo. Mỗi làng bản trở thành không gian trải nghiệm văn hóa sống; mỗi sản phẩm OCOP là đại diện sinh động cho bản sắc địa phương. Hình thành hệ sinh thái văn hóa bản địa gắn với tự hào địa phương và năng lực phục hồi cộng đồng.

6. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng quân đội, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia. Giữ vững an ninh cơ sở, phát huy vai trò nòng cốt của công an xã chính quy, xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân. Phối hợp kiểm soát hiệu quả các nguy cơ an ninh truyền thống và phi truyền thống; lồng ghép nhiệm vụ đảm bảo an ninh với phát triển an sinh - sinh kế - hạ tầng - văn hóa vùng khó. Tăng cường quản lý tôn giáo, tín ngưỡng; đấu tranh với các hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết. Phát huy truyền thống và văn hóa trở thành “lực lượng an ninh mềm”, góp phần củng cố niềm tin và ổn định xã hội.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

1.1. Phát triển nông, lâm nghiệp bền vững gắn với chuyển dịch lao động nông thôn và xây dựng nông thôn mới đặc thù vùng cao

Tập trung phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ, đa giá trị gắn với chuỗi giá trị chế biến và tiêu thụ bền vững; thực hiện hiệu quả Chương trình trọng tâm về bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2026 – 2030. Ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu cây quế, hồi, các cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, kết hợp phát triển chăn nuôi gia súc bản địa theo mô hình trang trại an toàn sinh học, tiến tới hình thành chuỗi sản phẩm nông nghiệp đặc sản, có chỉ dẫn địa lý gắn với thương hiệu “Cao Bằng xanh”.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành nền nông nghiệp bản địa thông minh. Khuyến khích xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp nông nghiệp, nông thôn gắn với Chương trình OCOP và du lịch cộng đồng. Tập trung phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp

hàng hóa có lợi thế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất dốc, đất trồng lúa kém hiệu quả sang rau màu, cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày phù hợp điều kiện canh tác. Tăng cường đào tạo nghề nông nghiệp, hướng tới hình thành lực lượng nông dân thế hệ mới có kỹ năng sản xuất, ứng dụng kỹ thuật, khai thác thị trường và chuyển đổi sinh kế bền vững.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đặc biệt tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phấn đấu nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao theo hướng thực chất, bền vững. Phát triển nông thôn mới gắn với đặc trưng văn hóa dân tộc, lấy người dân làm trung tâm, hướng tới “nông thôn đáng sống”, giữ gìn được kiến trúc, phong tục, môi trường cảnh quan và bản sắc văn hóa truyền thống; tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu, kết hợp thực hiện các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, đào tạo nghề, an sinh xã hội nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực nông thôn với đô thị, tạo chuyển biến rõ nét về đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

1.2. Phát triển công nghiệp có chọn lọc, gắn với thế mạnh khoáng sản và dược liệu bản địa, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản kim loại màu (niken, đồng...), gắn với công nghệ thân thiện môi trường. Ưu tiên hình thành chuỗi chế biến sâu các sản phẩm nông - lâm - dược liệu, đặc biệt tại các địa phương có tiềm năng như: Bảo Lạc, Xuân Trường, Nguyên Bình, Thành Công, Trùng Khánh. Khuyến khích đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, nhất là dự án điện mặt trời quy mô nhỏ phục vụ dân sinh tại các khu vực vùng cao, biên giới, khó kết nối lưới điện quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, tỉ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 100%.

Hình thành cụm công nghiệp xanh tại các vùng động lực như: Tân Giang, Thục Phán, Nùng Trí Cao, Phục Hòa, Trà Lĩnh... gắn với hỗ trợ khởi nghiệp sản xuất nhỏ và công nghiệp nông thôn. Rà soát, xử lý nghiêm các dự án công nghiệp chậm triển khai, gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới phát triển bền vững.

1.3. Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ gắn với kinh tế cửa khẩu, dịch vụ logistics và thương mại điện tử xuyên biên giới

Tận dụng tối đa tiềm năng của tỉnh biên giới có nhiều cửa khẩu quốc tế và đường cao tốc xuyên Á, tập trung xác định phát triển dịch vụ logistics và thương mại điện tử biên mậu là hướng đi chiến lược. Phát triển thương mại, dịch vụ gắn kết với các tỉnh lân cận, đồng thời khai thác hiệu quả thị trường của Quảng Tây (Trung Quốc). Ưu tiên phát triển hạ tầng thương mại - logistics tại các trục trọng điểm: Phục Hòa - Trà Lĩnh - Thục Phán - Nùng Trí Cao và Hạ Lang - Tà Lùng - Lũng Nặm; đồng thời xúc tiến thành lập trung tâm giao thương số kết nối một số

vùng nguyên liệu lớn như: Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, vùng ven biển xây dựng chuỗi cung ứng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu qua cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện đột phá chính sách thương mại cửa khẩu, xây dựng cửa khẩu thông minh, hiện đại, phát triển hệ sinh thái thương mại điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư. Phấn đấu tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua địa bàn tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10%/năm. Phát triển hệ sinh thái thương mại điện tử địa phương, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tiêu thụ sản phẩm qua các sàn số nội địa và quốc tế.

1.4. Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng bản địa, sinh thái và trải nghiệm văn hóa - địa chất độc đáo

Chuyển đổi từ tư duy “làm du lịch” sang “làm kinh tế từ du lịch”. Trọng tâm là xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, di sản lịch sử cách mạng, văn hóa dân tộc thiểu số và hệ sinh thái nông nghiệp bản địa. Tập trung phát triển một số ngành du lịch, dịch vụ có lợi thế, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế du lịch về nguồn của tỉnh, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc địa phương như: Du lịch hang động địa chất, du lịch trải nghiệm làng nghề truyền thống.

Khuyến khích hình thành các khu nghỉ dưỡng núi kết hợp trị liệu sức khỏe và dịch vụ dưỡng lão cho người cao tuổi tại Trùng Khánh, Nguyên Bình, Phục Hòa; xây dựng thương hiệu du lịch “Cao Bằng xanh - bản sắc - an lành”. Hoàn thành quy hoạch và xúc tiến hợp tác đầu tư xây dựng Khu cảnh quan Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) trở thành khu du lịch trọng điểm, kiểu mẫu về du lịch qua biên giới. Phấn đấu đến năm 2030, du lịch trở thành ngành có đóng góp trên 10% GRDP, giải quyết sinh kế cho trên 30% lao động địa phương.

1.5. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối vùng và liên kết quốc tế, gắn với định hình không gian phát triển theo trục động lực

Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch vùng, Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và những định hướng chiến lược phát triển tỉnh trong tương lai, tích hợp giữa tăng trưởng, sinh thái, bản sắc. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch xây dựng các phường, xã mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo kịp thời, đồng bộ, thống nhất và phục vụ tốt cho nhu cầu của địa phương. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, ưu tiên cho các dự án hạ tầng chiến lược: Cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, logistics, với trung tâm là hai tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Bắc Kạn - Cao Bằng và các tuyến kết nối cao tốc với

trung tâm tỉnh, cửa khẩu quốc tế, các khu di tích quốc gia đặc biệt và Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc); gắn đầu tư hạ tầng với quy hoạch không gian phát triển theo các hàng lang kinh tế động lực. Khắc phục 100% điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến Quốc lộ; kiên cố hóa 100% mặt đường đường tỉnh và tối thiểu 85% mặt đường xã.

Hình thành các hành lang kinh tế theo trục cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh và trục đường Hồ Chí Minh kết nối cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng. Hoàn thiện không gian phát triển theo mô hình “Một vành đai biên giới - hai hành lang kinh tế - ba vùng phát triển - bốn trung tâm động lực”, đảm bảo gắn kết kinh tế, quốc phòng, an ninh và đô thị hóa bền vững.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng môi trường (thoát nước, xử lý rác, nghĩa trang...), hạ tầng khung đô thị theo hướng hiện đại kết hợp bảo tồn các giá trị văn hóa, kiến trúc bản địa đặc trưng tại các phường và các xã trung tâm. Phân đầu đến năm 2030, tỉ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 44%.

1.6. Đẩy mạnh quản lý thu - chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, phát triển tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh kế vùng khó

Tập trung nâng cao hiệu quả thu ngân sách nội địa, nhất là từ đất đai, khoáng sản, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và dịch vụ đô thị nhằm chủ động được nguồn lực ưu tiên đầu tư các nhiệm vụ, dự án trọng điểm. Kiên quyết xử lý nợ thuế, khai thác hiệu quả quỹ đất thông qua đấu giá công khai, minh bạch. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tăng đầu tư phát triển, tiết giảm chi thường xuyên.

Phát triển thị trường tín dụng, tài chính phục vụ sản xuất và sinh kế nông thôn, đặc biệt tại các xã nghèo, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích các tổ chức tín dụng triển khai sản phẩm tín dụng xanh, tín dụng vì môi trường. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động tài chính - ngân hàng, tăng thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển ngân hàng số.

1.7. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh, minh bạch và nâng cao vai trò động lực của kinh tế tư nhân

Tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, phát triển các thành phần kinh tế, trong đó xác định kinh tế tư nhân trở thành động lực tăng trưởng quan trọng nhất của kinh tế địa phương trong giai đoạn tới. Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân lành nghề cho doanh nghiệp; tăng cường đào tạo kỹ năng hội nhập quốc tế, kỹ năng số, kỹ năng quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ doanh nhân. Phân đầu đến năm 2030, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp từ 62 - 65% GRDP và tạo việc làm cho trên 60% lực lượng lao động của tỉnh.

Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện các chỉ số PCI, PAPI, PAR-Index và SIPAS; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Phát triển hệ thống dữ liệu số đồng bộ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin. Tăng cường thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và tạo giá trị lan tỏa. Hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo hướng bản địa hóa phù hợp với điều kiện địa phương. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư đặc thù, phù hợp với các địa bàn biên giới, miền núi. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, công khai danh mục dự án kêu gọi đầu tư, bảo đảm quỹ đất sạch sẵn sàng triển khai các dự án đầu tư. Kiên quyết xử lý dự án chậm tiến độ, sử dụng đất kém hiệu quả, gây lãng phí tài nguyên.

1.8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Tăng cường quản lý hiệu quả tài nguyên của tỉnh, đặc biệt là tài nguyên đất, rừng, khoáng sản. Hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn tỉnh; đẩy nhanh xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tập trung, đồng bộ, hiện đại, phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch, thu hút đầu tư, quản lý và giám sát sử dụng đất.

Phát triển khai thác khoáng sản có chọn lọc, trên cơ sở đánh giá đúng tiềm năng, trữ lượng, bảo đảm hiệu quả kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, cảnh quan; thực hiện nghiêm cấm hoạt động khoáng sản trong phạm vi khoanh vùng bảo vệ của các điểm di sản Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Quản lý chặt chẽ các mỏ chưa khai thác, gắn trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị, địa phương với việc để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, làm thất thoát tài nguyên.

Chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai gắn với đặc điểm địa hình phức tạp, nhiều vùng có nguy cơ cao sạt lở, lũ quét. Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai, nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm; ưu tiên di dời dân cư khỏi vùng nguy hiểm, bố trí ổn định dân cư gắn với sinh kế lâu dài. Tăng cường bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, nâng cao năng lực chống chịu của hệ sinh thái; từng bước triển khai thí điểm thị trường tín chỉ các-bon rừng gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh và tạo nguồn thu bền vững cho người dân vùng cao.

2. Văn hoá - xã hội

2.1. Tập trung phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống cho học sinh; đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo năng lực.

Tập trung phát triển giáo dục STEM, kỹ năng số, ngoại ngữ, tư duy khởi nghiệp; tăng cường giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực thuộc các ngành, lĩnh vực phù hợp với thị trường, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh như: Kỹ thuật, kinh tế cửa khẩu, nông - lâm nghiệp, du lịch, y tế, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo. Xây dựng chương trình giáo dục địa phương phù hợp với thực tiễn, góp phần bảo tồn văn hóa, bản sắc dân tộc và phát triển bền vững. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xoá mù chữ. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất trường lớp học, tập trung củng cố và phát triển các trường phổ thông dân tộc bán trú, nội trú tại các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa.

Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút các tổ chức giáo dục uy tín trong và ngoài nước tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Tăng cường đầu tư văn hóa, báo chí, thể thao, bảo tồn bản sắc dân tộc

Phát huy mạnh mẽ thế mạnh di sản văn hóa và bản sắc cộng đồng, tỉnh tập trung phát triển văn hóa thành động lực nội sinh cho phát triển bền vững. Tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; xây dựng trung tâm sinh hoạt cộng đồng gắn với bảo tồn di sản văn hóa dân tộc thiểu số, nhất là tại các xã biên giới. Xây dựng lĩnh vực báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại.

Thực hiện nghiêm túc các cam kết với UNESCO đối với Công viên địa chất toàn cầu và các di sản được ghi danh. Đưa các giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc như hát Then - đàn Tính, nghi lễ dân gian... vào giáo dục học đường, hoạt động văn hóa cộng đồng. Phát triển thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thể lực Nhân dân, chú trọng những môn thể thao dân tộc có tiềm năng phát triển thành tích cao.

2.3. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Phát triển toàn diện hệ thống y tế theo hướng hiện đại, đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Ưu tiên đầu tư hoàn thiện và nâng cấp các cơ sở y tế công lập; đẩy nhanh xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh mới, triển khai Bệnh viện Y học cổ truyền. Hình thành trung tâm y tế chuyên sâu vùng miền núi, từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm tải cho tuyến trên, bảo đảm người dân vùng sâu, vùng xa được tiếp cận dịch vụ y tế công bằng, chất lượng.

Chú trọng nâng cao chất lượng y tế tuyến cơ sở, y tế dự phòng và công tác dân số. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai khám chữa bệnh từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý bệnh không lây nhiễm. Triển khai thực hiện hiệu quả chủ trương khám sức khỏe định kỳ cho nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, bảo hiểm y tế bao phủ 100% dân cư.

2.4. Đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là giải pháp mang tính nền tảng để rút ngắn khoảng cách phát triển. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ; mở rộng vùng phủ sóng viễn thông, từng bước xóa các khu vực trắng sóng. Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn (big data) tích hợp, liên thông giữa các lĩnh vực: dân cư, đất đai, tài nguyên, doanh nghiệp, y tế, giáo dục... phục vụ điều hành thông minh, quản trị dữ liệu và dự báo phát triển.

Phát triển chính quyền số thực chất, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; phổ cập công nghệ số đến cơ sở, từng bước hình thành công dân số, xã hội số. Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; mở rộng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, mô hình kinh doanh số. Phát triển kinh tế số theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, ưu tiên ứng dụng trong nông nghiệp, thương mại, du lịch, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Hoàn thiện hạ tầng số, phát triển dữ liệu mở, nền tảng số dùng chung. Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người lao động.

Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp phù hợp với đặc thù tỉnh miền núi; chú trọng công nghệ trong bảo quản, chế biến nông sản, dược liệu, quản trị tài nguyên, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Tăng cường liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ và hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, tập trung vào các lĩnh vực như: Công nghệ chế biến dược liệu, nông nghiệp hữu cơ, quản trị tài nguyên, môi trường bằng công nghệ.

2.5. Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo, giảm nghèo bền vững và triển khai Bộ Chỉ số Hạnh phúc

Triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2026-2031; thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, ưu tiên chăm lo đối tượng nghèo, giảm hộ nghèo. Tập trung đầu tư hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, tạo sinh kế bền vững, khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo. Tiếp tục quan tâm người có công, người khuyết tật, trẻ em hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi; đẩy mạnh hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát sau năm 2025 và triển khai mô hình nhà ở cho hộ nghèo, nhà sinh hoạt cộng đồng tại vùng khó khăn.

Tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo trong tình hình mới. Phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh biên giới và phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai xây dựng và từng bước thực hiện Bộ Chỉ số Hạnh phúc phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, hệ thống thu thập dữ liệu, cơ chế công bố, đánh giá định kỳ. Xem đây là công cụ quản lý hiện đại, phản ánh chất lượng sống, mức độ hài lòng của Nhân dân, làm cơ sở quan trọng trong hoạch định, điều chỉnh chính sách, nâng cao hiệu quả phát triển con người và an sinh xã hội.

3. Quốc phòng - an ninh, đối ngoại

3.1. Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, tạo nền tảng phát triển bền vững

Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng các khu vực phòng thủ ngày càng vững mạnh, phù hợp với đặc điểm của tỉnh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh; quy hoạch và phát triển các vành đai, hành lang, cụm động lực kinh tế gắn kết với quốc phòng, nhất là trên tuyến biên giới, các địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, gắn với xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ huy, quy chế phối hợp hiệp đồng giữa lực lượng quân sự, công an, dân quân tự vệ và các lực lượng trong xử lý các tình huống về quốc phòng, an ninh khi vận hành tổ chức quân sự địa phương hai cấp. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh; huấn luyện, diễn tập sát thực tiễn, phù hợp với đặc điểm biên giới, núi cao, thời tiết khắc nghiệt và biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự, chính sách hậu phương quân đội.

Giữ vững ổn định chính trị, chủ động bảo vệ vững chắc an ninh nội địa, an ninh biên giới, an ninh kinh tế, an ninh mạng, nhất là trong bối cảnh xuất hiện ngày càng nhiều nguy cơ phi truyền thống, xuyên quốc gia. Tăng cường kiểm soát, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng biên giới, không gian mạng, các vấn đề dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc, gây rối, chống phá. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy, buôn bán người, buôn lậu, gian lận thương mại qua biên giới và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Xử lý kịp thời các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, an ninh trên địa bàn; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, chính quyền cấp xã bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới trong tình hình mới; tích cực nhân rộng mô hình tự quản, tự phòng, tự bảo vệ ở cơ sở; củng cố các tổ chức quần chúng làm công tác an ninh trật tự, nhất là ở xã biên giới, vùng sâu, vùng xa, góp phần giữ vững an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh tuyến sau vùng biên.

3.2. Mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động hội nhập, thúc đẩy hợp tác kinh tế biên mậu, tạo động lực phát triển mới

Triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước, ngoại giao nhân dân và đối ngoại địa phương; tăng cường hợp tác, hòa bình, hữu nghị với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc và các đối tác quốc tế. Thực hiện hiệu quả các văn kiện pháp lý, hiệp định, thỏa thuận đã ký kết, phối hợp kiểm soát cửa khẩu, lối mở và phòng, chống tội phạm xuyên biên giới. Chủ động làm việc với phía Trung Quốc nâng cấp, mở mới các cửa khẩu, lối mở trên địa bàn tỉnh; phát triển hạ tầng logistics, hình thành và mở rộng các khu kinh tế cửa khẩu, vùng liên kết sản xuất - thương mại biên mậu, tạo cực tăng trưởng mới ở khu vực biên giới.

Đổi mới công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh Cao Bằng gắn với xúc tiến du lịch, giới thiệu tiềm năng kinh tế - xã hội, nhất là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế trong phát triển giáo dục, khoa học - công nghệ, nông nghiệp xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo tồn văn hóa.

Huy động nguồn lực kiều bào người Cao Bằng ở nước ngoài, nhất là đội ngũ trí thức, chuyên gia, doanh nhân thành đạt tham gia xây dựng tỉnh, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp. Nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác xây dựng Đảng

4.1. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong Nhân dân

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, bảo đảm sự thống nhất nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ. Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với điều kiện thực tiễn của tỉnh, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực tư duy và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Tiếp tục nghiên cứu, biên soạn và tuyên truyền, giáo dục lịch sử đảng, lịch sử truyền thống địa phương.

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thực chất, gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, góp phần hình thành hệ giá trị chuẩn mực của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Tăng cường vai trò nêu gương của cấp ủy, người đứng đầu trong triển khai các nghị quyết, chỉ thị; đổi mới mạnh mẽ công tác học tập lý luận chính trị, quán triệt nghị quyết theo hướng linh hoạt, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số phù hợp với địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Chủ động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; phát hiện, phản bác kịp thời các quan điểm sai trái, thù địch; tăng cường công tác định hướng dư luận xã hội, củng cố niềm tin trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Kiện toàn lực lượng nòng cốt trong công tác đấu tranh tư tưởng; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin, báo chí, truyền thông để làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền, dẫn dắt và tạo sự đồng thuận xã hội.

4.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng

Tập trung củng cố và ổn định tổ chức bộ máy, hoàn thiện cơ chế vận hành hệ thống chính trị địa phương theo mô hình mới, đảm bảo tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trong đó trọng tâm vào các nội dung: Đổi mới phương thức lãnh đạo, rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền và đổi mới phương pháp xây dựng nghị quyết, chỉ thị theo hướng rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm và kết quả; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo gắn với cải cách hành chính trong hoạt động các cơ quan Đảng và hệ thống chính trị để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ người dân tộc thiểu số, vùng biên giới; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, định lượng, đa chiều; bảo đảm cán bộ được rèn luyện, thử thách, bố trí đúng vị trí, đúng năng lực và được khuyến khích đổi mới, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nâng cao chất lượng quy hoạch cán bộ và thu hút, trọng dụng nhân tài, đồng thời quản lý chặt chẽ, siết chặt kỷ luật và bảo vệ chính trị nội bộ.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng; đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt chi bộ theo hướng thiết thực, hiệu quả. Chú trọng phát triển đảng viên có chọn lọc, nâng cao chất lượng chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức của đội ngũ đảng viên, nhất là ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới.

4.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng

Xác lập rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trong công tác kiểm tra, giám sát; tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát theo phương châm "giám sát rộng rãi" và tăng cường "kiểm tra tập trung" vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; chú trọng kiểm tra việc nêu gương, thực hiện nhiệm vụ chính trị, phòng chống tham nhũng, kê khai tài sản, thu nhập; giám sát quyền lực khi đẩy mạnh phân cấp, phân quyền...

Nâng cao chất lượng công tác giám sát thường xuyên; chủ động phát hiện, xử lý vi phạm từ sớm, từ xa; xử lý nghiêm minh các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định, không để kéo dài, gây mất đoàn kết nội bộ. Tăng cường kiểm tra các tổ chức đảng có biểu hiện mất đoàn kết, dư luận xã hội quan tâm, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của ngành kiểm tra Đảng.

4.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác dân vận theo hướng gần dân, trọng dân, vì dân; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị gắn với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận xã hội, huy động sức dân vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tập trung dân vận vào các lĩnh vực khó, phức tạp như: Xây dựng xã hội số, kinh tế số, cải thiện năng lực cạnh tranh, giải phóng mặt bằng, xoá bỏ tư tưởng mặc cảm, yếu thế, ý lại; khơi dậy ý chí tự lực vươn lên phát triển kinh tế đối với hộ nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn.

Thực hiện tốt quy chế dân vận của hệ thống chính trị; phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường đối thoại, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến Nhân dân; giải quyết kịp thời những kiến nghị, bức xúc chính đáng của Nhân dân. Đẩy mạnh công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo; tăng cường truyền thông cộng đồng bằng tiếng dân tộc, phổ biến pháp luật, nâng cao năng lực cho người dân; kịp thời đấu tranh, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo, dân tộc để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy hiệu quả phong trào “Dân vận khéo” gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực xã hội rộng rãi.

4.5. Tăng cường công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tiếp tục cải cách tư pháp

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong lĩnh vực nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo từ cơ sở, xác định là khâu then chốt không để hình thành “điểm nóng”, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiếp tục cải cách tư pháp; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ và quan hệ công tác giữa các cơ quan tư pháp, cơ quan quyền lực, hành chính nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đảm bảo tập trung, thống nhất và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật trong các hoạt động thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, công tác giám định, định giá tài sản trong tố tụng hình sự, nhằm tránh oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng: Kê khai, công khai tài sản, thu nhập; luân chuyển cán bộ; công khai, minh bạch trong quản lý công; khắc phục các sơ hở trong cơ chế, chính sách ở các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Tăng cường giáo dục liêm chính, xây dựng văn hóa tiết kiệm, văn hóa nêu gương trong cán bộ, đảng viên.

5. Hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

5.1. Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân và hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp

Tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp, bảo đảm thực chất, hiệu quả và gắn bó mật thiết với cử tri, với thực tiễn đời sống. Nâng cao tính phản biện, giám sát trong các hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn; nâng cao chất lượng các kỳ họp, các cuộc tiếp xúc cử tri; rà soát, đổi mới phương thức xây dựng và ban hành các nghị quyết của HĐND đảm bảo chặt chẽ, khoa học, kịp thời, tuân thủ quy định pháp luật và có tính khả thi; đẩy mạnh việc ban hành các cơ chế, chính sách có trọng tâm, trọng điểm, có tính đột phá nhằm huy động, khai thác hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát chuyên đề, bảo đảm hiệu lực thực tế của hoạt động giám sát. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; kiện toàn tổ chức bộ máy HĐND, UBND các cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu phát triển.

Nâng cao hiệu lực quản lý, năng lực điều hành của UBND các cấp trên các lĩnh vực, nhất là trong tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm. Tiếp tục đổi mới tư duy quản lý, phương pháp điều hành theo hướng chủ động, linh hoạt, thực chất, bám sát cơ sở, gắn với tăng cường công tác dân vận chính quyền. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền số, chính quyền kiến tạo, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Triển khai

đồng bộ các giải pháp đột phá nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao các chỉ số PCI, PAR INDEX, PAPI, SIPAS, coi đây là thước đo năng lực quản trị và chất lượng phục vụ của chính quyền địa phương hai cấp.

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở cấp cơ sở có trình độ, năng lực, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ Nhân dân. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp và điều hành giữa các cấp, các ngành. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với bảo đảm nguồn lực, tài chính, tạo điều kiện để cấp dưới chủ động thực thi nhiệm vụ, phát huy tính tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm.

5.2. Đổi mới, đa dạng hóa phương thức hoạt động, phát huy có hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong xây dựng Đảng, chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng sát cơ sở, thiết thực, kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân đến cấp uỷ, chính quyền và chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc từ cơ sở. Phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức đoàn thể trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động; phát huy vai trò nòng cốt của Nông dân trong tổ chức phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên; tạo môi trường để thanh niên học tập, rèn luyện, cống hiến và trưởng thành. Thực hiện bình đẳng giới, phát huy tiềm năng, vai trò sáng tạo của phụ nữ trong các lĩnh vực. Tăng cường phát huy vai trò, uy tín của hội viên cựu chiến binh trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ căn chủ động lựa chọn nhiệm vụ, nội dung đột phá, tập trung vào các vấn đề phức tạp, thiết thực với Nhân dân như: Giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, triển khai các dự án trọng điểm... nhằm đổi mới phương thức hoạt động theo hướng thực chất, hiệu quả. Tăng cường thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội; phối hợp tổ chức các hội nghị đối thoại

với Nhân dân; phát huy vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân gắn với yêu cầu phát triển và hội nhập.

Với tinh thần “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng sẽ tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân, góp phần cùng cả nước vững bước trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng, (báo cáo)
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban xây dựng Đảng TW,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban, sở, ngành tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Quản Minh Cường

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX, NHIỆM KỲ 2025-2030

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân	%	4,46	10	
	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030	Triệu đồng	50,73	75-80	
2	Cơ cấu GRDP	%			
	<i>Khu vực Dịch vụ và công nghiệp</i>	%	76,61	80	
	<i>Khu vực Nông, Lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	19,72	<15	
3	Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân	%	22,58	12	
4	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tăng bình quân	%	4,94	11	
5	Đến năm 2030, đóng góp của kinh tế số trong GRDP	%	7,57	20	
	Trong đó: kinh tế số nền tảng	%	-	7-10	
6	Tỉ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân	%	4,24	>3	
7	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2030	%	-	>35,84	19/53 xã
8	<i>Đến năm 2030:</i>				
	Tỷ lệ giảm số lượng điểm trường	%	28	40	Năm 2021 - 2025 giảm từ 1041 điểm trường xuống 757 điểm trường, tỷ lệ giảm là 28%
	Tỷ lệ xã có trường bán trú hoặc nội trú	%	65	80	Hiện có 36 xã/56 xã, phường có trường bán trú, nội trú
	Tỷ lệ xã biên giới có trường phổ thông nội trú liên cấp	%	-	100	
	Xây dựng mới 01 Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh quy mô 500 giường, có khả năng nâng cấp lên 1.000 giường sau năm 2030, được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn nhân lực				
	Tỷ lệ giảm chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh	%	-	30	
9	Đến năm 2030, tỷ lệ số xã có điểm Chỉ số Hạnh phúc của người dân (CB-HPI) từ 90 điểm trở lên.	%	-	90	

10	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	61,46	90	
	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua nền tảng số	%	50	100	
11	Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)	xếp thứ	63/63	25/34 trở lên	
	Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI)	xếp thứ	62/63	25/34 trở lên	

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020-2025

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ước TH năm 2025	Kết quả thực hiện nhiệm kỳ XIX	Đánh giá kết quả đạt được
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn	%/năm	7,5-8,0	-0,62	4,46	3,73	6,74	8,00	4,46	Không đạt KH
	Cơ cấu kinh tế đến hết năm 2025:									
	- Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	%	16,40	23,33	22,53	21,43	20,83	19,72	19,72	
	- Lĩnh vực công nghiệp, xây dựng	%	32,4	18,31	18,50	17,12	18,99	20,40	20,40	
	- Lĩnh vực dịch vụ	%	48,2	54,64	55,15	57,71	56,48	56,21	56,21	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	3,00	3,72	3,82	3,74	3,70	3,67	3,67	
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người	60	36,13	38,71	41,21	45,13	50,73	50,73	Không đạt KH
3	Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha)	Triệu đồng/ha	50	42	44	46	48	50	50	Đạt KH
4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn tăng bình quân	%/năm	10	46	11	-18	29	10	17	Vượt KH
5	Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân	%	>12	-1	103	-48	19	39,10	22,58	Vượt KH
6	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	%/năm	11	-7,04	0,87	-1,26	9,31	22,80	4,94	Không đạt KH
7	Xây dựng hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (Cao Bằng) giai đoạn 1;	Năm	2024, Hoàn thành	Chuẩn bị đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thí công trên địa phận tỉnh Cao Bằng	Thông toán tuyến	Hoàn thành thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, thông tuyến trong năm 2025	Không đạt KH
	Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường	%	85	59,33	77,50	82,50	63,00	70,00	70,00	
	Tỷ lệ các xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa	%	100	96,14	97,52	98,76	95,65	99,40	99,40	
8	Đến hết năm 2025, có thêm 30 trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	30	10	9	7	7	7	40	Vượt KH
9	Số bác sỹ/vận dân	Bác sỹ/Vận dân	15	15	15	15	15	15	15	Đạt KH
	Số giường bệnh/1 vận dân	Giường bệnh/vận dân	35,0	34,9	35,0	35,0	35,0	35,0	35,0	
	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã	%	75,00	80,12	85,71	88,82	90,06	94,40	94,40	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	98,70	94,50	94,00	95,20	94,60	98,70	98,70	

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ước TH năm 2025	Kết quả thực hiện nhiệm kỳ XIX	Đánh giá kết quả đạt được
10	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	85,00	85,00	88,00	87,00	88,80	89,00	89,00	Đạt và vượt KH
	Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	60,00	81,00	85,00	84,00	83,00	80,00	80,00	
	Tỷ lệ cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	95,00	95,00	94,40	96,00	87,00	95,00	95,00	
	Tỷ lệ khu dân cư có nhà văn hóa	%	85,00	-/-	-/-	-/-	97,00	97,00	97,00	
11	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm	>4	4,03	4,29	4,23	4,67	>4	4,24	Đạt KH
12	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	50,00	46,60	48,20	50,00	50,90	51,20	51,20	Đạt và Vượt KH
	Trong đó đào tạo nghề	%	40,00	34,40	35,80	37,40	38,80	40,00	40,00	
	- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống 3% năm 2025	%	3,00	3,49	2,41	2,49	2,40	3,00	3,00	
13	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	xã	50	17	17	17	17	6	6	Không đạt KH
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	10	0	0	0	0	0	0	
14	Tỷ lệ che phủ rừng	%	60,00	55,88	56,00	54,06	54,52	55,06	55,06	Không đạt KH
15	Tỷ lệ dân cư thành thị được dùng nước sạch	%	100,00				87,60	91,00	91,00	Đạt KH
	Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	>95	91,00	92,00	93,00	94,00	95,00	95,00	
16		%	100,00	26,73	22,76	18,45	33,52		101,46	Vượt KH
	Phấn đấu đưa số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà so với năm 2015	Số hộ đã đưa ra súc ra khỏi gầm sàn/tổng số hộ	9.917	2.651	2.257	1.830	3.324	-/-	10.062	
17	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	90,00	84,7	91,3	90,4	90,5	92,60	92,60	Đạt và Vượt KH
	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100,00	83,33	83,33	83,33	91,67	100,00	100,00	
		Số cơ sở đã xử lý/tổng số	4/4	-/-	-/-	-/-	-/-	4/4	4/4	
18	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm	%	80	90	92,24	94,10	90	90	90,8	Đạt và Vượt KH
	Kết nạp đảng viên mới hằng năm	đảng viên	2.000	2.112	2.2087	2,108	2,141	1.600	10,548	Đạt và Vượt KH

PHỤ LỤC 2
ĐIỀU SO SÁNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CAO BẰNG VỚI CÁC TỈNH TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cao Bằng	Lạng Sơn	Tuyên Quang		Phú Thọ	Lào Cai	Lai Châu	Sơn La	Thái Nguyên		Điện Biên	Xếp hạng trong vùng	Ước kết quả 2021-2025 cả nước
					Tuyên Quang	Hà Giang					Thái Nguyên	Bắc Kạn			
1	Dân số trung bình	ngàn người	574,209	867,308	1.864,14		3.944,92	1.753,84	500,866	1.380,18	1.745,41		662,829	8/9	-/-
2	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn	%/năm	4,46	7,16	8,01	5,90	7,50	6,92	5,39	5,12	7,35	6,58	8,76	9/9	6,30
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành năm 2025	ngàn tỷ đồng	28,618	57,23	95,91		390,000	141,70	32,595	82,789	202,85		35,58	9/9	-/-
4	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người	50,73	69,80	65,94	43,00	105,20	>85	65,00	61,80	132	62,7	54	9/9	125,00
5	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn cả giai đoạn	ngàn tỷ đồng	51,358	181,70	144,774		544,677	360	58,567	99,29	340	34	81,844	9/9	-/-
6	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn	Triệu USD	4.460	24.251	-/-		2025 XK - 36800	3.120	188,67	935,60	-/-		434,33	5/9	-/-
7	Tổng thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn	tỷ đồng	13.942	48.178	26.066		245.000	60.244	11.701	22.027	105.67		8.608,8	7/9	-/-
8	Tỷ lệ trưởng đạt chuẩn quốc gia		38,50	49,70	-/-		84,2	75,6	73,50	73,3	90,40	50,48	82,33	9/9	-/-
9	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ/Vạn dân	15	11,5	10	10,17	15	12,8	13,01	9,00	-/-		13	1/9	15
	Số giường bệnh/1 vạn dân	Giường bệnh/vạn dân	35	34	44	46	-/-	38,1	105	34	-/-		32,1	6/9	35
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	98,70	95,00	96	97,25	95	96	95	96,20	95,25	97	98,00	1/9	95,15
10	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm	4,24	2,95	-/-		0,94	4	3,9	3	1,15	2,47	3,97	1/9	-/-
	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	16,4	1,48	13		2,75	5,71	16,3	7,89	3,1		17,66	8/9	1,3
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	51,2	65	70		73,3	70	62,4	65	76,5	55	65	9/9	70
	Trong đó đào tạo nghề	%	40	30	23,3		34,6	24,9	24	30	36,8	34	40	1/9	29
12	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	6	106	-/-		298	186	-/-	74	-/-	-/-	26	-/-	-/-
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	12	60,50	-/-		75,1	86,4	41,5	-/-	95,04	30	46,96	9/9	80
13	Tỷ lệ che phủ rừng	%	55,06	64,5	61,8		43,6	61,50	54	48,5	62,3		45,50	5/9	42
14	Tỷ lệ dân cư thành thị được dùng nước sạch	%	91,00	99,00	-/-	-/-	-/-	-/-	78,70	94	-/-	-/-	99,80	-/-	99
	Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	95	99	-/-	-/-	-/-	-/-	93	100	98	98,5	92,63	-/-	97,5
15	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	92,6	98,82	-/-	-/-	-/-	95	98,65	92,5	85	92	96	-/-	90
16	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm	%	90,8	94,53	-/-	-/-	92	-/-	90	-/-	96,01	96,1	>85	-/-	-/-
	Kết nạp đảng viên mới hàng năm	đảng viên	10.548	10.788	-/-	-/-	31.565	-/-	>1000	-/-	-/-	-/-	2.500	-/-	-/-

Ghi chú: Số liệu của các tỉnh trong vùng được tổng hợp từ dự thảo Báo cáo chính trị của các tỉnh; một số chỉ tiêu/mục tiêu Đại hội không đồng nhất giữa các tỉnh nên không có số liệu so sánh; các tỉnh sáp nhập không có số liệu tổng hợp của tỉnh mới..

BÁO CÁO
kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo
của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khoá XIX,
nhiệm kỳ 2020 - 2025

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiến hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Trên cơ sở kết quả bầu cử, Bộ Chính trị đã quyết định chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khoá XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 53 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ 15 đồng chí.

Trong nhiệm kỳ có 05 đồng chí được điều động chuyển công tác ra ngoài Đảng bộ, 20 đồng chí nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ hưu theo chế độ (trong đó có 02 đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ, 04 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, 14 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành), 01 đồng chí từ trần. Trên cơ sở cơ cấu, điều kiện, tiêu chuẩn, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã kịp thời thực hiện quy trình đề nghị và được Bộ Chính trị điều động, chỉ định 02 đồng chí công tác tại các cơ quan, đơn vị ngoài tỉnh tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định 09 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành; chỉ định và chuẩn y bổ sung 08 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, 02 đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Hiện tại, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 36 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ có 11 đồng chí.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã kế thừa những thành tựu, kinh nghiệm thực tiễn của các nhiệm kỳ trước; nỗ lực khắc phục khó khăn, lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra. Những thành tựu đạt được, khuyết điểm, hạn chế của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua đã được đánh giá toàn diện trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình tại Đại hội và đều gắn với vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khóa XIX. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nghiêm túc kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo trước Đại hội như sau:

Phần thứ nhất

**KIỂM ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH,
BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY KHOÁ XIX,
NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

**I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC
LÃNH ĐẠO, QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC**

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ. Chủ động ban hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ khóa XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phù hợp với tình hình thực tiễn; đề cao trách nhiệm nêu gương, vai trò tiên phong của cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được thực hiện chủ động, linh hoạt, đảm bảo tính thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành đã lãnh đạo xây dựng Chương trình công tác toàn khóa với 41 nội dung lớn, toàn diện, bao quát các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm; cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh thành 03 chương trình trọng tâm và 03 nội dung đột phá, định hướng rõ ưu tiên trong lãnh đạo phát triển gồm: (i) Chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực ở nông thôn nhằm khắc phục điểm nghẽn, nút thắt về chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025; (ii) Chương trình xây dựng và đổi mới cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các nhà đầu tư chiến lược; (iii) Chương trình về phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị, hạ tầng số) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025; (iv) Đột phá về phát triển Du lịch - Dịch vụ bền vững giai đoạn 2021 - 2025; (v) Đột phá về phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến giai đoạn 2021 - 2025; (vi) Đột phá về phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025.

Thực hiện Quy chế làm việc, Ban Chấp hành đã chỉ đạo tổ chức 26 hội nghị định kỳ và nhiều hội nghị bất thường theo đúng quy định của Điều lệ Đảng để kiểm điểm, đánh giá toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thảo luận và quyết định nhiều nội dung quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Ban hành 28 nghị quyết, trong đó 17 nghị quyết chuyên đề, 11 nghị quyết về lãnh đạo nhiệm vụ trọng tâm hằng năm; xây dựng và triển khai Chương trình công tác, Chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ, hằng năm, đồng thời chỉ đạo, kịp thời bổ sung các nội dung, nhiệm vụ

đề phù hợp với tình hình thực tế, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đồng bộ. Các nghị quyết của Ban Chấp hành được quán triệt, cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch phù hợp và tổ chức thực hiện nghiêm túc từ tỉnh đến cơ sở.

Lãnh đạo thực hiện đầy đủ quy trình trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, cho ý kiến kịp thời về công tác kiện toàn nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ; bố trí, phân công cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác nhân sự được thực hiện đúng nguyên tắc, góp phần giữ vững đoàn kết, thống nhất nội bộ, bảo đảm sự lãnh đạo xuyên suốt, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra.

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phát huy tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ; xây dựng chương trình hành động cá nhân gắn với nhiệm vụ được giao; bám sát cơ sở, tham dự sinh hoạt chi bộ, kiểm tra, giám sát, kịp thời đề xuất chủ trương, định hướng tháo gỡ khó khăn phát sinh từ thực tiễn. gương mẫu trong sinh hoạt Đảng, đạo đức, lối sống, thực hiện tốt trách nhiệm công dân nơi cư trú; tích cực tham gia xây dựng Đảng, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, tạo sự lan tỏa, đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

2. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã phát huy tốt vai trò hạt nhân trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ; điều hành, xử lý linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất; thực hiện nghiêm Quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Tập trung lựa chọn và chỉ đạo giải quyết các vấn đề trọng tâm, cấp thiết, kịp thời tháo gỡ khó khăn phát sinh từ thực tiễn. Thường xuyên chỉ đạo rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân và mối quan hệ công tác giữa cấp uỷ với các tổ chức trong hệ thống chính trị; phân định rõ trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ ở một số công việc cụ thể; quy định chế độ báo cáo, thông tin của các ngành, các cấp với cấp uỷ; lấy kết quả, hiệu quả thực thi nhiệm vụ làm tiêu chí, tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao và làm căn cứ đánh giá tác phong, phong cách, lề lối làm việc của tập thể cấp uỷ và từng cá nhân trong cấp uỷ.

Tăng cường bám sát cơ sở, dự sinh hoạt chi bộ khu dân cư, nắm bắt tình hình thực tế để chỉ đạo sát sao; chủ động đề xuất, ban hành nhiều chủ trương, định hướng phù hợp. Chỉ đạo Tổ giúp việc, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ làm tốt công tác giám sát, đôn đốc thực hiện kết luận, thông báo của cấp uỷ; từng bước khắc phục tình trạng sót việc, chậm việc. Chủ động điều chỉnh chương trình, nội dung làm việc phù hợp với thực tiễn; đổi mới cách thức tổ chức hội nghị cấp uỷ theo hướng thiết thực, hiệu quả. Trong nhiệm kỳ, tổ chức 79 hội nghị định kỳ, ban

hành 51 chỉ thị và nhiều văn bản chỉ đạo toàn diện, cụ thể hóa mục tiêu, lộ trình, thời hạn, phân công rõ trách nhiệm, nâng cao chất lượng điều hành và tổ chức thực hiện.

Tập trung lãnh đạo triển khai hiệu quả các chủ trương lớn như: Cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền; kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả; việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã gắn với triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, minh bạch, phù hợp với thực tiễn, tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và Nhân dân. Thực hiện nghiêm tự phê bình, phê bình, chất vấn trong Đảng; kiểm điểm rõ trách nhiệm, chỉ đạo khắc phục hiệu quả các vi phạm, khuyết điểm sau kiểm tra, thanh tra.

Chủ động phân công Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách lĩnh vực, địa bàn; trực tiếp tham gia chỉ đạo các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá và nhiệm vụ trọng điểm như: Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Chương trình thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát... góp phần thúc đẩy tiến độ, tạo chuyển biến rõ nét trong triển khai thực hiện.

3. Thường trực Tỉnh ủy

Thường trực Tỉnh ủy thể hiện rõ vai trò trung tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác của Đảng bộ tỉnh; giữ vững kỷ cương, bảo đảm sự thông suốt, linh hoạt và hiệu quả trong xử lý công việc. Mọi vấn đề thuộc thẩm quyền đều được tập thể xem xét thấu đáo, bàn bạc dân chủ, khách quan, quyết định đúng nguyên tắc, sát thực tiễn, vì lợi ích chung. Tinh thần đổi mới, sáng tạo, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành được phát huy mạnh mẽ, nhất là trong xử lý những vấn đề mới, khó, chưa có hướng dẫn cụ thể từ Trung ương như: Tháo gỡ vướng mắc về đất đai, xử lý nhà - đất dôi dư, đầu tư, khan hiếm vật liệu xây dựng thông thường, đẩy nhanh tiến độ Dự án cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh...

Chủ động đổi mới phương thức điều hành theo phương châm “bốn rõ”: Rõ nội dung, rõ đầu mối tham mưu, rõ tiến độ - chất lượng - hiệu quả, rõ trách nhiệm. Phân công mỗi đồng chí Thường trực phụ trách từ 1 - 2 nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để tập trung chỉ đạo. Duy trì nền nếp xây dựng chương trình công tác tuần, tháng; tổ chức 135 cuộc họp định kỳ, đột xuất để xử lý công việc thuộc thẩm quyền và những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ; chỉ đạo triển khai kịp thời các kết luận, chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Tổ chức gần 190 cuộc làm việc trực tiếp với các sở, ngành, địa phương, ban chỉ đạo để nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong vận hành chính quyền hai cấp, sắp xếp đơn vị hành chính, chuẩn bị đại hội đảng các cấp. Chủ động đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy những chủ trương, định hướng lớn nhằm phát huy tiềm năng, định hình tư duy phát triển dài hạn, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân.

Chỉ đạo tổ chức nghiêm túc các hội nghị học tập, quán triệt, sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh; duy trì giao ban định kỳ với các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các huyện uỷ, thành uỷ và khối nội chính; chỉ đạo xử lý kịp thời nhiều vụ việc phức tạp kéo dài, phát sinh, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội. Tăng cường thiết lập và củng cố quan hệ với các cơ quan Trung ương, tỉnh bạn, tổ chức quốc tế để huy động nguồn lực cho phát triển. Chỉ đạo duy trì nền nếp thông tin, báo cáo, cung cấp kịp thời tài liệu, dữ liệu phục vụ công tác chuẩn bị chu đáo nội dung làm việc với các đoàn công tác; thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản của Đảng bộ.

II- NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng

Công tác chính trị tư tưởng: Lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng tuyên truyền, quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và các văn kiện của Đảng, với tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia đạt trên 95%. Định hướng kịp thời hoạt động tuyên truyền các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng. Ban hành, triển khai hiệu quả các đề án về chính trị, tư tưởng, lý luận, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, gắn với thúc đẩy số hóa công tác tuyên giáo; tạo sự thống nhất nhận thức, hành động trong Đảng, đưa nghị quyết vào cuộc sống. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW gắn với Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII và tập trung giải quyết vấn đề nổi cộm tại cơ sở. Chỉ đạo, định hướng hoạt động thông tin, văn hóa - văn nghệ, báo chí, xuất bản bảo đảm kịp thời, đúng định hướng. Chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn và xuất bản được 168 ấn phẩm lịch sử cấp tỉnh, đảng bộ địa phương, lịch sử truyền thống ngành.

Công tác tổ chức - cán bộ: Tập trung chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Quan tâm sắp xếp, bố trí, giải quyết các chế độ chính sách hợp lý cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối tượng thuộc diện dôi dư do hợp nhất, sáp nhập theo chủ trương của Trung ương, gắn với tinh giản biên chế, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ trẻ và đẩy mạnh chuyển đổi số, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch bài bản, đảm bảo về tiêu chuẩn, năng lực, uy tín và theo phương châm "động", "mở". Thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, khách quan, đúng quy trình công tác luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh. Lãnh đạo thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực ở nông thôn nhằm khắc phục điểm nghẽn, nút thắt về chất lượng nguồn nhân lực và các

Đề án về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tỉnh Cao Bằng; cải cách hành chính trong cơ quan Đảng, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh. Chỉ đạo tổ chức sinh hoạt chính trị sâu rộng với chủ đề “tự soi, tự sửa”, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; Hội thi Bí thư chi bộ giỏi các cấp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc rà soát, đưa ra khỏi Đảng đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống, không đủ tư cách. Các chỉ tiêu của nhiệm kỳ về kết nạp đảng viên mới và tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt và vượt mục tiêu của Nghị quyết Đại hội.

Công tác kiểm tra, giám sát: Lãnh đạo đổi mới toàn diện nội dung, phương thức kiểm tra, giám sát theo hướng trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn. Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ khóa XIX; sửa đổi, bổ sung Chương trình kiểm tra, giám sát; quy định, quy trình, quy chế phối hợp kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật; triển khai luân chuyển cán bộ kiểm tra giai đoạn 2023 - 2025. Hoàn thành 100% Chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm, qua đó nâng cao hiệu quả thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp. Tăng cường phổ biến, quán triệt, triển khai các quy định của Trung ương về kiểm tra, giám sát; thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ theo quy định. Chỉ đạo tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước trong kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm; tổ chức kiểm điểm, khắc phục vi phạm, khuyết điểm theo kết luận của các đoàn kiểm tra Trung ương.

Công tác dân vận: Lãnh đạo đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động của công tác dân vận theo hướng gần dân, sâu sát cơ sở; ban hành và triển khai thực hiện tốt các chỉ thị, đề án của Tỉnh uỷ về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; tăng cường nắm tình hình cơ sở, kịp thời phát hiện và đấu tranh, ngăn chặn xóa bỏ các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trái pháp luật. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Quan tâm xây dựng, nhân rộng mô hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực của đời sống, xã hội.

Công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp: Chỉ đạo thành lập và phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh; tăng cường kiểm tra, đôn đốc giải quyết các vụ việc, vụ án diện Ban Thường vụ chỉ đạo, theo dõi. Triển khai thanh tra kinh tế - xã hội có trọng tâm, trọng điểm; ngăn ngừa, điều chỉnh, xử lý kịp thời những vi phạm của cán bộ, đảng viên trong thực thi công vụ; tỉ lệ thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế đạt gần 83%. Thực hiện nghiêm kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Đẩy mạnh cải cách tư pháp; bảo đảm điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục

pháp luật, trợ giúp pháp lý; nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

1.2. Lãnh đạo công tác xây dựng hệ thống chính trị

Lãnh đạo các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ: Lãnh đạo, tạo điều kiện để cấp uỷ các đơn vị, địa phương phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chỉ đạo các cấp uỷ trực thuộc xây dựng quy chế làm việc và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc, quy chế phối hợp phù hợp với tình hình thực tiễn theo hướng vừa đề cao trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu, vừa đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ. Kịp thời cho chủ trương, định hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giải quyết các đề xuất, kiến nghị của địa phương, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường kiểm tra, nắm tình hình, đôn đốc việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh uỷ. Lãnh đạo tổ chức tốt các cuộc tiếp xúc, đối thoại giữa cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu với Nhân dân; xử lý kịp thời kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo xây dựng và phát triển các huyện miền Tây (Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm), huyện Hà Quảng, đô thị Phục Hòa, huyện Quảng Hòa và thành phố Cao Bằng. Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

Lãnh đạo các Đảng uỷ (mới) trực thuộc Tỉnh uỷ: Chỉ đạo tổ chức Lễ trao các quyết định của Tỉnh uỷ, cấp xã về công tác nhân sự tại các xã, phường, đơn vị mới; ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng uỷ; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị; linh hoạt đề ra các giải pháp nhằm giải quyết khó khăn, bất cập ngay sau khi mô hình chính quyền hai cấp đi vào hoạt động, hướng tới nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, phục vụ người dân tốt hơn; khẩn trương chuẩn bị các điều kiện và tổ chức thành công đại hội đảng bộ cấp xã...

Lãnh đạo cấp uỷ, tổ chức đảng Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh: Lãnh đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; chỉ đạo thực hiện tốt việc lấy phiếu tín nhiệm các chức danh do HĐND bầu, phê chuẩn. Định hướng chủ trương, nội dung chương trình hoạt động, chương trình kỳ họp và các quyết định quan trọng của HĐND tỉnh trong xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Chỉ đạo đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động HĐND; nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri, chất vấn, giải trình tại kỳ họp và giữa hai kỳ họp; tăng tính phản biện, chất lượng thẩm tra các nội dung trình kỳ họp; giám sát, đôn đốc việc thực hiện lời hứa chất vấn, giải quyết kiến nghị sau giám

sát, đơn thư, khiếu nại của công dân, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nguyện vọng chính đáng của cử tri.

Lãnh đạo cấp uỷ, tổ chức đảng Uỷ ban nhân dân (UBND) tỉnh: Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Ban cán sự đảng, Đảng uỷ UBND tỉnh trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Cho chủ trương đối với các dự thảo cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án; chỉ đạo cụ thể hóa chính sách phân cấp, phân quyền, tăng tính chủ động, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp. Tập trung chỉ đạo cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số; đánh giá thực chất năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tăng cường kỷ luật hành chính, chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Kịp thời cho ý kiến chỉ đạo, giải quyết các kiến nghị, đề xuất nhằm đảm bảo thống nhất trong lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Lãnh đạo cấp uỷ, tổ chức đảng MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội: Lãnh đạo sắp xếp tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đảm bảo tinh gọn, hoạt động thống nhất, hiệu quả; ban hành, triển khai Đề án về nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026 đạt kết quả tích cực. Lãnh đạo bám sát nhiệm vụ chính trị, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tuyên truyền, vận động, tập hợp, các tầng lớp Nhân dân phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; huy động các nguồn lực xã hội chăm lo cho người nghèo, triển khai các hoạt động nhân đạo, từ thiện, khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp tham gia thực hiện các chương trình, dự án quan trọng của tỉnh. Tăng cường các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền; quan tâm xây dựng và phát huy vai trò người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư.

2. Lãnh đạo phát triển kinh tế

Tập trung lãnh đạo duy trì đà tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực; ban hành và triển khai hiệu quả các nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế sát với định hướng Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh. Chủ động vận dụng linh hoạt một số cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn địa phương; triển khai các nhiệm vụ chiến lược tạo nền tảng cho phát triển lâu dài như: Xây dựng, hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu đến năm 2040.

Chỉ đạo phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với cây trồng, sản phẩm đặc trưng của địa phương; quan tâm đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế cho người dân; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, từng bước hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, sản phẩm đạt chuẩn VietGAP, hữu cơ; quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Lãnh đạo triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có

việc di dời chuồng gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, mở rộng không gian phát triển; tập trung thực hiện các dự án trọng điểm tạo điểm nhấn cho phát triển đô thị, du lịch, giao thông, đặc biệt là tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh và việc được Chính phủ giao làm chủ quản Dự án đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng, mở ra kỳ vọng tạo đột phá chiến lược về hạ tầng giao thông, kết nối vùng. Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình, dự án trọng điểm, góp phần thúc đẩy phát triển đô thị, kinh tế cửa khẩu và du lịch.

Chỉ đạo phát triển kinh tế cửa khẩu, phát triển du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Hoàn thành, đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả một số dự án thủy điện, chế biến khoáng sản; chỉ đạo rà soát, xử lý dứt điểm các dự án công nghiệp kém hiệu quả, ảnh hưởng môi trường và phát triển du lịch. Kịp thời triển khai các chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, mở rộng thị trường. Chỉ đạo nâng cấp, mở mới các cặp cửa khẩu quốc tế, song phương; phối hợp với phía Trung Quốc hoàn thành thí điểm và đưa vào vận hành chính thức đón khách tham quan khu cảnh quan theo Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc).

Chỉ đạo quyết liệt công tác thu, chi ngân sách, phát triển quỹ đất, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Quan tâm quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo chuyển biến rõ nét về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Lãnh đạo lĩnh vực văn hóa - xã hội

Tập trung lãnh đạo phát triển toàn diện lĩnh vực văn hoá - xã hội đạt nhiều kết quả nổi bật so với giai đoạn trước. Chỉ đạo tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao với nhiều hình thức phong phú, đa dạng; triển khai sâu rộng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; tổ chức các sự kiện chính trị - xã hội, văn hoá lớn, tạo không khí phấn khởi trong Nhân dân, góp phần thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến với Cao Bằng.

Chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, tập trung giải quyết tình trạng thiếu giáo viên; ban hành Chỉ thị chuyên đề về nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai mạnh mẽ giáo dục STEM, Robotics, giáo dục mũi nhọn đạt thành tích cao tại các kỳ thi quốc gia, quốc tế. Lãnh đạo nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân, cải thiện chỉ số hài lòng về dịch vụ y tế. Trong đại dịch COVID-19, tỉnh chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp kiểm soát dịch bệnh, trở thành điểm sáng trong cả nước về phòng, chống dịch.

Lãnh đạo thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo và chăm lo cho đồng bào vùng khó khăn; hoàn thành hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho trên 20.000 hộ nghèo, cận nghèo. Chỉ đạo triển khai hiệu quả các dự án, chính sách hỗ trợ vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ IV. Ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết chuyên đề quan trọng như: Xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số; phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. Chú trọng đẩy mạnh thực hiện tổng thể, toàn diện chuyển đổi số trên cả 03 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

4. Lãnh đạo công tác quốc phòng - an ninh, đối ngoại

Lãnh đạo thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Chỉ đạo triển khai đồng bộ Nghị quyết của Tỉnh uỷ về xây dựng nền quốc phòng toàn dân giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển.

Chỉ đạo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, công nghệ cao; tổ chức điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Triển khai sâu rộng, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chỉ đạo quyết liệt việc tuyên truyền, đấu tranh xóa bỏ hoàn toàn hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh và xoá bỏ ảnh hưởng của Đạo chữ thập đỏ trên địa bàn tỉnh.

Lãnh đạo mở rộng, nâng tầm hoạt động đối ngoại, nhất là với Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc); tổ chức hiệu quả các hoạt động gặp gỡ, hội đàm, kết nghĩa cụm dân cư biên giới, vận động viện trợ phi chính phủ. Phối hợp tổ chức thành công Giao lưu hữu nghị Quốc phòng biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 7, Lễ công bố nâng cấp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) lên cửa khẩu quốc tế, vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc), tạo điểm nhấn trong hợp tác du lịch, giao lưu hữu nghị, góp phần đưa quan hệ Việt - Trung đi vào chiều sâu, thực chất.

5. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024; Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai các Chỉ thị, ban hành Kế hoạch thực hiện và tập trung lãnh đạo công tác chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp đồng bộ với mô hình chính quyền địa

phương hai cấp. Thành lập, kiện toàn thành viên của 05 Tiểu ban, Tổ biên tập chuẩn bị các nội dung phục vụ tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

Chỉ đạo các Tiểu ban xây dựng kế hoạch công tác, Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ các thành viên, thành lập bộ phận giúp việc Tiểu ban; xây dựng văn kiện đại hội, phương án nhân sự đảm bảo tập trung dân chủ, chặt chẽ, thống nhất, nghiêm túc với tinh thần đổi mới. Chỉ đạo các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp; làm tốt công tác chuẩn bị, xây dựng nội dung văn kiện, đề án nhân sự đại hội. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Kế hoạch triển khai nắm tình hình Nhân dân đối với đại hội Đảng các cấp; lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; kế hoạch, quyết định thành lập Tổ theo dõi và chỉ đạo đại hội điểm. Đến hết ngày 24/7/2025, 03 Đảng bộ: Phường Thục Phán, xã Quảng Uyên và xã Bảo Lạc tổ chức xong đại hội điểm, đảm bảo đúng nguyên tắc, trình tự, thực hiện đầy đủ các nội dung theo chỉ đạo; sau đại hội điểm, Tỉnh uỷ tổ chức họp rút kinh nghiệm để thống nhất triển khai trong các đảng bộ trực thuộc.

Chỉ đạo tổ chức xin ý kiến một số ban, bộ, ngành Trung ương liên quan và các đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh về nội dung dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; tiến hành kiểm tra công tác chuẩn bị Đại hội của các đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ. Đến ngày 29/8/2025, có 60 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ đã tổ chức xong đại hội; Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được tổ chức từ ngày 15/9/2025 đến ngày 17/9/2025.

III- HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

1.1. Về thực hiện Quy chế làm việc và chương trình công tác

Một số nội dung trong Chương trình công tác năm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chưa thực hiện đúng tiến độ; một số nội dung đưa ra trình tại hội nghị của cấp uỷ chưa được chuẩn bị kỹ lưỡng; việc gửi văn bản trước kỳ họp để đại biểu nghiên cứu, tham gia ý kiến có lúc chưa kịp thời; thảo luận, tranh luận trong hội nghị Tỉnh uỷ còn ít, đa số đồng tình với sự chuẩn bị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; chưa thực hiện chất vấn trong Đảng tại các kỳ họp của Tỉnh uỷ.

Tỉnh uỷ ban hành các chương trình trọng tâm, nhiệm vụ đột phá và nhiều nghị quyết, chỉ thị, đề án quan trọng nhưng việc tổ chức thực hiện chưa đồng bộ, kiểm tra, sơ kết, tổng kết chưa kịp thời và phù hợp, kết quả thực hiện còn hạn chế.

Chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ phụ trách các đảng bộ; chưa có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ trong việc phụ trách địa bàn. Một số đồng chí Tỉnh uỷ viên trong tham mưu, đề xuất cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các giải pháp có

tính đột phá thực hiện nhiệm vụ ở một số ngành, địa phương phụ trách còn hạn chế. Việc phát hiện, báo cáo, đề xuất với Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ các vấn đề mới phát sinh, các giải pháp trong tổ chức thực hiện còn ít. Vẫn còn có cấp uỷ viên chưa thực sự gương mẫu, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện, có khuyết điểm xử lý kỷ luật, gây dư luận không tốt trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

1.2. Về thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực

Việc lãnh đạo hoạch định và tổ chức thực hiện các định hướng lớn về phát triển kinh tế còn hạn chế; Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chưa dành thời gian thảo luận sâu để quyết định những chủ trương, giải pháp chiến lược trong công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch, bố trí đầu tư các chương trình, dự án trọng điểm. Tăng trưởng kinh tế thiếu ổn định, quy mô và năng lực cạnh tranh còn thấp; chưa thu hút được các nhà đầu tư chiến lược, dự án quy mô lớn để tạo đột phá. Một số chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra.

Lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực văn hoá - xã hội tuy có bước tiến bộ nhưng còn nhiều vấn đề bất cập, chậm được giải quyết như: Chất lượng giáo dục còn thấp; chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển văn hoá, thể thao ở cơ sở còn hạn chế; tỷ lệ hộ nghèo vùng sâu, vùng xa còn cao; ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số chậm. An ninh - trật tự còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; một số vụ việc về tranh chấp đất đai, giải quyết tố cáo, khiếu nại còn để kéo dài.

Công tác tổng kết một số chỉ thị, nghị quyết của Đảng có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng ở một số đảng bộ cơ sở chất lượng, hiệu quả chưa cao; lãnh đạo thực hiện việc đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng kết quả chưa rõ nét. Công tác tạo nguồn phát triển đảng viên mới ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người còn khó khăn. Công tác phòng chống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã được quan tâm lãnh đạo nhưng chưa triệt để. Công tác đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và đánh giá cán bộ còn bất cập. Công tác kiểm tra, giám sát chưa thực sự chủ động trong phát hiện và phòng ngừa vi phạm. Năng lực lãnh đạo, quản lý của một số tổ chức cơ sở đảng và chính quyền cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu; phân cấp, phân quyền thiếu đồng bộ.

Hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị chưa đồng đều, bộ máy hành chính còn nặng về tuân thủ, chưa chuyển mạnh sang mô hình phục vụ và kiến tạo. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ có lúc, có việc chưa tích cực, thiếu chặt chẽ, làm chưa hết trách nhiệm. Một số chỉ số như PCI, PAPI, PAR-Index, SIPAS còn ở mức thấp, chưa phản ánh đầy đủ nỗ lực cải cách của tỉnh; thủ tục hành chính còn rườm rà ở một số lĩnh vực. Đổi mới phương thức hoạt động của MTTQ, các đoàn thể chưa cao; vai trò giám sát, phản biện chưa rõ nét; chất lượng một số phong trào thi đua chưa thực sự hiệu quả. Công tác dân vận có nơi còn hình thức, thiếu chiều sâu, chưa thực sự tạo được sự đồng thuận xã hội trong giải quyết những vấn đề phức tạp từ cơ sở.

Một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên còn tư tưởng an toàn, ngại đổi mới, thiếu kỹ năng, chưa thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; chưa phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, tiêu cực bị xử lý kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, trong đó có cấp uỷ viên các cấp, tạo dư luận không tốt, ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ.

2. Nguyên nhân của hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước có nhiều biến động khó lường. Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới, điểm xuất phát thấp, quy mô kinh tế nhỏ; dân cư phân tán, điều kiện tự nhiên nhiều mặt không thuận lợi; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ. Tác động tiêu cực kéo dài của đại dịch COVID-19, thiên tai, biến đổi khí hậu, đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất và đời sống Nhân dân.

Cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gay gắt, trong khi tỉnh chưa có nhiều lợi thế so sánh nổi bật. Hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, hướng dẫn của Trung ương trong một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, bất cập, thiếu tính khả thi, chậm được bổ sung, sửa đổi kịp thời; nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương còn hạn chế chưa đáp ứng so với nhu cầu đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Vai trò tham mưu, phối hợp, phát huy năng lực lãnh đạo, điều hành cụ thể hoá thực hiện nghị quyết của một số đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành có lúc còn thiếu chủ động, còn tư tưởng thụ động, sợ sai, né tránh trách nhiệm; chưa tích cực tham gia góp ý, đề xuất, hiến kế để tháo gỡ khó khăn; thiếu năng động, sáng tạo trong xử lý các vấn đề khó, phức tạp, chưa có tiền lệ.

Công tác xây dựng chiến lược, đánh giá tiềm năng, dự báo xu thế phát triển chưa sát với thực tiễn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương, Ban Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình... có lúc, có việc chưa kịp thời.

Việc cụ thể hóa chủ trương lớn thành chính sách, chương trình hành động thiết thực ở một số cấp, ngành còn thiếu đồng bộ; năng lực tổ chức thực hiện còn hạn chế, thiếu quyết tâm và chưa đề cao trách nhiệm cá nhân. Tinh thần trách nhiệm, ý thức rèn luyện, tu dưỡng của một số ít cán bộ lãnh đạo còn hạn chế, phong cách làm việc chậm đổi mới. Việc khơi dậy khát vọng vươn lên, tinh thần đổi mới, ý chí tự lực, tự cường trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa mạnh mẽ, chưa trở thành động lực lan tỏa trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị.

IV- TRÁCH NHIỆM CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH, BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY ĐỐI VỚI NHỮNG HẠN CHẾ

1. Trách nhiệm của tập thể

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chịu trách nhiệm chính về những hạn chế trong thực hiện một số chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và chương trình công tác toàn khóa, hằng năm. Lãnh đạo một số lĩnh vực còn thiếu quyết liệt, chưa có nhiều giải pháp khả thi, sáng tạo để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Việc lãnh đạo kiểm tra, giám sát khắc phục các hạn chế, nhất là tháo gỡ các điểm nghẽn chiến lược như giao thông, nhân lực, liên kết vùng, thể chế địa phương còn chưa quyết liệt.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chịu trách nhiệm về những hạn chế trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy; chỉ đạo, giải quyết một số khó khăn, vướng mắc còn chưa hiệu quả; chất lượng chuẩn bị một số hội nghị còn hạn chế. Công tác kiểm tra, đôn đốc việc khắc phục khuyết điểm ở cơ sở có lúc chưa thường xuyên, chưa cụ thể hóa rõ trách nhiệm của các đồng chí trong phụ trách địa bàn. Việc lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục bất cập về cơ chế, chính sách ở một số lĩnh vực còn thiếu quyết liệt.

Thường trực Tỉnh ủy chịu trách nhiệm trực tiếp đối với những hạn chế trong phạm vi thẩm quyền hoặc được Ban Thường vụ ủy quyền; việc chỉ đạo một số nội dung công tác có thời điểm chưa thật sâu sát, tiến độ triển khai một số nhiệm vụ còn chậm, hiệu quả chưa cao; công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghị quyết, kết luận của cấp ủy có lúc, có việc chưa kịp thời.

2. Trách nhiệm của cá nhân

Một số đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành chưa phát huy đầy đủ vai trò lãnh đạo, thiếu sâu sát, chưa quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, dẫn đến chất lượng, tiến độ công việc thấp, ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung của tỉnh. Việc đề xuất giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ khó khăn ở ngành, địa phương phụ trách còn hạn chế. Một số ít đồng chí chưa gương mẫu trong rèn luyện, có khuyết điểm, gây dư luận không tốt.

Một số đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, điều hành; mức độ tham gia vào công việc chung của tỉnh chưa thường xuyên; kết quả triển khai nhiệm vụ tại lĩnh vực phụ trách còn có mặt hạn chế, cần tiếp tục được nâng cao.

V- MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, quán triệt sâu sắc và vận dụng linh hoạt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; nâng cao chất lượng cụ thể hóa, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với tình hình thực tiễn, phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh và huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, giữ vững đoàn kết, thống nhất trong tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, quản lý, điều hành theo hướng sát cơ sở, bám thực tiễn, quyết liệt, hiệu quả; thực hiện nghiêm quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khoá, đề cao tinh thần trách nhiệm nêu gương, tự phê bình và phê bình; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ của cấp uỷ viên, nhất là người đứng đầu.

Ba là, lãnh đạo, chỉ đạo xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để tập trung thực hiện hiệu quả; xử lý dứt điểm các điểm nghẽn kéo dài, cản trở sự phát triển của tỉnh. Đổi mới tư duy, phương pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, nhất là trong lĩnh vực phát triển kinh tế. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Tích cực huy động, tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ của Trung ương, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý chí, khát vọng vươn lên trong toàn xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trong hoạt động quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển mới; chú trọng công tác đối thoại, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh.

Bốn là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực thực thi và kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực một cách thực chất, nhất là ở cấp cơ sở. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc, xử lý nghiêm tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật.

Năm là, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ đúng người, đúng việc, phù hợp sở trường. Thực hiện đánh giá cán bộ định kỳ và thường xuyên, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhất là cấp cơ sở; kiên quyết thay thế cán bộ yếu kém, uy tín thấp, sai phạm trong lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO TRONG NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Trên cơ sở đánh giá khách quan những kết quả đạt được, thẳng thắn nhìn nhận các hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân, để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và hạnh phúc, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề xuất một số nội dung trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

Một là, tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, hiệu lực, hiệu quả điều hành của cấp uỷ, chính quyền các cấp. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc, phát huy vai trò cá nhân, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Lãnh đạo xây dựng chương trình công tác năm, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, gắn với phân cấp, phân quyền hợp lý và cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức hội nghị, làm việc của cấp uỷ, chính quyền.

Hai là, xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá. Đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số và nâng cao năng lực cạnh tranh. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế địa phương trên nền tảng khai thác nội lực và thế mạnh bản địa. Ưu tiên phát triển các ngành kinh tế có tiềm năng như du lịch bản địa - sinh thái, kinh tế cửa khẩu, dịch vụ logistics, sản phẩm nông nghiệp đặc hữu, kinh tế rừng. Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm, phát triển hạ tầng giao thông, hình thành không gian phát triển theo mô hình “Một vành đai biên giới - Hai hành lang kinh tế - Ba vùng phát triển - Bốn trung tâm động lực”, với trung tâm là hoàn thiện hai tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Bắc Kạn - Cao Bằng; xây dựng Cao Bằng trở thành một trong những trung tâm giao thương quan trọng của Việt Nam kết nối với Trung Quốc và ASEAN.

Tập trung chỉ đạo khắc phục các điểm nghẽn trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; xác định kinh tế tư nhân là động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng trong giai đoạn tới. Tiếp tục triển khai xây dựng nông thôn mới đặc thù vùng cao. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ba là, chú trọng phát triển toàn diện văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân. Xác định giáo dục và y tế là hai trụ cột an sinh nền tảng; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh công tác bảo tồn bản sắc văn hóa, phát triển thể thao, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc, tôn giáo và giảm nghèo bền vững. Triển khai xây dựng và thực hiện Bộ Chỉ số Hạnh phúc phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; xem đây là công cụ quản lý hiện đại, phản ánh chất lượng sống, mức độ hài lòng của Nhân dân, làm cơ sở quan trọng trong hoạch định, điều chỉnh chính sách, nâng cao hiệu quả phát triển con người và đảm bảo an sinh xã hội.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng; đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị các cấp.

Nâng cao chất lượng công tác cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Tiếp tục hoàn thiện Bộ tiêu chí đánh giá cán bộ theo hướng định lượng, gắn với sản phẩm, kết quả đầu ra. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiên quyết sàng lọc, thay thế cán bộ yếu kém, không đáp ứng yêu cầu. Đề cao tinh thần “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo” trong thực thi công vụ.

Năm là, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh từ cơ sở. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động hội nhập, thúc đẩy hợp tác kinh tế biên mậu, tạo động lực phát triển mới.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng, (báo cáo)
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban xây dựng Đảng TW,
- Các đại biểu dự Đại hội,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Quản Minh Cường

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng
lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiến hành từ ngày 15/9/2025 đến ngày 17/9/2025 tại tỉnh Cao Bằng với 399 đại biểu chính thức, đại diện cho trên 63 nghìn đảng viên trong toàn Đảng bộ,

QUYẾT NGHỊ

I. Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030 nêu trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

1. Về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Đại hội khẳng định: Năm năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, đổi mới, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu và đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực. Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội ổn định; thực hiện đạt và vượt 12/18 chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội. Kinh tế từng bước phục hồi sau đại dịch COVID-19, duy trì đà tăng trưởng khá; quy mô kinh tế tăng 1,5 lần so với năm 2020. Hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, mở rộng không gian phát triển mang tính chiến lược cho tỉnh trong giai đoạn tới. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm, giảm nghèo đạt kết quả rõ nét, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện, nâng cao. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ biên giới quốc gia. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực; khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố vững chắc.

Tuy nhiên, tăng trưởng của tỉnh thiếu bền vững, nội lực kinh tế còn yếu, chưa hình thành các động lực phát triển dài hạn; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế quan trọng của Nghị quyết Đại hội chưa đạt mục tiêu đề ra. Chất lượng một số lĩnh vực xã hội có mặt còn hạn chế; ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong các lĩnh vực còn chậm. Khoảng cách chênh lệch về giáo dục, dịch vụ công, mức sống và thụ hưởng thành quả phát triển văn hóa giữa các vùng miền ngày càng rõ nét. Tình hình an ninh trật tự trên tuyến biên giới, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít người, an ninh tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh thấp; đại dịch COVID-19 kéo dài, thiên tai, biến đổi khí hậu đã tác động ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất và đời sống Nhân dân. Một số điểm nghẽn phát triển của tỉnh đã được nhận diện từ nhiều nhiệm kỳ chậm được tháo gỡ triệt để. Công tác xây dựng chiến lược, đánh giá tiềm năng, dự báo xu thế phát triển chưa sát với thực tiễn. Một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành; đổi mới tư duy phát triển, phát huy nội lực, tạo động lực tăng trưởng chưa rõ nét; ý thức cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số ở một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân còn hạn chế.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ qua, Đại hội rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Một là, giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện, tập trung, thống nhất của Đảng trong toàn bộ quá trình phát triển; kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương thành chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới. Kiên trì nguyên tắc nhưng linh hoạt trong tổ chức thực hiện, gắn với xác định đúng trọng tâm, khâu đột phá, tháo gỡ điểm nghẽn, phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo chuyển biến rõ nét, thiết thực.

Hai là, phát huy vai trò của Nhân dân là trung tâm, chủ thể, đồng thời là động lực và mục tiêu của quá trình phát triển. Tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tinh thần đổi mới, tự lực, tự cường, ý chí khát vọng vươn lên. Kết hợp hài hòa giữa nội lực và ngoại lực; tích cực huy động, tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ của Trung ương, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ba là, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành theo hướng sát cơ sở, bám thực tiễn, quyết liệt, hiệu quả; chuyển mạnh từ tư duy quản lý, kiểm soát sang tư duy phục vụ, kiến tạo, đồng hành; đề cao tinh thần dám nghĩ, dám

làm, dám chịu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ với chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực thực thi và kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực một cách thực chất, nhất là ở cấp cơ sở.

Bốn là, xây dựng quy hoạch và định hướng chiến lược phát triển gắn với đặc thù địa phương, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng lĩnh vực. Bảo đảm kết hợp chặt chẽ, thống nhất giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý, lao động kỹ thuật, nhân lực công nghệ thông tin; đồng thời có chính sách thiết thực để thu hút và trọng dụng nhân tài gắn bó lâu dài với tỉnh.

Năm là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đề cao trách nhiệm nêu gương, nhất là người đứng đầu; thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, qua đó góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

2. Đại hội nhất trí mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển và nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khai thác tối đa lợi thế đặc thù, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho các ngành kinh tế mũi nhọn, nhất là kinh tế cửa khẩu, du lịch, tạo đột phá trong giai đoạn phát triển mới; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức khá so với các tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Quan tâm an sinh xã hội, giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; mở rộng hợp tác đối ngoại, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; xây dựng Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 10%/năm trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt từ 75 - 80 triệu đồng/người/năm.

(2) Đến năm 2030, cơ cấu GRDP: Khu vực dịch vụ và công nghiệp chiếm trên 80%, nông lâm nghiệp dưới 15%.

(3) Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 12%/năm.

(4) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tăng bình quân 11%/năm.

(5) Đến năm 2030, đóng góp của kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 20%, trong đó kinh tế số nền tảng chiếm từ 7 - 10%.

- Về văn hóa - xã hội

(6) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân trên 3%/năm.

(7) Đến năm 2030, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 39,62% (21/53 xã); trên 50% số xã, phường không ma túy và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

(8) Phần đầu đến năm 2030, giảm ít nhất 40% số điểm trường lẻ; bảo đảm trên 80% số xã có trường bán trú hoặc nội trú; 100% xã biên giới có trường phổ thông nội trú liên cấp. Xây dựng mới 01 Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh quy mô 500 giường, có khả năng nâng cấp lên 1.000 giường sau năm 2030, được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn nhân lực. Đồng thời, giảm ít nhất 30% chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh thông qua việc nâng cao chất lượng hệ thống y tế địa phương, tăng cường niềm tin và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại cơ sở.

(9) Đến năm 2030 có trên 90% xã trên địa bàn tỉnh đạt mức Chỉ số Hạnh phúc người dân (CB-HPI) từ 90 điểm trở lên, phản ánh mức sống hài lòng và bền vững, bảo đảm phát triển bao trùm về an sinh, cơ hội, văn hoá, niềm tin.

- Về chuyển đổi số, cải cách hành chính

(10) Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 90%; tỷ lệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua nền tảng số đạt 100%.

(11) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số chuyển đổi số (DTI) nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố trên cả nước.

- Về công tác xây dựng Đảng

(12) Tỷ lệ tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 80% trở lên; kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 1.500 - 1.600 đảng viên.

2.3. Các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Ba chương trình trọng tâm: (1) Chương trình phát triển du lịch bền vững; (2) Chương trình bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng; (3) Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu.

- Ba nội dung đột phá: (1) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao; (2) Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường; (3) Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.4. Định hướng chiến lược phát triển tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(1) Phát triển kinh tế nội sinh, khơi dậy nội lực từ bản địa, xây dựng nền kinh tế tự chủ, bền vững.

(2) Bảo đảm công bằng xã hội, lấy con người làm trung tâm và chủ thể của phát triển.

(3) Đột phá thể chế, xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo.

(4) Tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường sống và phát triển bền vững; đặt môi trường là trung tâm trong mọi quyết sách phát triển.

(5) Phát triển văn hóa đậm đà bản sắc, nâng cao đời sống tinh thần Nhân dân, tạo sức mạnh mềm, nguồn lực nội sinh, làm nền tảng cho sự phát triển.

(6) Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng quân đội, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia.

2.5. Về nhiệm vụ và giải pháp

*** Phát triển kinh tế**

(1) Phát triển nông, lâm nghiệp bền vững gắn với chuyển dịch lao động nông thôn và xây dựng nông thôn mới đặc thù vùng cao.

(2) Phát triển công nghiệp có chọn lọc, gắn với thế mạnh khoáng sản và được liệu bản địa, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường.

(3) Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ gắn với kinh tế cửa khẩu, dịch vụ logistics và thương mại điện tử xuyên biên giới.

(4) Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng bản địa, sinh thái và trải nghiệm văn hóa - địa chất độc đáo.

(5) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối vùng và liên kết quốc tế, gắn với định hình không gian phát triển theo trục động lực.

(6) Đẩy mạnh quản lý thu - chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, phát triển tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh kế vùng khó.

(7) Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh, minh bạch và nâng cao vai trò động lực của kinh tế tư nhân.

(8) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

*** Văn hoá - xã hội**

- (1) Tập trung phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- (2) Tăng cường đầu tư văn hóa, báo chí, thể thao, bảo tồn bản sắc dân tộc.
- (3) Nâng cao năng lực hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.
- (4) Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- (5) Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo, giảm nghèo bền vững và triển khai Bộ Chỉ số Hạnh phúc.

*** Quốc phòng - an ninh, đối ngoại**

- (1) Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, tạo nền tảng phát triển bền vững.
- (2) Mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động hội nhập, thúc đẩy hợp tác kinh tế biên mậu, tạo động lực phát triển mới.

*** Công tác xây dựng Đảng**

- (1) Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong Nhân dân.
- (2) Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng.
- (3) Tăng cường kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.
- (4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới.
- (5) Tăng cường công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tiếp tục cải cách tư pháp.

*** Hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

- (1) Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân và hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp.
- (2) Đổi mới, đa dạng hóa phương thức hoạt động, phát huy có hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong xây dựng Đảng, chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

II. Thông qua Báo cáo kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khoá XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XX tiếp thu ý kiến của Đại hội, phát huy những ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, tiếp tục đổi mới, sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ tới.

III. Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến của tổ chức Đảng các cấp và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đóng góp vào dự thảo Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XX tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

IV. Thông qua kết quả bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XX gồm 55 đồng chí, bầu đồng chí Quân Minh Cường làm Bí thư Tỉnh uỷ. Đại hội đã bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gồm 18 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XX hoàn chỉnh hồ sơ về kết quả bầu cử, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư để xem xét, quyết định chuẩn y theo quy định.

V. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XX căn cứ Nghị quyết Đại hội, các văn bản của Trung ương, xây dựng Chương trình hành động, kế hoạch công tác, các nghị quyết chuyên đề để cụ thể hoá và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ đã nêu trong các Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống của Đảng bộ, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; nêu cao tinh thần “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025–2030, xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân, góp phần cùng cả nước vững bước trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng, (báo cáo)
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban xây dựng Đảng TW,
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các ban, sở, ngành tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

**T/M TỈNH UỶ
BÍ THƯ**



Quân Minh Cường

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX,
NHIỆM KỲ 2025-2030

Kính thưa các đồng chí đại biểu, khách quý!

Kính thưa toàn thể Đại hội!

Sau ba ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc với tinh thần “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”, phát huy ý thức trách nhiệm cao trước Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã hoàn thành toàn bộ nội dung, chương trình đề ra và thành công tốt đẹp.

Đại hội đã tập trung trí tuệ, tham luận, thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ và nhất trí cao thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khoá XIX; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ tỉnh.

Đại hội đã bầu ra 55 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XX, là những đồng chí có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ, uy tín để gánh vác trọng trách mà Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà giao phó.

Kính thưa Đại hội!

Các văn kiện thông qua tại Đại hội được xây dựng bằng tâm huyết, trí tuệ, thể hiện được “ý Đảng, lòng dân” là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn trong 05 năm qua. Các văn kiện đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; đồng thời xác định 12 mục tiêu chủ yếu, 3 chương trình trọng tâm, 3 nội dung đột phá và 06 định hướng lớn, làm trụ cột cho mô hình phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đại hội biểu thị sự thống nhất ý chí và quyết tâm chính trị của toàn Đảng bộ, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh với khát vọng vươn lên mạnh mẽ, hiện thực hoá bằng được mục tiêu: “*Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khai thác tối đa*

lợi thế đặc thù, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho các ngành kinh tế mũi nhọn, nhất là kinh tế cửa khẩu, du lịch, tạo đột phá trong giai đoạn phát triển mới; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức khá so với các tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Quan tâm an sinh xã hội, giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; mở rộng hợp tác đối ngoại, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; xây dựng Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân”.

Đại hội tiếp tục khẳng định sự tin tưởng tuyệt đối của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, công cuộc đổi mới đất nước và sự phát triển của tỉnh Cao Bằng trong những năm tới.

Đại hội đã tiến hành nghiêm túc, đúng Điều lệ Đảng, sáng suốt lựa chọn và bầu các đồng chí đủ tiêu chuẩn, xứng đáng vào Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XX. Đại hội đã giao trọng trách cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XX lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội vừa được thông qua. Nhận rõ trách nhiệm to lớn trước Đảng, trước Nhân dân, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XX nguyện đoàn kết một lòng, toàn tâm, toàn ý vì sự nghiệp phát triển chung của tỉnh, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, phát huy trí tuệ, đem hết sức mình cùng toàn Đảng bộ và Nhân dân phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đã đề ra.

Kính thưa Đại hội!

Đến thời điểm này, Đại hội chúng ta vui mừng, phấn khởi báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương; báo cáo với toàn Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã thành công tốt đẹp.

Kính thưa các đồng chí đại biểu cùng toàn thể Đại hội!

Trong suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội, Đảng bộ tỉnh đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự hướng dẫn giúp đỡ kịp thời, hiệu quả của các ban, bộ, ngành Trung ương; sự nỗ lực, cố gắng của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và sự quan tâm ủng hộ, tham gia đóng góp ý kiến của các cấp, các ngành, các địa phương, của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ; các cán bộ, đảng viên, các nhân sỹ, trí

thức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân các dân tộc tỉnh nhà.

Đặc biệt, Đại hội rất vui mừng, vinh dự được đồng chí Đại tướng Lương Tam Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến dự và phát biểu chỉ đạo Đại hội; Đồng chí đã biểu dương, ghi nhận những nỗ lực, quyết tâm, sáng tạo và tinh thần dám nghĩ, dám làm; đánh giá cao những thành tựu quan trọng mà Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Cao Bằng đã đạt được trong nhiệm kỳ qua; đồng thời định hướng một số nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đại hội xin trân trọng cảm ơn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến phát biểu chỉ đạo của đồng chí Đại tướng Lương Tam Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, đây là những định hướng quan trọng cho sự phát triển của tỉnh trong những năm tới

Đại hội xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, giúp đỡ tỉnh Cao Bằng trong những năm qua.

Đại hội xin gửi lời cảm ơn chân thành, sự tri ân sâu sắc đến các đồng chí lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ; các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIX thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX; đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội; cán bộ, đảng viên và nhân dân,... đã có nhiều đóng góp quý báu trong quá trình chuẩn bị và diễn ra Đại hội. Đây chính là nguồn cổ vũ, động viên khích lệ to lớn đối với Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí của Trung ương và địa phương đã cử cán bộ, phóng viên đến dự, đưa tin và tuyên truyền kịp thời về Đại hội.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương và cảm ơn các các Tiểu ban chuẩn bị và tổ chức Đại hội, các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan cùng toàn thể cán bộ, chiến sỹ, công chức, viên chức, người lao động đã tận tụy làm tốt công tác phục vụ, góp phần thiết thực vào thành công của Đại hội.

Kính thưa Đại hội!

Thành công của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX là niềm cổ vũ mạnh mẽ cho toàn Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh tiếp tục chung vai, sát cánh vì sự nghiệp phát triển của tỉnh. Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã được Đại hội quyết nghị, Tôi đề nghị: Ngay sau Đại hội, tất cả các cấp uỷ, tổ chức đảng cần tập trung làm tốt việc phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về kết quả Đại hội; nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết và các văn kiện Đại hội; đồng thời khẩn trương xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch thực hiện toàn khóa và từng năm một cách cụ thể, sát thực, khả thi phù hợp với điều kiện của từng địa phương, đơn vị, biến những quyết định của Đại hội thành hiện thực sinh động trong thực tế.

Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng; nêu cao ý chí tự lực, tự cường, hăng hái thi đua học tập, lao động, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội với tinh thần năm sau phải tốt hơn năm trước; nhiệm kỳ khoá XX phải tốt hơn nhiệm kỳ khoá XIX.

Kính thưa đại hội!

Với niềm tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh, ý chí của toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh, vào sự phát triển của tỉnh nhà trong giai đoạn cách mạng mới, kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc. Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Kính chúc quý vị đại biểu khách quý, cùng toàn thể các đồng chí dự Đại hội sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng,
Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; các nghị quyết, chiến lược phát triển và các văn bản chỉ đạo của Trung ương¹; Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (*sau đây viết tắt là Tỉnh ủy*) ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; là cơ sở để các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững ở mức 02 con số trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

¹ Các Nghị quyết của Bộ Chính trị gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam. Thông báo số 10-TB/VPTW, ngày 04/02/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết quả chuyển thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Thông báo số 82/TB-VPCP, ngày 24/02/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc kiểm tra thực địa và họp về tình hình thực hiện hai dự án đường bộ cao tốc Hữu nghị - Chi Lăng và Đồng Đăng - Trà Lĩnh.

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các chương trình, đề án, dự án lớn và giải pháp chủ yếu nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Bảo đảm thống nhất tổ chức thực hiện theo 05 trụ cột: (i) hoàn thiện thể chế, nâng hiệu lực thực thi; (ii) xây dựng mô hình tăng trưởng mới, nâng năng suất và TFP; (iii) phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh; (iv) đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (v) phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động cần bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong Chương trình hành động bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, hiệu quả, gắn với việc cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, kế hoạch triển khai thực hiện của từng cấp, từng ngành.

- Quá trình triển khai thực hiện phải bảo đảm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ tiến độ, rõ kết quả”; gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và cơ quan, đơn vị. Kết quả thực hiện được đo bằng sản phẩm đầu ra và mức độ chuyển biến thực chất (giảm thời gian xử lý thủ tục, giảm chi phí tuân thủ, nâng năng suất, tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp).

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; kịp thời khắc phục tình trạng chậm triển khai, né tránh trách nhiệm hoặc thiếu quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, từng cấp, ngành, cơ quan, đơn vị thiết lập cơ chế theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình hành động một cách thường xuyên; định kỳ thực hiện chế độ báo cáo 6 tháng và hằng năm; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

II- NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Phát triển kinh tế

1.1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Xác lập mô hình tăng trưởng phù hợp với điều kiện của tỉnh Cao Bằng; chuyển mạnh từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng suất; lấy sự hài lòng, hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu trung tâm và thước đo quan trọng của phát triển. Giảm dần tăng trưởng dựa chủ yếu vào mở rộng vốn và lao động, tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, từng bước gia tăng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và tỉ trọng kinh tế số.

Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá mô hình tăng trưởng mới của tỉnh, đồng thời đề xuất, triển khai các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung nguồn lực cho các ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, có khả năng tạo giá trị gia tăng cao và đóng góp lớn cho tăng trưởng bền vững, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Xác định rõ các động cơ tăng trưởng chủ đạo và cấu trúc không gian phát triển theo trục - vùng, làm căn cứ ưu tiên đầu tư, thu hút doanh nghiệp và điều hành thực thi, bảo đảm không dàn trải, không phân tán nguồn lực và có trọng tâm, trọng điểm

Trong quản lý và sử dụng nguồn lực công, đặc biệt là đầu tư công, phải thực hiện nguyên tắc hạch toán kinh tế đầy đủ, bảo đảm mọi dự án đều được đánh giá trên cơ sở chi phí - lợi ích và hiệu quả kinh tế - xã hội tổng thể. Đối với các dự án có khả năng hình thành thị trường (hạ tầng logistics, khu dịch vụ cửa khẩu, đô thị, thương mại, du lịch...), việc lựa chọn phương án đầu tư cần căn cứ nhu cầu thực tế của thị trường, khả năng hoàn vốn của nền kinh tế, hạn chế đầu tư dàn trải hoặc vượt quá nhu cầu phát triển. Đối với các lĩnh vực Nhà nước buộc phải đầu tư như: Quốc phòng - an ninh, hạ tầng giao thông thiết yếu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội việc sử dụng vốn phải được xem xét trên cơ sở hiệu quả kinh tế - xã hội, đảm bảo tiết kiệm, đúng mục tiêu và phát huy lợi ích tổng thể cho xã hội. Kiên quyết khắc phục tình trạng quyết định đầu tư chủ yếu dựa trên quy mô vốn hoặc tiến độ giải ngân mà chưa đánh giá đầy đủ hiệu quả kinh tế - xã hội trong dài hạn.

Trong thẩm định và lựa chọn dự án đầu tư công, cần áp dụng phương pháp đánh giá theo giá kinh tế, phản ánh đúng chi phí nguồn lực của xã hội thay vì chỉ dựa trên giá tài chính.

Các dự án hạ tầng lớn phải được phân tích đầy đủ các yếu tố như: Nhu cầu sử dụng thực tế, tác động lan tỏa tới tăng trưởng, khả năng kích hoạt đầu tư tư nhân, chi phí vận hành dài hạn và rủi ro tài chính của ngân sách. Những dự án không bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội hoặc chưa đủ điều kiện khai thác cần được giãn tiến độ, điều chỉnh quy mô hoặc chuyển sang hình thức hợp tác công tư, tránh tạo gánh nặng ngân sách và nợ công trong tương lai.

Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí trong quản lý đất đai, tài sản công, đầu tư công và khai thác tài nguyên. Thực hiện các dự án đầu tư công về hạ tầng có tính chất hỗ trợ, dẫn dắt đầu tư phát triển.

Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỉ trọng chi đầu tư phát triển, giảm dần tỉ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách. Nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước và quản lý nguồn lực công; siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách; nâng cao hiệu quả đầu tư công, quản lý tài sản công, đất đai, tài nguyên; thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí. Thiết lập cơ chế theo dõi hiệu quả sau đầu tư đối với các dự án lớn; định kỳ đánh giá mức độ khai thác, tác động tới tăng trưởng và ngân sách địa phương. Trường hợp dự án hoạt động kém hiệu quả hoặc khai thác thấp hơn dự kiến, cần kịp thời rà soát nguyên nhân, điều chỉnh cơ chế vận hành hoặc phương án quản lý, tránh để tài sản công bị lãng phí.

Phát triển doanh nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp; tập trung rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng, tiếp cận tín dụng, logistics và các quy định có liên quan, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tạo môi trường thông thoáng cho doanh nghiệp và nhà đầu tư; thực hiện hiệu quả đối thoại doanh nghiệp định kỳ; phấn đấu tăng tỉ lệ doanh nghiệp hoạt động thực chất.

Giảm tầng nấc trung gian; tăng liên thông; thiết lập cơ chế một đầu mối chịu trách nhiệm xuyên suốt đối với dự án trọng điểm; chuyển mạnh từ “xin - cho” sang “tiêu chuẩn - công khai - giám sát”; kiên quyết xử lý né tránh, đùn đẩy, chậm trễ.

Phối hợp với Ban Chính sách Chiến lược Trung ương nghiên cứu, xây dựng Đề án về cơ chế khuyến khích doanh nghiệp (nhà nước và tư nhân) tham gia đầu tư phát triển vùng khó khăn thông qua điều phối quyền phát triển và cơ hội đầu tư liên vùng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét chỉ đạo.

1.2. Phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế rừng, xây dựng nông thôn mới

Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ, đặc sản và phát triển bền vững; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với phát triển chuỗi giá trị từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ. Xác định và phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực có lợi thế của tỉnh (như: Quế, hồi, cây dược liệu, cây ăn quả đặc sản; trâu, bò, lợn bản địa và gia cầm); phát triển vùng nguyên liệu gắn với nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân tham gia chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo hướng nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường; gắn sản phẩm OCOP với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và thương mại biên giới.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa có lợi thế; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất dốc, đất trồng lúa kém hiệu quả; nhân rộng các mô hình kinh tế nông nghiệp tổng hợp gắn với du lịch nông nghiệp. Đẩy mạnh đào tạo nghề nông nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

Phát triển kinh tế rừng bền vững, gắn bảo vệ rừng với khai thác hiệu quả tiềm năng dưới tán rừng, đặc biệt là dược liệu, nông lâm kết hợp và du lịch sinh thái. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, từng bước tham gia thị trường tín chỉ các-bon rừng theo lộ trình của Chính phủ; xây dựng hệ thống dữ liệu, số hóa quản lý rừng phục vụ quản lý bền vững và phát triển kinh tế rừng.

Tập trung phát triển kinh tế rừng và dược liệu theo hướng bền vững, trở thành một động lực tăng trưởng xanh của tỉnh; thúc đẩy kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng; hình thành vùng nguyên liệu dược liệu phù hợp điều kiện sinh thái, chuẩn hóa chất lượng, truy xuất nguồn gốc và phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị. Khuyến khích thu hút doanh nghiệp chế biến và doanh nghiệp dẫn dắt thị trường; phát triển các mô hình liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ dân theo hợp đồng; từng bước nâng tỉ lệ chế biến sâu, gia tăng giá trị, tạo sinh kế bền vững, góp phần nâng thu nhập và thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quy hoạch lâm nghiệp thực chất, hiệu quả, tránh chồng lấn.

Xác định kinh tế rừng là cầu phần quan trọng của tăng trưởng, vừa tạo sinh kế bền vững vừa đóng góp mục tiêu giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu theo lộ trình của Chính phủ

Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, liên kết chuỗi giá trị, tập trung vào các vật nuôi có lợi thế của tỉnh; kết hợp hài hòa giữa kinh tế hộ gia đình và chăn nuôi trang trại, nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Khuyến khích đầu tư các dự án chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ hiện đại, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 -2035. Tập trung xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội.

1.3. Phát triển công nghiệp có chọn lọc, thương mại - dịch vụ

Phát triển công nghiệp có chọn lọc, thương mại - dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, lấy giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh làm tiêu chí trọng tâm; trong đó, xác định logistics và các dịch vụ hỗ trợ là khâu then chốt để giảm chi phí, tăng hiệu quả chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường. Tập trung phát triển các dịch vụ kho bãi, trung chuyển, đóng gói, kiểm định, vận tải và phân phối; thúc đẩy hệ thống dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động cửa khẩu, du lịch và tiêu thụ nông lâm sản; ưu tiên thu hút doanh nghiệp có năng lực vận hành, quản trị hiện đại, gắn phát triển dịch vụ với chuyển đổi số, tiêu chuẩn hóa quy trình, nâng chất lượng phục vụ và hiệu quả khai thác hạ tầng.

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản kim loại màu (niken, đồng, sắt...) với công nghệ thân thiện môi trường; quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo hướng sử dụng tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả khai thác. Việc cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng được thực hiện theo thời hạn phù hợp, không cấp phép kéo dài vượt quá nhu cầu thực tế, nhằm tránh tình trạng giữ mỏ nhưng không đầu tư khai thác. Khuyến khích và ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có năng lực tài chính và công nghệ đầu tư công nghệ khai thác và chế biến hiện đại, nâng cao công suất và hiệu quả sử dụng tài nguyên; hình thành các khu khai thác và chế biến vật liệu xây dựng tập trung có quy mô lớn, góp phần ổn định nguồn cung vật liệu xây dựng, bình ổn thị trường, giảm chi phí xây dựng cho các công trình hạ tầng

và bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường. Khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng mới, xanh, tiết kiệm năng lượng; tái sử dụng chất thải công nghiệp làm vật liệu xây dựng nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn

Duy trì và mở rộng các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống, làng nghề có giá trị văn hóa - kinh tế. Ưu tiên hình thành chuỗi sản xuất, chế biến các sản phẩm nông - lâm - dược liệu, đặc biệt tại các địa phương có tiềm năng như: Bảo Lạc, Xuân Trường, Nguyên Bình, Thành Công, Trùng Khánh,...

Khuyến khích đầu tư các dự án điện mặt trời quy mô nhỏ phục vụ dân sinh tại các khu vực vùng cao, biên giới, khó kết nối lưới điện quốc gia; đa dạng hóa nguồn năng lượng; phấn đấu đến năm 2030, tỉ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 98%. Phát triển năng lượng tái tạo phù hợp quy hoạch; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Hình thành và phát triển các cụm công nghiệp thân thiện với môi trường tại các vùng động lực như: Tân Giang, Thục Phán, Nùng Trí Cao, Phục Hòa, Trà Lĩnh, Đông Khê... Xử lý dứt điểm các dự án công nghiệp chậm triển khai, kém hiệu quả, gây ô nhiễm, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tự phát, thiếu quy hoạch.

Phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng hiện đại, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, nhất là các sản phẩm nông - lâm sản và đặc sản của tỉnh; đẩy mạnh thương mại điện tử, dịch vụ logistics và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất; tăng cường liên kết với các địa phương có vùng nguyên liệu lớn, phát huy lợi thế hệ thống cửa khẩu của tỉnh để thúc đẩy lưu thông hàng hóa và xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

1.4. Phát triển kinh tế cửa khẩu, logistics và du lịch bền vững

Xác định kinh tế cửa khẩu - logistics - du lịch là nhóm động cơ tăng trưởng chủ đạo của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; chuyển mạnh từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả khai thác hạ tầng và năng lực kết nối thị trường. Tập trung nâng chất lượng thông quan, thúc đẩy xuất nhập khẩu chính ngạch, phát triển dịch vụ giá trị gia tăng tại cửa khẩu; đồng thời hình thành và phát triển hệ sinh thái logistics gắn với nhu cầu thực tế của thị trường, bảo đảm tính khả thi, khả năng vận hành và hiệu quả dài hạn.

Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu; hiện đại hóa quản lý cửa khẩu; phát triển hạ tầng thương mại - logistics; tăng cường liên kết vùng và hợp tác quốc tế, trong đó tăng cường liên kết phát triển với các địa phương trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, đặc biệt với Lạng Sơn, Thái Nguyên và Hà Nội; phối hợp phát triển các tuyến logistics kết nối

từ cảng biển Hải Phòng- Lạng Sơn - Cao Bằng - Quảng Tây, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, du lịch và đầu tư.

Phát triển hệ sinh thái dịch vụ cửa khẩu gồm logistics, kho bãi, kiểm định chất lượng, tiêu chuẩn hóa, truy xuất nguồn gốc, tài chính – bảo hiểm và thương mại điện tử xuyên biên giới, qua đó nâng cao giá trị gia tăng của hoạt động thương mại biên mậu.

Tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện hoạt động kinh tế biên mậu, thương mại cửa khẩu; xác định rõ dư địa phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng; đề xuất các giải pháp nâng cao năng suất, TFP và sức sống của kinh tế biên mậu. Tổ chức lại không gian kinh tế cửa khẩu theo hướng mở để phát triển; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; bảo đảm phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với quốc phòng - an ninh và lợi ích quốc gia.

Phát triển du lịch bền vững gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng trên cơ sở tư duy sản phẩm, tư duy điểm đến và chuỗi dịch vụ; kiên quyết tránh phát triển nóng, chạy theo lợi ích ngắn hạn làm ảnh hưởng đến tài nguyên, di sản và hình ảnh địa phương; chú trọng phát triển sản phẩm đặc sắc, nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo tồn di sản và bản sắc văn hóa, thúc đẩy du lịch biên giới an toàn.

Tập trung hình thành các cụm điểm đến đặc sắc kết hợp giữa cảnh quan địa chất, văn hóa bản địa, làng nghề và nông nghiệp sinh thái; xây dựng các tuyến tham quan chuyên đề như địa chất - văn hóa - nông nghiệp - ẩm thực.

Tăng cường hợp tác quốc tế với mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu để nâng cao năng lực quản lý, phát triển sản phẩm du lịch và quảng bá hình ảnh Cao Bằng ra thế giới.

Phấn đấu đến năm 2030 đón khoảng 04 triệu lượt khách, tổng thu du lịch khoảng 6.900 tỉ đồng, đóng góp của du lịch vào GRDP khoảng 10%; phát triển du lịch bền vững gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng và Khu cảnh quan Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc).

1.5. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch và phát triển hạ tầng chiến lược

Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 theo hướng khả thi, phù hợp địa phương; tích hợp các quy hoạch ngành, bảo đảm không dàn trải, gắn quy hoạch với nguồn lực và lộ trình thực hiện.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch và danh mục hạ tầng chiến lược theo cấu trúc không gian phát triển của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm và tránh dàn trải. Lấy trục Đồng Đăng - Trà Lĩnh làm xương sống phát triển cửa khẩu - logistics - dịch vụ hỗ trợ; tăng cường liên kết theo trục Hà Nội - Thái Nguyên - Cao Bằng để mở rộng

thị trường, kết nối nguồn lực khoa học - công nghệ và nhân lực; thúc đẩy hợp tác theo hành lang Hải Phòng - Quảng Tây nhằm liên thông logistics cảng biển - biên giới và nâng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế. Trên cơ sở đó, hình thành các vùng động lực (cửa khẩu-logistics; du lịch; rừng-được liệu-chế biến) gắn với vùng sinh thái, bảo đảm phát triển xanh, bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

Tập trung lập, rà soát và hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quy hoạch khu chức năng); đồng thời xây dựng, cập nhật kế hoạch sử dụng đất chi tiết đến cấp xã, bảo đảm tính khả thi, làm cơ sở thu hút đầu tư, triển khai dự án và quản lý tài nguyên, đất đai. Tập trung hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất, đầy đủ và chính xác; tổ chức rà soát tổng thể hiện trạng sử dụng đất, hồ sơ địa chính và dữ liệu đất đai trên toàn tỉnh, khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ, sai lệch hoặc chưa được cập nhật đầy đủ so với thực tế sử dụng đất. Từng bước số hóa, cập nhật thường xuyên và kết nối cơ sở dữ liệu đất đai với hệ thống thông tin quy hoạch, xây dựng, tài nguyên và môi trường, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất.

Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực theo hướng đầu tư công dẫn dắt - đầu tư tư nhân tham gia - thị trường quyết định, bảo đảm mọi dự án được lựa chọn trên cơ sở hiệu quả kinh tế - xã hội tổng thể và khả năng vận hành bền vững. Xây dựng danh mục dự án ưu tiên, trong đó xác định rõ các dự án “mồi” có khả năng kích hoạt đầu tư tư nhân; chuẩn bị đầy đủ điều kiện triển khai (quy hoạch, mặt bằng, thủ tục) để thu hút nhà đầu tư theo quy định, khuyến khích áp dụng các hình thức hợp tác công tư phù hợp đối với hạ tầng logistics, dịch vụ cửa khẩu, hạ tầng du lịch thiết yếu và lĩnh vực môi trường. Đồng thời, thiết lập cơ chế “một đầu mồi” theo dõi xuyên suốt đối với dự án trọng điểm; tăng cường công khai, minh bạch, giám sát và trách nhiệm giải trình; chuyển mạnh từ quản lý theo đầu vào sang quản trị theo kết quả, gắn phân công chủ trì - phối hợp với tiến độ theo năm và chỉ tiêu đầu ra, định kỳ kiểm tra, đánh giá và kịp thời điều chỉnh để tránh thất thoát, lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu; đồng thời rà soát, thực hiện đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, đính chính và cấp đổi Giấy chứng nhận đối với các trường hợp cấp sai hoặc có sai sót theo quy định của pháp luật.

Tập trung rà soát, xử lý dứt điểm các khu vực “quy hoạch treo” kéo dài, đặc biệt tại các khu dân cư hiện hữu đã hình thành ổn định nhưng chưa được công nhận quyền sử dụng đất hoặc chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận; đổi

với các khu vực người dân đang sinh sống ổn định, phù hợp định hướng phát triển đô thị và nông thôn, xem xét điều chỉnh quy hoạch, hợp thức hóa quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân và ổn định xã hội.

Tập trung hoàn thành các tuyến cao tốc và trục kết nối chiến lược; phát triển hạ tầng cửa khẩu, logistics; nâng cấp hạ tầng đô thị, cấp thoát nước, xử lý rác thải và nước thải; phát triển hạ tầng số. Trước mắt, tập trung nguồn lực thực hiện “Chiến dịch Đông Khê năm 2026” với mục tiêu 85 ngày đêm thông tuyến tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh theo hình thức đối tác công tư (PPP) giai đoạn 1; đồng thời đẩy nhanh các thủ tục để tiến hành khởi công Dự án đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng trước ngày 19/5/2026, phấn đấu hoàn thành trong năm 2029.

Phát triển hạ tầng đô thị theo hướng hiện đại gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa, kiến trúc bản địa đặc trưng; đồng thời rà soát, cập nhật lộ trình phát triển đô thị, bảo đảm mục tiêu đô thị hóa phù hợp với khả năng thực hiện và nguồn lực, ưu tiên nâng cao chất lượng đô thị, hạ tầng thiết yếu, môi trường và dịch vụ công. Triển khai các dự án cấp thoát nước, xử lý nước thải, rác thải (bao gồm cả rác thải y tế) tại các trung tâm xã, phường và khu vực đô thị; phấn đấu đến năm 2030 tỉ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 30%, từng bước tiệm cận hơn với mục tiêu toàn quốc.

Quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống nghĩa trang tập trung cấp vùng và cấp đô thị phù hợp quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất; từng bước di dời, sắp xếp các nghĩa trang nhỏ lẻ, tự phát trong khu dân cư, hình thành mô hình nghĩa trang văn minh, tiết kiệm đất đai và thuận lợi cho công tác quản lý.

Chủ động rà soát, bố trí quỹ đất và thu hút các nguồn lực để đầu tư phát triển nhà ở xã hội, từng bước đáp ứng nhu cầu nhà ở của các đối tượng chính sách, người có thu nhập thấp và người lao động. Tiếp tục đầu tư xây dựng các khu tái định cư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội và bố trí ổn định dân cư tại các khu vực có nguy cơ thiên tai hoặc cần di dời theo quy hoạch; bảo đảm nguyên tắc nơi ở mới có điều kiện sống tốt hơn hoặc tương đương nơi ở cũ, gắn với sinh kế bền vững cho người dân. Tăng cường kỷ cương trong quản lý đất đai, khoáng sản và vật liệu xây dựng; bảo đảm công tác bồi thường, hỗ trợ và bố trí chỗ ở cho người dân minh bạch, đúng quy định. Đẩy mạnh thực hiện các chính sách phát triển nhà ở xã hội; tăng cường quản lý, điều tiết đảm bảo thị trường bất động sản phát triển minh bạch, an toàn và bền vững.

Lồng ghép yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai trong phát triển hạ tầng: ưu tiên xử lý điểm sạt lở, ngập lụt, chia cắt; nâng tiêu chuẩn thoát nước, ổn định taluy, xử lý nền yếu; bảo đảm tính liên tục mạng lưới giao thông trong thời tiết cực đoan; bố trí tái định cư vùng rủi ro cao gắn sinh kế bền vững.

Nghiên cứu áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng tại các khu vực có điều kiện phù hợp, đặc biệt dọc theo các trục giao thông chiến lược, khu vực cửa khẩu và các nút kết nối hạ tầng quan trọng; bảo đảm việc áp dụng phù hợp với quy mô đô thị và điều kiện phát triển của tỉnh.

2. Văn hoá - xã hội

2.1. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; phát triển văn hóa và con người Cao Bằng gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản, bản sắc văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Tập trung xây dựng con người Cao Bằng phát triển toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc và truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, phát huy nguồn sức mạnh nội sinh, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

Phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế và phúc lợi của Nhân dân phải được coi là một nền tảng “an ninh mềm” của khu vực biên giới. Chăm lo đời sống Nhân dân, bảo đảm các dịch vụ thiết yếu đến được với vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe và sinh kế bền vững cho người dân, qua đó góp phần củng cố “thế trận lòng dân”, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tăng cường quốc phòng - an ninh trong bối cảnh mới.

Xây dựng “Không gian văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh” tại Cao Bằng theo hướng liên kết quốc gia, quốc tế, có sự phối hợp giữa Cao Bằng với Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan. Phát triển hệ thống du lịch cách mạng gắn với Không gian văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành sản phẩm du lịch của tỉnh, kết nối các địa điểm lịch sử như Pác Bó, rừng Trần Hưng Đạo, các di tích cách mạng và tuyến biên giới. Hình thành các tuyến du lịch lịch sử - giáo dục - trải nghiệm, kết hợp giữa tham quan di tích, nghiên cứu lịch sử, giáo dục truyền thống và trải nghiệm văn hóa bản địa; khuyến khích phát triển các sản phẩm văn hóa - du lịch có giá trị gia tăng cao như bảo tàng sống, không gian trải nghiệm lịch sử, chương trình giáo dục lịch sử cho học sinh, sinh viên và du khách quốc tế. Mở rộng hợp tác quốc tế, quảng bá sâu rộng hình ảnh du lịch Cao Bằng ra thị

trường nước ngoài; phấn đấu đến năm 2030 du lịch trở thành ngành có đóng góp trên 10% GRDP, giải quyết sinh kế cho trên 30% lao động địa phương.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển hệ thống giáo dục gắn với nhu cầu phát triển của tỉnh, đảm bảo cơ hội và nâng cao chất lượng tiếp cận giáo dục cho Nhân dân; ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực chiến lược như logistics cửa khẩu, thương mại biên giới, du lịch chất lượng, nông nghiệp đặc sản gắn với chế biến, dịch vụ và quản trị số ở cơ sở. Tăng cường giáo dục nghề nghiệp, thực hiện cơ chế “đặt hàng” đào tạo nghề gắn với chuẩn nghề, với doanh nghiệp và nhu cầu thực tế của cửa khẩu, điểm đến du lịch và hệ thống dịch vụ; bảo đảm người học có cơ hội việc làm sau đào tạo. Tăng cường chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đầu tư xây dựng hệ thống các trường nội trú liên cấp ở các xã biên giới.

Phát triển Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Cao Bằng theo định hướng đại học xanh và đại học số, gắn với phát triển của tỉnh miền núi biên giới; từng bước xây dựng các chương trình đào tạo có tính ứng dụng cao trong các lĩnh vực tỉnh đang có nhu cầu lớn như xây dựng, tư vấn thiết kế hạ tầng, logistics, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các ngành công nghệ mới. Tăng cường liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có uy tín trong nước và quốc tế; khuyến khích các mô hình đào tạo liên kết với các cơ sở giáo dục tại Quảng Tây và khu vực phía Nam Trung Quốc, triển khai các chương trình đào tạo hai chương trình hoặc hai bằng cấp, trao đổi sinh viên, giảng viên và thực tập tại doanh nghiệp. Từng bước xây dựng môi trường học tập hấp dẫn, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, ký túc xá và không gian học tập xanh, thu hút sinh viên từ nhiều địa phương đến học tập tại Cao Bằng, qua đó hình thành nguồn nhân lực có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới và liên kết vùng.

Phát triển hệ thống y tế theo hướng nâng cao năng lực điều trị tại chỗ, gắn với triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Tập trung đầu tư hoàn thiện Bệnh viện tuyến tỉnh theo hướng hiện đại; đồng thời nâng cao năng lực các cơ sở y tế tuyến xã, phường, đặc biệt tại các địa bàn biên giới và vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong y tế, ứng dụng hồ sơ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa và kết nối chuyên môn với các bệnh viện tuyến Trung ương nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm tình trạng chuyển tuyến và giảm chi phí khám chữa bệnh ngoài tỉnh.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ cơ bản về giáo dục, y tế, văn hóa và phúc lợi xã hội; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và củng cố nền tảng phát triển bền vững của tỉnh. Gắn mục tiêu an sinh và chỉ số hạnh phúc với nâng năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận sinh kế bền vững, nhất là khu vực biên giới.

2.2. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước dựa trên nền tảng số, hệ thống số, dịch vụ số, dữ liệu số, nâng cao tỉ trọng đóng góp kinh tế số, phát triển xã hội số trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. trước hết tại các lĩnh vực còn nhiều điểm nghẽn như thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, giải phóng mặt bằng; quản lý cửa khẩu, du lịch, điều hành các dự án trọng điểm và cung cấp dịch vụ công. Hiệu quả chuyển đổi số phải được đo bằng khả năng giảm chi phí giao dịch, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, nâng cao chất lượng điều hành và tạo thuận lợi thực chất cho người dân và doanh nghiệp; qua đó tạo chuyển biến mạnh mẽ về môi trường đầu tư, kinh doanh.

Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực nền tảng nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và hiệu lực quản trị; triển khai theo hướng thiết thực, lấy hiệu quả và khả năng ứng dụng làm tiêu chí, gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương. Tập trung chuyển đổi số trong quản lý nhà nước theo hướng dữ liệu hóa, số hóa quy trình, liên thông và minh bạch; nâng cao chất lượng dịch vụ công, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

Hoàn thiện và kết nối các cơ sở dữ liệu dùng chung (đất đai, quy hoạch, đầu tư, cửa khẩu, du lịch, an sinh); chia sẻ - xác thực dữ liệu phục vụ điều hành; tăng phân tích dữ liệu theo dõi tiến độ nhiệm vụ trọng tâm và giám sát thực thi; lấy giảm thời gian xử lý thủ tục, giảm chi phí tuân thủ, tăng mức độ hài lòng làm thước đo trực tiếp.

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp và mở rộng hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh; phát triển dữ liệu số và các nền tảng số dùng chung; xây dựng, nâng cao hiệu quả chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số; phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số thực thi công vụ nhằm: Nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước đáp ứng nhanh, tinh gọn, công khai, minh bạch, thông suốt, ổn định. Tăng cường chuyển đổi số trong các cơ quan

Đảng, Nhà nước và trong doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, lĩnh vực cửa khẩu; gắn với phong trào “Bình dân học vụ số”, phát triển nguồn nhân lực số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu.

Tập trung thúc đẩy chuyên đổi số trong các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như cửa khẩu - logistics, du lịch, nông nghiệp đặc sắc gắn với chế biến; đồng thời hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp số phù hợp với tỉnh miền núi. Đẩy mạnh liên kết vùng và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, tập trung vào các lĩnh vực như công nghệ chế biến dược liệu, nông nghiệp hữu cơ và quản trị tài nguyên, môi trường bằng công nghệ cao.

2.3. Triển khai hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, dân tộc, tôn giáo, xây dựng và triển khai Bộ Chỉ số Hạnh phúc

Triển khai đồng bộ các chính sách an sinh xã hội theo hướng bao trùm, kịp thời, đúng đối tượng, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau; giảm nghèo bền vững với tạo sinh kế, nâng cao năng lực tự vươn lên của người dân, nhất là tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng biên giới. Tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc, tôn giáo trên cơ sở tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, củng cố đoàn kết, ổn định xã hội; chủ động nắm tình hình, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ. Lồng ghép hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên đầu tư cho y tế cơ sở, giáo dục, nước sạch, nhà ở, việc làm, tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản; tăng cường hỗ trợ tiếp cận tín dụng, đào tạo nghề và kết nối việc làm gắn với nhu cầu doanh nghiệp, gắn với các động cơ tăng trưởng của tỉnh.

Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, dân tộc, tôn giáo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Huy động các nguồn lực để tiếp tục hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát sau năm 2025 và triển khai mô hình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, nhà sinh hoạt cộng đồng tại vùng khó khăn.

Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển; tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo đồng hành cùng dân tộc. Phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh biên giới và phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai xây dựng và từng bước thực hiện Bộ Chỉ số Hạnh phúc phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; xác định rõ bộ tiêu chí, phương pháp đo lường, cơ chế công bố và sử dụng kết quả như một công cụ điều hành, đánh giá chất lượng phát triển, trong đó chú trọng các nhóm chỉ số phản ánh trực tiếp mức độ hài lòng của

người dân đối với dịch vụ công, môi trường sống, cơ hội việc làm, thu nhập, giáo dục, y tế, an toàn và gắn kết cộng đồng.

3. Quốc phòng - an ninh, đối ngoại

3.1. Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia

Tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững mạnh, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm chắc địa bàn, sẵn sàng xử lý linh hoạt, hiệu quả mọi tình huống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi điều kiện. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh; huấn luyện, diễn tập sát thực tiễn, phù hợp. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự, chính sách hậu phương quân đội.

Chủ động bảo vệ vững chắc an ninh nội địa, an ninh biên giới, an ninh kinh tế và an ninh mạng; phát huy hiệu quả Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", nhân rộng các mô hình tự quản, tự phòng, tự bảo vệ ở cơ sở; xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng làm công tác an ninh trật tự, nhất là ở các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa. Phấn đấu đến năm 2030 đạt mục tiêu trên 50% số xã, phường trên địa bàn tỉnh không có ma túy. Hằng năm, phấn đấu kéo giảm 5% tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí (số vụ, số người chết và số người bị thương), phấn đấu kiềm chế, kéo giảm 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội. Xác định ổn định chính trị - trật tự an toàn xã hội là điều kiện tiên quyết để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch và bảo đảm tính liên tục của dịch vụ công trong mọi tình huống.

3.2. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Ban hành và triển khai thực hiện tốt Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 506-KH/TU, ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Tăng cường hợp tác, hòa bình, hữu nghị với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc và các đối tác quốc tế; mở rộng hợp tác, thúc đẩy phát triển với các địa phương trong nước. Phối hợp nâng cấp, mở mới các cửa khẩu, lối mở trên địa bàn tỉnh; phát triển hạ tầng logistics, hình thành và mở rộng các khu kinh tế cửa khẩu, vùng liên kết sản xuất - thương mại biên

mậu, tạo cực tăng trưởng mới ở khu vực biên giới. Chú trọng công tác thông tin đối ngoại và quảng bá hình ảnh Cao Bằng gắn với xúc tiến du lịch, giới thiệu tiềm năng kinh tế - xã hội, nhất là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

4. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

4.1. Công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức, công tác dân vận của Đảng

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ. Kiên quyết khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng.

Thực hiện nghiêm túc chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Nghiêm túc tự soi, tự sửa, tự phê bình và phê bình; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác.

Chú trọng nâng cao chất lượng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; hoạt động báo chí, văn hóa, văn nghệ, khoa giáo và lịch sử Đảng; tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng. Thực hiện tốt công tác tổng kết thực tiễn, giáo dục lý luận chính trị; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, Nhà nước đối với công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Thực hiện nghiêm túc quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân chủ ở cơ sở và Quy chế phối hợp về công tác dân vận trong hệ thống chính trị; các quy định về tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân.

4.2. Công tác tổ chức, xây dựng Đảng

Tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp mô hình tổ chức đảng trong các loại hình phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và thực tiễn; hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền sau tinh gọn theo hướng hiệu quả, bảo đảm mô hình chính quyền địa phương hai cấp hoạt động thông suốt.

Bổ sung, hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ; nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; củng cố cán bộ cấp cơ sở, bảo đảm mỗi cán bộ phải gần dân, sát cơ sở. Mỗi nhiệm vụ phải được

giao rõ người, rõ việc, rõ thời hạn và chịu trách nhiệm đến cùng; chấm dứt tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm. Đổi mới đánh giá tổ chức đảng, đảng viên, công tác đánh giá cán bộ bảo đảm nghiêm túc, thực chất theo sản phẩm, kết quả, mức độ hài lòng và niềm tin của Nhân dân.

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng; đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, cấp uỷ theo hướng thiết thực, hiệu quả; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc khắc phục những hạn chế, yếu kém của các tổ chức đảng trực thuộc. Nâng cao chất lượng chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức của đội ngũ đảng viên, nhất là ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ.

4.3. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát theo phương châm "giám sát rộng rãi" và tăng cường "kiểm tra tập trung" vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm. Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên về chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ và Nghị quyết của Đảng.

Đẩy mạnh việc chuyển trọng tâm sang giám sát thường xuyên; chủ động, ngay từ đầu, xuyên suốt trên mọi mặt công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của cấp uỷ các cấp. Xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát ngay từ chi bộ; chủ động phát hiện, xử lý vi phạm từ sớm, từ xa; xử lý nghiêm minh các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định, không để kéo dài, gây mất đoàn kết nội bộ.

Kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ uỷ ban kiểm tra các cấp; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của ngành Kiểm tra Đảng, từng bước chuyển sang "kiểm tra, giám sát trên dữ liệu". Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

4.4. Công tác nội chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo bước đột phá về thể chế phát triển, nâng cao năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường

phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm công lý, công bằng xã hội; hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quy chế phối hợp giữa các cơ quan tư pháp, quyền lực, hành chính và các tổ chức chính trị - xã hội, phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát hoạt động thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, giám định, định giá tài sản, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm hoặc tiêu cực trong tố tụng.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhất là trong quản lý đất đai, đầu tư công, đấu thầu, mua sắm, tài chính - ngân sách, công tác cán bộ; tăng cường công khai, minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; cụ thể hóa và triển khai kịp thời Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; có giải pháp hiệu quả khai thác tài sản công và xử lý trụ sở dư thừa sắp xếp và các chương trình, dự án chậm tiến độ, các cơ sở nhà, đất hiệu quả sử dụng thấp, có nguy cơ lãng phí.

Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, liêm chính, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; đưa nội dung xây dựng văn hóa liêm chính, chống tham nhũng, lãng phí vào sinh hoạt chi bộ, cơ quan, đơn vị.

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và thi hành pháp luật, thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý nghiêm minh sai phạm; bảo vệ người tố cáo, người đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; phát huy vai trò giám sát, phản biện của Nhân dân, báo chí, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh.

4.5. Hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền 02 cấp bảo đảm tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ trình độ, năng lực, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng tốt yêu cầu trong tình hình mới.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và đại biểu HĐND các cấp; tập trung nâng cao chất lượng hoạch định và thực thi chính sách; phát huy vai trò giám sát các hoạt động điều hành của chính quyền.

Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền các

cấp. Tiếp tục tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng cơ chế đánh giá năng lực, phân loại cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đánh giá đúng người, đúng việc, đúng vị trí việc làm dựa trên hiệu quả và chất lượng công việc. Tăng cường thanh tra công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ lề lối làm việc của các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả và hướng tới giải quyết thực chất các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Hạn chế tối đa các cuộc họp hình thức; tăng cường đi cơ sở, nắm bắt tình hình và xử lý công việc ngay tại địa bàn. Việc tổ chức hội nghị, cuộc họp phải gắn với mục tiêu tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển và giải quyết vấn đề cụ thể. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu; mọi nhiệm vụ phải được giao rõ người, rõ việc, rõ tiến độ và rõ sản phẩm đầu ra. Cơ quan tham mưu phải chịu trách nhiệm đến cùng đối với chất lượng đề xuất và tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chủ trì, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng theo hướng rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, thiết thực, hiệu quả, hướng các hoạt động về cơ sở. Chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực; phối hợp thực hiện tốt an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Phát huy tốt vai trò trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương.

5. Một số nhiệm vụ, chương trình, đề án, nhóm công trình, nhóm dự án trọng tâm cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo

Tập trung ưu tiên lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, nội dung đột phá, nghị quyết, đề án trọng tâm trong nhiệm kỳ 2025 - 2030. Việc cụ thể hóa danh mục nhiệm vụ/đề án/dự án và tiến độ thực hiện do Đảng ủy UBND tỉnh và các cấp, ngành xây dựng trong kế hoạch 5 năm và hằng năm **(Có phụ lục 01, 02 kèm theo)**.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chương trình hành động ngay sau khi ban hành, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, khuyết điểm; xem xét trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong trường hợp chậm triển khai hoặc thực hiện không đạt yêu cầu. Tổ chức sơ kết việc thực hiện Chương trình vào giữa nhiệm kỳ và tổng kết vào cuối nhiệm kỳ, gắn với sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 – 2030.

2. Đảng uỷ Hội đồng nhân dân tỉnh

Chỉ đạo cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình thông qua nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét, quyết định các cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực cần thiết để triển khai các chương trình, đề án, dự án trọng điểm. Tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình của các cấp chính quyền và các cơ quan, sở, ngành, địa phương theo quy định.

3. Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh

Cụ thể hoá nội dung Chương trình hành động vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của tỉnh; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và kết quả cần đạt được; thường xuyên rà soát, đánh giá tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động; xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án cụ thể, đồng thời bảo đảm bố trí và huy động các nguồn lực cần thiết để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Chỉ đạo xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động trên nền tảng số; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu cập nhật theo thời gian thực đối với một số chỉ tiêu trọng tâm. Thiết lập hệ thống chỉ số đánh giá kết quả (KPI) đối với các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình hành động; bảo đảm các chỉ tiêu được lượng hoá rõ ràng, xác định nguồn dữ liệu và cơ chế cập nhật định kỳ.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ trì nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện định kỳ với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ theo quy định.

Chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ và thực hiện các kiến nghị của tỉnh tại các buổi làm việc của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương tại tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; kịp thời tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động.

4. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình hành động; chủ động nghiên cứu, tham mưu xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch công tác để cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Văn phòng Tỉnh uỷ tham mưu giúp Tỉnh uỷ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình tại các cấp uỷ trực thuộc, các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ; tham mưu sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền nội dung Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ; kịp thời phát hiện, biểu dương những mô hình, cách làm hay, sáng tạo, đồng thời phê phán các biểu hiện thiếu trách nhiệm, chậm trễ trong tổ chức thực hiện.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động; kịp thời kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân thực hiện không nghiêm hoặc chậm tiến độ, định kỳ báo cáo Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ theo quy định.

5. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Căn cứ nội dung chương trình, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Tăng cường giám sát hoạt động của các cấp chính quyền, của cán bộ, đảng viên các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, tích cực phát động và hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra.

6. Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương

Chịu trách nhiệm trước Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động này tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng nội dung Chương trình hành động; gắn việc thực hiện Chương trình hành động với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, các chương trình, đề án, nghị quyết chuyên đề và nhiệm vụ chính trị của từng ngành, địa phương. Căn cứ nội dung Chương trình hành động của Tỉnh uỷ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình, sản phẩm và phân công trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị, cá nhân.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chủ động theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện.

Định kỳ 6 tháng và hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (qua Văn phòng Tỉnh uỷ); đồng thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ trong quá trình tổ chức thực hiện.

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, ban, ngành, địa phương được phân công phụ trách trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ.

Chương trình này thay thế Chương trình số 06-CT/TU, ngày 28/11/2025 của Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các Ban xây dựng Đảng TW,
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đ/c Tỉnh uỷ viên,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Phan Thăng An

Phụ lục 01
Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng
giai đoạn 2025 – 2030

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025 - 2030	Cơ quan chủ trì
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	$\geq 10,0$	Đảng ủy UBND tỉnh
	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 (triệu đồng)	70-80	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Đến năm 2030, cơ cấu GRDP:		Đảng ủy UBND tỉnh
	Khu vực dịch vụ và công nghiệp (%)	> 80	
	Khu vực nông lâm nghiệp (%)	< 15	
3	Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân (%/năm)	12	Đảng ủy UBND tỉnh
4	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tăng bình quân (%/năm)	11	Đảng ủy UBND tỉnh
5	Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP (%)	20	Đảng ủy UBND tỉnh
6	Tỉ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân (%/năm)	> 3	Đảng ủy UBND tỉnh
7	Đến năm 2030, tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	39,62 (21/53 xã)	Đảng ủy UBND tỉnh
	Số xã, phường không ma túy và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội (%)	> 50	Đảng ủy Công an tỉnh
8	Giảm số điểm trường lẻ (%)	40	Đảng ủy UBND tỉnh
	Số xã có trường bán trú hoặc nội trú (%)	80	
	Xã biên giới có trường phổ thông nội trú liên cấp (%)	100	

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025 - 2030	Cơ quan chủ trì
	Xây dựng mới 01 Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng quy mô 1.000 giường, có khả năng nâng cấp lên 1.500 giường sau năm 2030, được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn nhân lực. Đồng thời, giảm ít nhất 30% chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh thông qua việc nâng cao chất lượng hệ thống y tế địa phương, tăng cường niềm tin và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại cơ sở.		Đảng ủy UBND tỉnh
9	Xã đạt mức Chỉ số Hạnh phúc người dân (CB-HPI) từ 90 điểm trở lên, phản ánh mức sống hài lòng và bền vững, bảo đảm phát triển bao trùm về an sinh, cơ hội, văn hoá, niềm tin (%)	90	Đảng ủy UBND tỉnh
10	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp (%)	> 90	Đảng ủy UBND tỉnh
	Tỉ lệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua nền tảng số đạt (%)	100	
11	Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số chuyển đổi số (DTI) nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố trên cả nước.		Đảng ủy UBND tỉnh
12	Tỉ lệ tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt (%)	> 80	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ
	Kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt (đảng viên)	1.500 - 1.600	

Phụ lục 02

Danh mục các chương trình, đề án, nghị quyết chuyên đề trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 – 2030

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Đề án			
1	Đề án về cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào vùng khó khăn	Đảng ủy UBND tỉnh	2025 - 2030	
2	Các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	2026	
3	Đề án nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2025 - 2030	
4	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
II	Chương trình trọng tâm, Kế hoạch đột phá			
1	Chương trình trọng tâm số 03-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng về bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2025 - 2030	
2	Chương trình trọng tâm số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng về phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2025 - 2030	
3	Chương trình trọng tâm số 05-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng về phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2025 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2025 - 2030	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Kế hoạch đột phá nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	2025 - 2030	
5	Kế hoạch thực hiện nội dung đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Đảng uỷ UBND tỉnh	2025 - 2030	
6	Kế hoạch đột phá thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Đảng uỷ UBND tỉnh	2025 - 2030	
III	Các chương trình, kế hoạch các ngành, lĩnh vực			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035	Đảng uỷ UBND tỉnh và Đảng uỷ các xã, phường	2026 - 2035	
2	Chương trình phát triển giáo dục nội trú, bán trú giai đoạn 2026 -2030	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026 - 2030	
3	Chương trình thí điểm một số cơ chế chính sách phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026	
4	Chương trình bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026 - 2030	
5	Chương trình phát triển thể dục, thể thao của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026 - 2030	
6	Chương trình xây dựng Tuyến du lịch đồ qua biên giới Pác Bó - Mạnh Ma	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026 - 2030	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7	Chương trình xây dựng tuyến du lịch trải nghiệm kết nối CVĐC Non nước Cao Bằng và CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn.	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
8	Chương trình phát triển du lịch lịch sử gắn với Công viên địa chất Non nước Cao Bằng	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
9	Chương trình kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	2027 - 2030	
10	Chương trình tuyển dụng công chức, trong đó chú trọng đội ngũ công chức ngành khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ	Đảng ủy UBND tỉnh	Thường xuyên	
11	Kế hoạch phát triển hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị và khu du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2035	
12	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
13	Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
14	Kế hoạch Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026-2030	
15	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
16	Kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
17	Kế hoạch Thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	2026-2030	
18	Kế hoạch chỉnh trị sông suối đô thị và phát triển cảnh quan ven sông giai đoạn 2026 - 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2035	
19	Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai số	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2028	
20	Kế hoạch xây dựng trung tâm kiểm định - tiêu chuẩn hóa nông sản xuất khẩu	Đảng ủy UBND tỉnh	2027 - 2029	
21	Kế hoạch mở, nâng cấp cửa khẩu, lối thông quan, lối mở trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	2026	
22	Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
23	Kế hoạch phát triển Khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030, tầm nhìn 2050	
24	Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
25	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về KH&CN, CNTT cho đội ngũ cán bộ, tài năng, trí thức trẻ, trí thức người dân tộc thiểu số	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
IV	Các cơ chế, chính sách dự kiến ban hành			
1	Nghị quyết hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030	
2	Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa do địa phương thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	2026	
3	Chính sách ưu đãi, phù hợp, khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ	Đảng ủy UBND tỉnh	2027 - 2030	
4	Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trên địa bàn	Đảng ủy UBND tỉnh	2027 - 2030	
5	Cơ chế, chính sách tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân	Đảng ủy UBND tỉnh	Thường xuyên	
6	Quyết định điều chỉnh quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đảng ủy UBND tỉnh	2026	
V	Công tác xây dựng Đảng			
1	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng trong tình hình mới	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Năm 2025	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ - Sở Nội vụ	Năm 2026	
3	Đề án nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ ở cơ sở	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	Năm 2026	
4	Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy; tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị	- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ; - Sở Nội vụ	Thường xuyên	
5	Kết luận của Tỉnh uỷ về quản lý biên chế của hệ thống chính trị	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	Năm 2026	
6	Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; về công tác quy hoạch cán bộ; về luân chuyển cán bộ; về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ; bố trí công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý sau khi bị kỷ luật	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	Năm 2026	
7	Kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; bồi dưỡng cán bộ nguồn quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2030 - 2035, nguồn quy hoạch lãnh đạo các sở, ban, ngành giai đoạn 2031 - 2036	- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ - Sở Nội vụ	Thực hiện thường xuyên	
8	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ, công chức, viên chức	- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, - Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	Thực hiện thường xuyên	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh	- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ - Sở Nội vụ	Năm 2026	
10	Kế hoạch thực hiện Kết luận về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	Năm 2026	
11	Hướng dẫn công tác kết nạp đảng viên là học sinh, sinh viên và người dân tộc thiểu số	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	Năm 2026	
12	Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về một số chế độ chăm sóc, bồi dưỡng sức khỏe, tổ chức lễ tang, viếng lễ tang đối với cán bộ và thân nhân của cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý đang công tác hoặc đã nghỉ hưu	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	Năm 2025	
13	Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiêu chuẩn chức danh và tiêu chí đánh giá cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	Năm 2025	
14	Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị tỉnh Cao Bằng	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	Năm 2025	
15	Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường lãnh đạo công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư trong hệ thống chính trị các cấp tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 – 2030	Ban Nội chính Tỉnh uỷ	Quý I/2026	
16	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Trung ương về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới”; các chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về công tác nội chính	Ban Nội chính Tỉnh uỷ	Quý IV/2026	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
17	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành pháp luật trong hoạt động tư pháp	Ban Nội chính Tỉnh uỷ	Quý I/2026	
18	Xây dựng quy định ngành, lĩnh vực cần ưu tiên sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Năm 2026	
19	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	Năm 2026	
20	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận chính quyền trên địa bàn tỉnh.	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	Năm 2026	
21	Nghị quyết về công tác dân vận trong tham gia triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	Năm 2026	
22	Đề án nâng cao chất lượng công tác Dân vận trong bối cảnh chuyển đổi số	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	2026 - 2030	
23	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu lý luận chính trị trong tình hình mới	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	2026 - 2030	
24	Đề án nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	2026 - 2030	
25	Đề án tổ chức các hoạt động kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng (01/4/1930 - 01/4/2030)	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ	2029 - 2030	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
VI	Quốc phòng - An ninh, đối ngoại			
1	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo xây dựng nền Quốc phòng toàn dân	Đảng uỷ Quân sự tỉnh	Quý I/2026	
2	Các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về lãnh đạo công tác quốc phòng, quân sự địa phương	Đảng uỷ Quân sự tỉnh	2026 - 2030	
3	Tham mưu cho Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh chuẩn bị nghị quyết lãnh đạo và hệ thống văn kiện diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2027	Đảng uỷ Quân sự tỉnh	2027	
4	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Đảng uỷ Công an tỉnh	Quý I/2026	
5	Các chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030	Đảng uỷ Công an tỉnh	Quý I/2026	

CHƯƠNG TRÌNH**bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG

Trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần ổn định diện tích rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ và duy trì hệ sinh thái rừng. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò của rừng được nâng lên; công tác khoán bảo vệ rừng, giao rừng tiếp tục được thực hiện; một số mô hình phát triển kinh tế dưới tán rừng bước đầu được chú trọng triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, việc khai thác tiềm năng kinh tế rừng còn nhiều hạn chế, chưa tạo được bút phá, chưa đóng góp tương xứng vào mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững và nâng cao đời sống người dân. Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất còn hạn chế; liên kết chuỗi giá trị lâm nghiệp yếu; công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản và các sản phẩm dưới tán rừng phát triển chậm; chưa hình thành được các mô hình kinh tế rừng mang tính lan tỏa, tạo giá trị kinh tế cao. Một số dự án cho thuê đất lâm nghiệp để thực hiện dự án bảo vệ và phát triển rừng triển khai kém hiệu quả. Nguồn tài nguyên rừng tuy lớn nhưng khai thác còn phân tán, giá trị kinh tế thu được thấp. Đất lâm nghiệp chiếm hơn 82% diện tích tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ước đạt 55,06%; diện tích đất có tiềm năng phát triển kinh tế rừng lên tới hơn 515.000 ha, song phần lớn giá trị vẫn nằm ở dạng tiềm năng. Khoảng 87.000 hộ gia đình đang quản lý diện tích có rừng, nhưng phần lớn mới dừng ở khai thác nhỏ lẻ, tự cung tự cấp; chưa hình thành được vùng nguyên liệu tập trung, thiếu sự liên kết giữa người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hạ tầng phục vụ sản xuất lâm nghiệp ở nhiều địa bàn còn thiếu; chính sách hỗ trợ lâm nghiệp chậm phát huy hiệu quả; thị trường tiêu thụ lâm sản, đặc biệt là dược liệu và sản phẩm bản địa, thiếu ổn định. Một số khu vực vẫn xảy ra vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ rừng; công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; nguy cơ cháy rừng trong mùa khô còn cao.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Bảo vệ rừng là nhiệm vụ nền tảng, phát triển kinh tế rừng là hướng đi chiến lược, nhằm khai thác hiệu quả lợi thế về diện tích rừng lớn và giá trị sinh thái của tỉnh. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm lâm nghiệp và dược liệu, hình thành chuỗi liên kết bền vững. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào vùng nguyên liệu, chế biến và kinh tế dưới tán rừng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, hạ tầng quản lý rừng. Gắn phát triển kinh tế rừng với nâng cao sinh kế người dân, giảm nghèo bền vững, ổn định vùng biên giới, bảo vệ môi trường và giữ vững quốc phòng - an ninh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tập trung bảo vệ các diện tích rừng hiện có và làm giàu rừng theo hướng hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị hệ sinh thái rừng, đồng thời phát triển du lịch sinh thái rừng và nâng cao đời sống của người dân tham gia quản lý rừng. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất; phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên các nhóm sản phẩm có giá trị kinh tế, tận dụng lợi thế từng vùng. Hình thành các vùng rừng trồng tập trung như quế, hồi và các loại dược liệu quý, kết hợp xây dựng nhà máy chiết xuất tinh dầu và chế biến dược liệu tại vùng nguyên liệu.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Nâng cao chất lượng rừng, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đến hết năm 2030 đạt 56,15%.
- Trồng 300 ha dược liệu quý dưới tán rừng trên nương, rẫy, xây dựng một số vùng trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO.
- Trồng mới 3.000 ha loài cây Quế, cây Hồi và các loài cây dược liệu quý khác tại các địa điểm có khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp.
- Xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến và sản xuất dược liệu ứng dụng công nghệ cao.
- Xây dựng ít nhất 01 mô hình du lịch sinh thái dựa vào rừng, du lịch lâm nghiệp cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa truyền thống, lấy người dân làm trung tâm.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Bảo vệ rừng - quản lý rừng bền vững

- Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có 348.233,94 ha (trong đó: Rừng đặc dụng là 14.308,19 ha; rừng phòng hộ là 196.053,27 ha; rừng sản xuất là

126.936,46 ha, diện tích rừng tự nhiên ngoài lâm nghiệp là 10.926,02 ha). Kiểm soát chặt chẽ các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng, đặc biệt là các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát 48.601,55 ha diện tích rừng sản xuất và rừng phòng hộ hiện do UBND xã đang quản lý để giao cho các hộ gia đình, cá nhân đang canh tác, sử dụng lâu dài nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Xây dựng bản đồ số hóa phục vụ lập kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng đảm bảo chủ động lực lượng, phương tiện theo phương châm “bốn tại chỗ”; phân công lực lượng ứng trực 24/24 giờ trong suốt mùa khô; bố trí các điểm chốt chặn, tuần tra canh gác ở những khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng, kiểm soát chặt chẽ người ra vào những khu vực rừng có nguy cơ cháy rừng cao; kịp thời phát hiện điểm cháy, huy động các lực lượng tham gia khống chế và dập tắt cháy rừng trong thời gian ngắn nhất, không để xảy ra cháy lớn.

- Kiểm tra, rà soát các tụ điểm phá rừng và các cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh; xác định, truy quét các “đầu nậu” mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; xóa bỏ các địa điểm xảy ra phá rừng; xử lý nghiêm các cơ sở chế biến gỗ và các “đầu nậu” vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

1.2. Phát triển hiệu quả kinh tế rừng bền vững

Phát triển kinh tế rừng bền vững, đảm bảo rừng phát triển hài hòa cả về kinh tế, môi trường và xã hội, tạo ra sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập cho cộng đồng, cụ thể:

- Rà soát, đánh giá các khu vực không đáp ứng tiêu chí rừng phòng hộ để xem xét chuyển sang rừng sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp và phát huy giá trị kinh tế rừng; rà soát diện tích 10.926,02 ha rừng tự nhiên ngoài lâm nghiệp để đưa vào quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

- Trồng mới 3.000 ha loài cây Quế, cây Hồi và các loài cây dược liệu quý khác; trồng mới 300 ha các cây dược liệu dưới tán rừng, trên nương, rẫy (*Sa nhân, Tam thất, Dương quy, Hoàng liên, Bạch cập, Hy thiêm, Bách Bộ, Hà thủ ô, Sâm các loại...*) theo hướng liên kết chuỗi giá trị sản phẩm, triển khai thực hiện tại các xã, phường có điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp.

- Thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược xây dựng các nhà máy chế biến và chiết xuất dược liệu. Xây dựng 01 nhà máy sơ chế, chế biến và sản xuất dược liệu ứng dụng công nghệ cao tại xã Nguyên Bình.

- Xây dựng, triển khai đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén và các khu rừng đặc dụng.

- Mở rộng các nguồn thu dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thu dịch vụ môi trường rừng tăng bình quân 2%/năm. Rà soát ký kết hợp đồng ủy thác chỉ trả dịch môi trường rừng đối với các nhà máy thủy điện đang xây dựng và hoàn thiện đi vào vận hành như: Dự án Thủy điện Bảo Lạc A, dự án Nhà máy thủy điện Bản Ngà, Bản Riễn, các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nguồn nước cho sản xuất công nghiệp, cơ sở nuôi trồng thủy sản nhằm tăng nguồn thu dịch vụ môi trường rừng.

- Khai thác rừng theo chu kỳ với diện tích khoảng 1.200 ha rừng sản xuất là rừng trồng và thực hiện trồng lại rừng ngay vụ trồng rừng kế tiếp nhằm phát triển kinh tế rừng bền vững. Trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, trồng rừng thay thế trên đất quy hoạch rừng phòng hộ giai đoạn 2025 - 2030 là 1.148,48 ha, đồng thời, trồng cây phân tán 2.000.000 cây trên địa bàn tỉnh.

1.3. Bảo tồn rừng đặc dụng và hệ sinh thái tự nhiên

- Bảo vệ và bảo tồn hơn 8.900 ha hệ sinh thái rừng đặc dụng tại Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén và hơn 7.380 ha hệ sinh thái rừng đặc dụng tại Khu bảo tồn Vườn Cao vút Trùng Khánh, cụ thể:

+ Cập nhật cơ sở dữ liệu về các loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm; thực hiện các biện pháp phục hồi sinh cảnh, trồng bổ sung các loại cây trồng bản địa trong rừng đặc dụng để làm giàu rừng bảo tồn nguồn gen, trồng bổ sung cây bản địa quý hiếm.

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn rừng đặc dụng và động vật hoang dã; mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, dự án hỗ trợ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

1.4. Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý rừng bền vững:

- Thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng tỉnh Cao Bằng nhằm xác định cụ thể trữ lượng rừng, sinh khối và trữ lượng các-bon để tạo cơ sở cho việc hình thành, hoàn thiện và phát triển thị trường các-bon và tín chỉ carbon rừng (Forest Carbon Credits) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 (sau khi các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể của Trung ương).

- Rà soát, thu hồi các diện tích đất lâm nghiệp do vi phạm pháp luật về đất đai; các diện tích rừng sử dụng không hiệu quả hoặc bỏ hoang, kém hiệu quả, kiên quyết thu hồi theo đúng quy định. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai gắn với chuyển đổi số; tổ chức rà soát, công bố, công khai quỹ đất, nhu cầu chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất; trên cơ sở đó hình thành quỹ đất nhằm chủ động kêu gọi đầu tư, cùng với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức rà soát, xác định các vùng, diện tích đất sản xuất có thể phát triển các loại cây trồng thế mạnh của tỉnh, xây dựng bản đồ quy hoạch các vùng rừng trồng tập trung tùy theo loại rừng (rừng phòng hộ, rừng sản xuất), hay theo mục đích trồng rừng (phục hồi rừng, trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng kinh tế để xây dựng các phương án trồng rừng. Xây dựng quy hoạch vùng trồng rừng các loài cây Quế, Hồi và vùng trồng các loài cây dược liệu dưới tán rừng.

2. 2. Giải pháp thực hiện

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền, nhất là phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức, điều hành và triển khai nhiệm vụ của Chương trình; đề cao tinh thần gương mẫu, chủ động, quyết đoán, chịu trách nhiệm trước tập thể và cấp trên về kết quả thực hiện. Đổi mới phương pháp lãnh đạo theo hướng khoa học, linh hoạt, sát thực tiễn và phù hợp điều kiện của từng ngành, từng địa phương. Huy động sự ủng hộ tham gia của Nhân dân, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp trong thực hiện Chương trình.

- Xây dựng và ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để thống nhất tổ chức thực hiện, rà soát và điều chỉnh cơ chế phối hợp giữa các đơn vị nhằm bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ, đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc và thực hiện công tác thi đua khen thưởng; tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất để kịp thời phát hiện và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ.

2.2. Về xác định đối tượng thực hiện Chương trình

- Tổ chức vận động, hỗ trợ Nhân dân, hợp tác xã thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị, trong đó tập trung đẩy mạnh triển khai các dự án/kế hoạch sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Ký kết hợp đồng bao tiêu, liên kết với hệ thống siêu thị, sàn thương mại điện tử.

- Vận động Nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện Chương trình. Thu hút, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tiềm năng tìm kiếm thị trường, xây dựng nhà máy chế biến, vùng sản xuất nguyên liệu trên địa bàn tỉnh.

2.3. Về kinh phí thực hiện Chương trình

- Tiếp tục huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện công tác trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng; lồng ghép nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, cấp điện. Đa dạng hoá các nguồn vốn huy động, đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các nguồn vốn từ doanh nghiệp, huy động nội lực trong Nhân dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Tiếp tục tổ chức có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương và hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất, tiếp cận nguồn lực hỗ trợ từ các chính sách hiện có.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, bổ sung các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh gắn liền với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2025 - 2030, Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2025 - 2030.

2.4. Về tuyên truyền, vận động

- Huy động sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan truyền thông, báo chí tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Các hình thức tuyên truyền, vận động: Tuyên truyền miệng tại các Hội nghị báo cáo viên các cấp, tuyên truyền trong các tổ chức đảng, cơ quan, đoàn thể.; tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm, trang tin điện tử, cổng thông tin điện tử; tuyên truyền, cổ động trực quan, xây dựng cụm panô tuyên truyền, các khẩu hiệu, tranh ảnh, tờ rơi...

- Xây dựng chương trình tuyên truyền ngắn gọn, đơn giản, nâng cao được tính cộng đồng và trách nhiệm của người dân trong bảo vệ và phát triển kinh tế rừng. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp về các định hướng phát triển nông, lâm nghiệp: Việc thực hiện liên kết, sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; sử dụng các giống cây trồng chất lượng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến sản phẩm; các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

(Chi tiết có Biểu 01, 02 kèm theo Chương trình)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tuyên truyền, quán triệt nội dung Chương trình này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trong phát triển kinh tế rừng, bảo vệ rừng; giám sát các ngành, các cấp triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình của Tỉnh ủy.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế rừng.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan:

- Tham mưu ban hành Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm về bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030; cụ thể hoá các mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ, tiến độ hoàn thành, nguồn lực thực hiện theo từng việc đối với từng cấp, từng ngành liên quan đảm bảo hoàn thành mục tiêu Chương trình đã đề ra.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm về bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030 sau khi được thành lập xây dựng Kế hoạch hằng năm thực hiện Chương trình; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng, (báo cáo)
- Văn phòng TW Đảng,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Quản Minh Cường

BIỂU 1: QUY HOẠCH KHU VỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Chương trình số 03-Ctr/TU ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

STT	Nội dung	Địa điểm thực hiện
1	Phát triển 300 ha cây dược liệu	Tại các xã: Nguyên Bình, Tĩnh Túc, Tam Kim, Minh Tâm, Phan Thanh, Ca Thành, Thành Công, Bảo Lạc, Cô Ba, Cốc Pàng, Khánh Xuân, Xuân Trường, Hưng Đạo, Sơn Lộ, Huy Giáp, Bảo Lâm; Quảng Lâm; Yên Thổ, Nam Quang, Lý Bôn, Đông Khê, Thạch An, Đức Long, Kim Đồng, Canh Tân, Minh Khai
2	Trồng mới 3.000 ha cây hồi, quế	Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
3	Xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến và sản xuất dược liệu ứng dụng công nghệ cao	Tại xã Nguyên Bình
4	Xây dựng 01 mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén
5	Rà soát diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu để chuyển mục đích sang rừng sản xuất	Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
6	Trồng rừng sản xuất	Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
7	Bảo vệ rừng	Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

BIỂU 2: TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Chương trình số 03-Ctr/TU ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

TT	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị tính	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó	
					Ngân sách nhà nước (Triệu đồng)	Doanh nghiệp, người dân (Triệu đồng)
1	Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng	300	ha	45.000	21.000	24.000
2	Mở rộng diện tích trồng cây hồi, quế	3.000	ha	90.000	45.000	45.000
3	Thu hút xây dựng mô hình phát triển du lịch sinh thái rừng	1	Công trình	100.000		100.000
4	Xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến và sản xuất dược liệu ứng dụng công nghệ cao	1	Công trình	229.440	66.019	163.421
5	Bảo vệ rừng	348.233,01	ha	850.161	698.186	151.975
6	Trồng cây phân tán	2	Triệu cây	4.000	2.320	1.680
Tổng cộng				1.318.601	832.525	486.076

Số 04-CTr/TU**CHƯƠNG TRÌNH****phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030 như sau:

I- ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỬA KHẨU GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

Trong những năm qua, các cấp uỷ đảng, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hoạt động kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 (*Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 11/11/2020 của Tỉnh ủy*). Nhờ đó, kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đã không ngừng đổi mới, phát triển và đạt được những kết quả tích cực, cụ thể: Trong giai đoạn 2021 -2025, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt khoảng 5 tỷ USD, tăng bình quân 28%/năm (*chỉ tiêu kế hoạch: Trên 10%/năm*), vượt 18 điểm % so với kế hoạch; thu ngân sách từ hoạt động kinh tế cửa khẩu đạt khoảng 6.979 tỷ đồng, tăng bình quân 130%/năm (*chỉ tiêu kế hoạch: Trên 12%/năm*) vượt 118 điểm % so với kế hoạch, tăng 214% so với giai đoạn 2016 - 2020, đóng góp khoảng 46% tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh; hạ tầng kinh tế cửa khẩu ngày càng được quan tâm đầu tư đồng bộ (*trong giai đoạn hoàn thành 9 dự án*) góp phần đảm bảo nguồn lực phát triển, đồng thời nâng cao đời sống Nhân dân; công tác thu hút đầu tư được chú trọng thực hiện, thu hút được 09 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký là 437,11 tỉ đồng, đến ngày 15/11/2025 thu hút được 42 doanh nghiệp đầu tư vào 52 dự án (*trong đó, có 47 dự án trong nước, tổng số vốn đăng ký 4.218 tỷ đồng; 05 dự án đầu tư nước ngoài, tổng số vốn đăng ký 16,61 triệu USD*), có 42 dự án đi vào hoạt động, tạo việc làm cho người lao động, cung ứng dịch vụ thương mại, logistic, hoàn thiện hạ tầng kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy hoạt động thương mại biên giới. Công tác mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới; lối mở biên giới; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện tốt, góp phần khai thác thế mạnh phát triển kinh tế cửa khẩu, tạo sự phát triển bền vững và nâng cao mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với Trung Quốc, cụ thể: Hoàn thành nâng cấp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang

(Trung Quốc) bao gồm Lối thông quan vận chuyển hàng hóa Nà Đỗng (Việt Nam) - Nà Ráy (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế; vận hành chính thức cửa khẩu quốc tế Tà Lùng (Việt Nam) - Thủy Khẩu (Trung Quốc) bao gồm lối thông quan cầu Tà Lùng II (Việt Nam) - Thủy Khẩu (Trung Quốc); vận hành chính thức cửa khẩu song phương Lý Vạn (Việt Nam) - Thạch Long (Trung Quốc) và Khu cảnh quan Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc). Công tác quy hoạch được chú trọng, tạo định hướng cho phát triển đồng bộ, bền vững, đến nay đã hoàn thành đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040, hoàn thành lập và phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu vực cửa khẩu Tà Lùng, cửa khẩu Trà Lĩnh - Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động kinh tế cửa khẩu vẫn còn một số khó khăn hạn chế, cụ thể: Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tuy tăng trưởng tốt nhưng vẫn chưa đạt được kỳ vọng, chưa bền vững, chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của tỉnh có đường biên giới dài tiếp giáp với thị trường Trung Quốc; các cửa khẩu phụ, lối mở chưa được mở nên hoạt động xuất nhập khẩu chỉ diễn ra tại các cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang; công tác thu hút đầu tư tuy đã được kịp thời triển khai nhưng chưa thu hút được dự án lớn có tính lan tỏa, một số dự án hoạt động kém hiệu quả, còn có tình trạng tự ý chuyển nhượng, thay đổi pháp nhân dự án; một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng cửa khẩu còn chậm tiến độ, vướng mắc kéo dài; hạ tầng kết nối giao thông còn thiếu và yếu làm tăng chi phí vận chuyển, giảm lợi thế cạnh tranh so với các tỉnh lân cận.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát huy tiềm năng lợi thế vành đai biên giới, huy động mọi nguồn lực đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng theo hướng nhanh, thông minh, bền vững, có khả năng kết nối được với các địa phương khác để tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch, là động lực của vùng trung du miền núi phía Bắc.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát huy mạnh mẽ nội lực, đổi mới, sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt, nghĩ đúng, làm ngay, xác định rõ trách nhiệm; hoàn thành việc mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới; lối mở biên giới; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa theo kế hoạch; hoàn thiện hạ tầng thiết yếu tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu song phương, nhất là đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng kết nối giao thông, thực hiện chuyển đổi số, từng bước đầu tư xây dựng cửa khẩu thông minh; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế và thu hút thêm các nhà đầu tư. Phấn đấu đến năm 2030, kinh tế cửa khẩu trở thành đầu mối động lực, năng động, phát triển bền vững góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2025 - 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 10%/năm.
- Thu nộp ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tăng bình quân 12%/năm. Thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu tăng bình quân 12% năm.
- Hoàn thành các Đồ án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu vực cửa khẩu, lối mở - Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.
- Hoàn thành các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thu hút được thêm 02 dự án đầu tư ngoài ngân sách trở lên, mang lại hiệu quả thiết thực cho sự phát triển kinh tế địa phương.
- Hoàn thành các thủ tục nội bộ nâng cấp cửa khẩu Lý Vạn (Việt Nam) - Thạc Long (Trung Quốc) bao gồm lối thông quan Bản Khoòng (Việt Nam) - Nham ứng (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế; hoàn thành các thủ tục nội bộ, song phương nâng cấp cửa khẩu Hạ Lang (Việt Nam) - Khoa Giáp (Trung Quốc), cửa khẩu Pò Peo (Việt Nam) - Nhạc Vu (Trung Quốc) thành cửa khẩu song phương.
- Hoàn thành mở lối mở biên giới Nà Lạn (Việt Nam) - Bó Cục (Trung Quốc); mở lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa Sóc Giang (Việt Nam) - Bình Mãng (Trung Quốc) thuộc cửa khẩu song phương Sóc Giang (Việt Nam) - Bình Mãng (Trung Quốc).

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng và giao thông kết nối

- Hoàn thành công tác lập Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu vực cửa khẩu: Sóc Giang, Pò Peo; khu vực lối mở Đình Phong; cửa khẩu Lý Vạn, lối mở Bản Khoòng; cửa khẩu Hạ Lang; khu vực Nà Lạn thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng. Tổ chức cắm mốc GPS, mốc ranh giới theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 và kịp thời triển khai thực hiện các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 theo đúng tiến độ được phê duyệt.
- Rà soát, đề xuất các dự án đầu tư mới để hoàn thiện hạ tầng kinh tế cửa khẩu; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng đường cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) và dự án đường giao thông kết nối nút giao Lũng Luông tuyến đường cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) đến cửa khẩu

quốc tế Tà Lùng nhằm tạo mạng lưới giao thông đồng bộ, thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu, logistics và hoạt động thương mại biên giới.

1.2. Công tác mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới; lối mở biên giới; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa

- Ban hành kế hoạch tổ chức triển khai công tác mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới; lối mở biên giới; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030.

- Thực hiện các thủ tục liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bổ sung quy hoạch lối thông quan Đình Phong (Việt Nam) - Tân Hưng (Trung Quốc) thuộc cấp cửa khẩu khẩu Pò Peo (Việt Nam) - Nhạc Vu (Trung Quốc) vào quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

1.3. Công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, logistics, chuyển đổi số và cửa khẩu thông minh

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư; tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư; nêu cao tinh thần trách nhiệm, đồng hành cùng doanh nghiệp, duy trì việc gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với các nhà đầu tư. Tổ chức thu hút đầu tư có chọn lọc, rà soát kỹ từng dự án, chỉ lựa chọn nhà đầu tư có năng lực.

- Định kỳ hằng năm tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm thu hút các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh, thu hút đa dạng các chủng loại hàng hóa xuất nhập khẩu, nhất là hàng hóa nông, lâm, thủy sản tạo sự ổn định, bền vững cho hoạt động kinh tế cửa khẩu. Thực hiện quản lý các hoạt động tại cửa khẩu thống nhất, đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, có trật tự, có nề nếp, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Khuyến khích các nhà đầu tư phát triển đồng bộ các hạng mục dự án logistics, bao gồm: Dịch vụ vận tải; dịch vụ kho, bãi; dịch vụ giao nhận và phân phối; dịch vụ thông quan, bốc xếp hàng hóa;...

- Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ để phục vụ công tác quản lý tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu đầu tư xây dựng cửa khẩu thông minh sau khi đảm bảo được các điều kiện về lưu lượng hàng hóa và người qua lại cửa khẩu, về cơ chế pháp lý, hạ tầng và nguồn lực để thực hiện.

- Nghiên cứu triển khai mô hình: Khu mua sắm tự do - khu miễn thuế phù hợp với điều kiện của từng cửa khẩu, trong đó ưu tiên xem xét thực hiện mô hình tại khu vực có tiềm năng phát triển du lịch như khu vực Bản Giốc, và cửa khẩu Lý Vạn; xác định loại hàng hóa được phép bán, cơ chế giám sát để tránh gian lận, thâm lậu; đánh giá tính khả thi của việc đưa hàng hóa nông sản, hàng thủ công vào khu mua sắm tự do.

1.4. Công tác đối ngoại, an ninh trật tự và kiểm tra giám sát hoạt động của các dự án đầu tư ngoài ngân sách

- Chú trọng công tác trao đổi, hội đàm với các cơ quan tương ứng phía Trung Quốc nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động kinh tế cửa khẩu; hợp tác phát triển hoạt động kinh tế cửa khẩu; kết nối hợp tác giữa doanh nghiệp hai bên.

- Đảm bảo tốt an ninh, trật tự, an toàn xã hội để các nhà đầu tư và doanh nghiệp yên tâm đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh. Chủ động phát hiện, giải quyết kịp thời các vụ tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến thu hồi đất đai, giải phóng mặt bằng trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình dự án trong khu kinh tế cửa khẩu; không để xảy ra các vụ đình công, lãn công, biểu tình gây phức tạp và mất an ninh trật tự trên địa bàn.

- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của các dự án đầu tư ngoài ngân sách để kịp thời phát hiện, xử lý sai phạm. Kiên quyết xử lý dự án vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư; thu hồi các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả gây lãng phí tài nguyên.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030, bám sát kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hằng năm và 05 năm của tỉnh; gắn kết quá thực hiện với trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo bước chuyển biến mới; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời tuyên dương, khen thưởng và xử lý các sai phạm trong quá trình thực hiện để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

2.2. Về kinh phí thực hiện Chương trình

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng kỹ thuật, dự án hạ tầng kết nối giao thông; chuyển đổi số và xây dựng cửa khẩu thông minh để nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu suất thông quan tại các cửa khẩu đường bộ, đáp ứng nhu cầu giao thương ngày càng tăng của hai nước Việt Nam - Trung Quốc và các nước ASEAN.

- Nâng cao hiệu quả của hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư để huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho đầu tư hoàn thiện hạ tầng thương mại, logistics phục vụ phát triển kinh tế cửa khẩu.

2.3. Chính sách quản lý, phát triển

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách quản lý, phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và thực tiễn tại địa phương để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế cửa khẩu.

- Kịp thời rà soát tham mưu cho cấp có thẩm quyền thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong khu kinh tế đảm bảo hoạt động quản lý nhà nước có trật tự, có nề nếp. Trong đó cần xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp nhằm tránh thực hiện chồng chéo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời đảm bảo kiểm soát tốt các hoạt động quản lý, phát triển kinh tế cửa khẩu, phối hợp giải quyết nhanh các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Rà soát toàn bộ các dự án đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước để đánh giá hiệu quả từng dự án, làm cơ sở để khen thưởng, xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Tăng cường thu thập thông tin phục vụ phân tích dự báo tình hình phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động quản lý, phát triển kinh tế cửa khẩu.

2.4. Công tác thông tin tuyên truyền

Thực hiện tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể quần chúng, Nhân dân. Huy động sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan truyền thông, báo chí tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Nội dung tuyên truyền: Mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 “phát triển kinh tế cửa khẩu là ngành kinh tế mũi nhọn, tạo đột phá trong giai đoạn phát triển mới”, từ đó góp phần nâng cao nhận thức, phát huy sức mạnh của tập thể thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tuyên truyền, quán triệt nội dung Chương trình này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trong phát triển kinh tế cửa khẩu; giám sát các ngành, các cấp triển khai thực hiện Chương trình

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy định hướng, chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nội dung Chương trình của Tỉnh ủy.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân hiểu rõ về nội dung, ý nghĩa,

tầm quan trọng, tích cực tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế cửa khẩu, bảo đảm các dự án được triển khai đúng định hướng, hiệu quả, vì lợi ích Nhân dân.

5. Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan:

- Tham mưu ban hành Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2025 - 2030; thực hiện phân bổ các nguồn lực, đề xuất các giải pháp huy động vốn thực hiện Chương trình.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2025 - 2030 sau khi được thành lập xây dựng Kế hoạch hằng năm thực hiện Chương trình; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng, | (báo cáo)
- Văn phòng TW Đảng, |
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ. 

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Quản Minh Cường

CHƯƠNG TRÌNH

phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2025 - 2030

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2025 - 2030 như sau:

I- THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Giai đoạn 2021 - 2025, du lịch Cao Bằng đã chứng minh khả năng phục hồi và tăng trưởng, đạt được nhiều kết quả tích cực. Tổng lượng khách du lịch đến tham quan tại tỉnh đạt 7,8 triệu lượt; tổng thu từ khách du lịch đạt 5.500 tỉ đồng, tăng 337,2% so với giai đoạn trước, trong đó thị trường nội địa đóng vai trò là động lực chính. Công tác chuyển đổi số trong hoạt động du lịch được đẩy mạnh, đặc biệt là trong việc xây dựng các nền tảng số phục vụ du lịch. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, góp phần quan trọng khẳng định vị thế và nâng cao thương hiệu du lịch tỉnh.

Tuy nhiên, du lịch của tỉnh vẫn đang đối mặt với những khó khăn, bị ảnh hưởng trực tiếp từ tình hình kinh tế - xã hội nói chung và thiếu nhân lực chất lượng cao. Hạ tầng giao thông thiếu đồng bộ, hệ thống đường nối vùng chưa thuận lợi cho việc đi lại đến điểm du lịch. Tỉnh thiếu các cơ sở lưu trú cao cấp và các trung tâm dịch vụ du lịch tích hợp. Công tác quản lý tại các khu, điểm du lịch trọng điểm còn thiếu chuyên nghiệp; vẫn xảy ra tình trạng lấn chiếm, xây dựng trái phép, kinh doanh tự phát chưa được giải quyết dứt điểm. Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chủ yếu là tham quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, thiếu các sản phẩm trải nghiệm sâu, du lịch đêm hoặc du lịch thể thao mạo hiểm quy mô lớn. Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về du lịch thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường du lịch chất lượng cao.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

Chương trình phát triển du lịch bền vững phải gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với các định hướng chiến lược chung của tỉnh, đặc biệt ưu tiên chiến lược liên kết vùng, trong đó cần chú trọng việc liên kết với các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên

Quang và đặc biệt là đầu mối du lịch quốc gia như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh lân cận nhằm hình thành các tuyến du lịch chung. Đồng thời, mở rộng hợp tác qua biên giới với Khu tự trị Dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc) để hình thành các sản phẩm du lịch chung, qua đó nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường khách quốc tế.

Phát triển du lịch phải lấy chất lượng dịch vụ, chiều sâu trải nghiệm và tính bền vững làm mục tiêu ưu tiên hàng đầu, đồng thời phát huy tối đa lợi thế của danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng và 03 di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh để xây dựng sản phẩm đặc sắc, có thương hiệu.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển du lịch Cao Bằng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có đóng góp quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng bền vững. Tập trung huy động đa dạng nguồn lực xã hội đầu tư vào các khu du lịch trọng điểm, phát triển hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, chất lượng cao. Chú trọng quảng bá, xây dựng thương hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng là điểm đến đặc sắc, an toàn, chuyên nghiệp và có khả năng cạnh tranh quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về thị trường: Phân đầu đón khoảng 04 triệu lượt khách du lịch, trong đó đạt 300 nghìn khách quốc tế. Nâng thời gian lưu trú bình quân của khách du lịch đạt 2,5 ngày/khách.

- Về kinh tế: Phân đầu đạt tổng thu từ khách du lịch khoảng 6.900 tỉ đồng. Đảm bảo đóng góp trực tiếp của ngành du lịch vào GRDP của tỉnh đạt khoảng 10%, góp phần thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng GRDP chung của tỉnh đạt mức hai con số (10%).

- Về nguồn lực và quản lý: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với tỉ lệ lao động du lịch được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đạt trên 60%. Đảm bảo 100% các khu, điểm du lịch cấp tỉnh trở lên được hoàn tất việc số hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông minh vào công tác quản lý và vận hành.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ

1.1. Quy hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

- Lập đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch 03 di tích quốc gia đặc biệt; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc và Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm du lịch thác Bản Giốc. Hoàn thành Đề án phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2040 phù hợp với các quy hoạch của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; Đề án phát triển du lịch tại các địa điểm có tiềm năng như Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén...

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: Phát triển hệ thống giao thông và biển, bảng chỉ dẫn trên các tuyến du lịch chính đến các khu điểm du lịch trọng điểm; các tuyến du lịch trong vùng Công viên địa chất; các tuyến du lịch liên huyện, kết nối giữa các điểm du lịch; các tuyến vành đai biên giới,... Đầu tư cơ sở hạ tầng hỗ trợ phục vụ hoạt động du lịch, các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ hoạt động du lịch như: Sân vận động, khu vui chơi các xã, phường. Đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh.

- Tăng cường thu hút đầu tư các dự án du lịch, thương mại, dịch vụ trọng điểm (Dự án Sân golf và khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp Đình Phong; Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia Phja Oắc - Phja Đén; Khu du lịch sinh thái Suối Cùn; Khu du lịch Đảo Nà Tằng,...); thu hút đầu tư các di tích quốc gia đặc biệt, khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh, nhất là các di sản trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

1.2. Đổi mới sản phẩm du lịch đặc trưng, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thị trường trọng điểm

Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch có tính độc đáo; thực hiện chiến lược xúc tiến du lịch tập trung, có trọng điểm để gia tăng sức cạnh tranh quốc tế, thông qua các biện pháp chủ yếu:

- Phát triển sản phẩm lịch sử, văn hóa đặc sắc: Nghiên cứu và xây dựng các tuyến du lịch chuyên đề gắn với lịch sử dựng nước và giữ nước, khai thác tối đa giá trị các bảo vật quốc gia, các di tích quốc gia đặc biệt. Đồng thời, tập trung phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh dựa trên sự tôn vinh các nhân vật lịch sử tiêu biểu của địa phương và dân tộc như Thục Phán - An Dương Vương (gắn với vùng đất cổ đô Cao Bình) và Thái bảo Nùng Trí Cao nhằm tạo ra chuỗi giá trị và trải nghiệm sâu sắc, khác biệt.

- Phát triển ít nhất 05 mô hình du lịch cộng đồng kiểu mẫu (homestay, ẩm thực, văn hoá) tại các xã, phường có tài nguyên du lịch, tạo sinh kế bền vững cho người dân địa phương.

- Triển khai và mở rộng du lịch liên kết vùng, du lịch qua biên giới:

+ Thúc đẩy liên kết vùng: Ký kết và triển khai các chương trình hợp tác phát triển du lịch với Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội (đầu mối khách quốc tế và nội địa chất lượng cao) và các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang... (tuyến du lịch Di sản - Công viên địa chất - Kinh tế cửa khẩu).

+ Triển khai du lịch qua biên giới: Đẩy mạnh hợp tác song phương với Quảng Tây (Trung Quốc) tiếp tục triển khai các tuyến du lịch đường bộ qua biên giới (tuyến thác Bản Giốc - Đức Thiên, tuyến du lịch đò Pác Bó - Mạch Ma, tuyến cửa khẩu Tà Lùng - Long Bang,...) tạo thuận lợi cho việc đi lại của du khách và tăng cường doanh thu từ khách quốc tế.

- Tăng cường nghiên cứu, nâng cấp chất lượng dịch vụ, trải nghiệm tại 04 tuyến du lịch địa chất hiện có. Tiếp tục triển khai tuyến du lịch trải nghiệm số 5 kết nối hai Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng và Cao nguyên đá Đồng Văn.

- Tổ chức định kỳ các giải thi đấu thể thao quốc tế và các giải thể thao khu vực, quốc gia hằng năm.

- Duy trì, phát triển tuyến phố đi bộ và ẩm thực đêm tại 03 phường trung tâm và triển khai tại các xã: Bảo Lạc, Trùng Khánh, Thông Nông.

- Khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống thành sản phẩm quà lưu niệm chất lượng cao gắn với chuỗi OCOP.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch xúc tiến quảng bá du lịch Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030, tập trung vào thị trường Quảng Tây, Trung Quốc và phân khúc khách du lịch chi tiêu cao từ Tây Âu, Bắc Mỹ và các nước Đông Bắc Á.

1.3. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch

- Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý cấp cơ sở về nghiệp vụ du lịch.

- Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ khách du lịch, ngôn ngữ chuyên ngành (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh) cho đội ngũ lao động và cộng đồng dân cư tại khu, điểm du lịch.

- Tổ chức các lớp truyền dạy nghề truyền thống nhằm bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá truyền thống gắn với phát triển du lịch, trong đó quan tâm triển khai có hiệu quả các lớp truyền dạy, mô hình bảo tồn trên địa bàn tỉnh.

1.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số du lịch toàn diện

- Xây dựng và hoàn thiện kho dữ liệu số về du lịch Cao Bằng và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Phát triển và đưa vào sử dụng rộng rãi ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động, tích hợp chức năng thuyết minh tự động đa ngôn ngữ và bản đồ số cho Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng trong giai đoạn 2026 - 2028.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điểm đến, tăng cường lắp đặt và vận hành hệ thống Wifi miễn phí, hệ thống Camera giám sát tại các khu, điểm du lịch.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Quán triệt sâu rộng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, trong đó tập trung thực hiện mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Chỉ đạo các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương chủ động, quyết liệt nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tăng cường công tác tuyên truyền, quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động du lịch - dịch vụ góp phần nâng cao sức cạnh tranh và sự phát triển bền vững của du lịch địa phương.

- Thành lập Tổ công tác liên ngành chuyên trách cấp tỉnh để tăng cường kiểm tra, giải quyết dứt điểm các vấn đề nổi cộm về trật tự xây dựng, lấn chiếm, kinh doanh tự phát tại khu vực du lịch trọng điểm. Xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các hành vi vi phạm.

- Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, đặc biệt tại khu vực Công viên địa chất, đồng thời đảm bảo tuyệt đối an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội tại khu vực biên giới.

2.2. Huy động nguồn lực và thu hút đầu tư

- Huy động tổng hợp các nguồn lực xã hội: Vốn ngân sách nhà nước, vốn phi Chính phủ, PPP, nguồn xã hội hóa... Ưu tiên cho xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch, ứng dụng công nghệ số trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Thu hút xã hội hóa hoạt động đầu tư, bảo vệ, tôn tạo di tích, danh lam thắng cảnh; bảo tồn và phát triển các lễ hội, các hoạt động văn hóa, các làng nghề truyền thống... để phục vụ phát triển du lịch.

- Thực hiện lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035 và các dự án của các ngành khác có liên quan để ưu tiên phát triển du lịch.

2.3. Về cơ chế, chính sách

- Có cơ chế hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu thị trường du lịch Cao Bằng; hỗ trợ tài chính và xã hội hóa hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch thông qua các chính sách nhằm tạo dựng hình ảnh du lịch Cao Bằng.

- Nghiên cứu xây dựng và triển khai Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030, qua đó thúc đẩy phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch mang thương hiệu Cao Bằng có sức hút, sức cạnh tranh cao.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư, phát triển các dịch vụ, sản phẩm du lịch tại các khu, điểm trọng điểm về du lịch, nhất là đối với Khu du lịch thác Bản Giốc.

IV- KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách Nhà nước (Trung ương, địa phương), nguồn xã hội hoá, các nguồn kinh phí hợp pháp khác, lồng ghép hiệu quả từ các Chương trình mục tiêu quốc gia.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tuyên truyền, quán triệt nội dung Chương trình này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo tăng cường giám sát việc thực hiện Chương trình này, đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể về thuế, đất đai, nguồn vốn cho phát triển du lịch.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình của Tỉnh ủy.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển du lịch theo quy định.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan:

- Tham mưu ban hành Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2025 - 2030; thực hiện phân bổ các nguồn lực, đề xuất các giải pháp huy động vốn thực hiện Chương trình.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2025 - 2030 sau khi được thành lập xây dựng Kế hoạch hàng năm thực hiện Chương trình; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(báo cáo)

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Quản Minh Cường



**CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**

(kèm theo Chương trình số 05-CTr/TU, ngày 28/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)		Ghi chú
					NSNN	XXH	
1	Dự án xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan Khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh	Sở VHTTDL; Sở Tài Chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Ngoại vụ; chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan		220.000		Nguồn đầu tư công
2	Xây dựng tuyến du lịch đồ qua biên giới Pác Bó - Mạch Ma	Sở VHTTDL	Sở Tài Chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Ngoại vụ; Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh; chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan	2026	103.500		Nguồn đầu tư công
3	Đầu tư Khu di tích quốc gia đặc biệt Chiến thắng Biên giới năm 1950	Sở VHTTDL	Sở Tài Chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Ngoại vụ; Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh; chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan	2026-2030	100.000		Nguồn đầu tư công

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)		Ghi chú
					NSNN	XXH	
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh	Sở VHTTDL; Sở Tài Chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan	2026-2030	2.000.000		Nguồn đầu tư công
5	Đầu tư cơ sở vật chất tại tuyến phố đi bộ Kim Đồng	UBND phường Thục Phán	Sở VHTTDL; Sở Tài Chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh; chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan	2026-2030		100.000	Nguồn đầu tư công
6	Dự án Khu du lịch văn hoá tâm linh kết hợp sinh thái, công viên vui chơi giải trí khu vực chùa Đà Quận	UBND phường Thục Phán		2026-2030	200.000		Nguồn đầu tư công
7	Thu hút đầu tư Dự án Sân golf Đình Phong và khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp	UBND xã Đình Phong		2026-2030		300.000	Kêu gọi xã hội hóa; ưu tiên nhà đầu tư có năng lực trong lĩnh vực phát triển du lịch
8	Thu hút đầu tư Dự án phát triển du lịch động Ngườm Pục, xã Đức Long	UBND xã Đức Long		2026-2030		1.000.000	
9	Thu hút đầu tư Dự án Khu du lịch sinh thái Suối Cùn	UBND xã Nguyễn Huệ		2026-2030		1.200.000	
10	Thu hút đầu tư Khu du lịch Hoà An (Đảo Nà Tằng)	UBND xã Hòa An		2026-2030		1.000.000	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)		Ghi chú
					NSNN	XXH	
11	Thu hút đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén	Ban Quản lý Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén; chính quyền địa phương		2026-2030		2.000.000	
12	Xây dựng tuyến du lịch trải nghiệm kết nối CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng và CVĐC toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn	Sở VH TTDL	UBND các xã, phường, các sở, ngành liên quan; Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	2026-2030		50.000	Nguồn đầu tư công

KẾ HOẠCH

thực hiện nội dung đột phá về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung đột phá về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST&CDS) giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thành mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, phù hợp thúc đẩy KHCN, ĐMST&CDS phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh địa phương, đưa tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

- Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò chiến lược của KHCN, ĐMST&CDS, trên cơ sở đó, khẳng định quyết tâm chính trị, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự giác, gương mẫu của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, quần chúng trong việc triển khai thực hiện thúc đẩy KHCN, ĐMST&CDS trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, trên cơ sở bám sát quan điểm, định hướng, chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển KHCN, ĐMST&CDS, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Lãnh đạo, chỉ đạo phát triển mạnh mẽ KHCN, ĐMST&CDS; đưa KHCN thực sự là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng

sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

(1) Tiềm lực, trình độ KH&CN được đầu tư đáp ứng các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao ở các lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ chế biến, công nghệ thông tin. Một số lĩnh vực KH&CN thuộc các ngành có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đạt trình độ khá trong cả nước.

(2) Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt từ 40% trở lên; chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) tỉnh Cao Bằng tăng ít nhất 03 bậc so năm 2025.

(3) Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nền tảng chuyển đổi số đạt trên 90%; giao dịch không dùng tiền mặt của người dân đạt 80%; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 70%.

(4) Trên 70% các nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn; có trên 03 doanh nghiệp khoa học công nghệ; hỗ trợ ít nhất 05 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 20% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động của tỉnh.

(5) Phân đầu các xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh được tiếp cận các hoạt động KH&CN và có các Đề tài nghiên cứu ứng dụng KH&CN, ứng dụng kết quả KH&CN vào thực tiễn nhằm phát huy các thế mạnh, các sản phẩm đặc hữu của địa phương.

(6) Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 10 người trên một vạn dân.

(7) Kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị đạt 100% trên môi trường mạng.

(8) Hạ tầng số được đầu tư và phát triển tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông rộng ngang tầm các tỉnh trong cả nước đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, 100% thôn, xóm có điện lưới được phủ sóng băng rộng di động; Hạ tầng mạng băng rộng cố định (cáp quang) được kết nối đến 100% cấp xã và trên 85% hộ gia đình; phủ cập dịch vụ di động 4G, phân đầu 100% trung tâm phường, xã được phủ sóng 5G.

(9) Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 80% dân số; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt tối thiểu 80%; Số lượng kết nối IoT đạt mức trung bình của Việt Nam.

(10) Lựa chọn tối thiểu 1 đến 2 lĩnh vực đặc thù của tỉnh (như: cửa khẩu, du lịch, nông nghiệp...) để thí điểm sandbox.

(11) 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ toàn trình, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(12) Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, quyết tâm chính trị cao, tạo xung lực, khí thế mới về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở các cấp, các ngành, người dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST&CDS. Xác định việc ứng dụng và chuyển giao KHCN, ĐMST&CDS là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ KHCN, ĐMST&CDS vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương; xác định rõ trách nhiệm, đặc biệt là người đứng đầu tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KHCN, ĐMST&CDS.

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai các đề án chuyên ngành, lĩnh vực nhằm xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với địa phương, ưu tiên tập trung, bố trí nguồn lực của tỉnh để nâng cao hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội như: Đề án chuyển đổi số của tỉnh; đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh; Đề án chuyển đổi số du lịch, đề án cửa khẩu thông minh...

2. Đổi mới cơ chế, chính sách

- Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, có cơ chế đặc thù phù hợp với điều kiện của tỉnh để khuyến khích phát triển KHCN, ĐMST&CDS.

- Cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST&CDS, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Tổ chức thực hiện các cơ chế đặc thù do Trung ương ban hành và nghiên cứu xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các lĩnh vực đặc thù:

cửa khẩu, du lịch, nông nghiệp.

- Cụ thể hóa các quy định của Trung ương và xây dựng quy định của tỉnh về quản lý nhiệm vụ KH&CN, ĐMST cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước; Quy chế phối hợp trong quản lý nhiệm vụ KH&CN, ĐMST giữa Sở KH&CN với các sở, ban, ngành và các xã trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện thí điểm đầu tư mạo hiểm trong nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thử nghiệm công nghệ mới; từng bước hình thành nguồn quỹ đầu tư mạo hiểm cho nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả làm đầu mối dẫn dắt hoạt động; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển KH&CN, ĐMST&CDS.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, trong đó tập trung vào doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp xây dựng cơ bản và cộng đồng khởi nghiệp trẻ nhằm tăng cường nội lực, giảm phụ thuộc ngân sách nhà nước.

- Khuyến khích hợp tác công - tư trong hoạt động KH&CN, ĐMST&CDS, trong đó ngân sách nhà nước là vốn môi, doanh nghiệp cùng tham gia thiết kế nhiệm vụ, góp vốn, triển khai và ứng dụng kết quả.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tập trung hỗ trợ các công nghệ và sáng kiến có tiềm năng thị trường, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh, làm hạt nhân hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Rà soát cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau nghiên cứu vào sản xuất, nhất là đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Tiếp cận tư duy “đi tắt - đón đầu”, ưu tiên thử nghiệm mô hình mới phù hợp điều kiện quy mô của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế đặc thù về nhân lực, đầu tư hạ tầng số; bố trí vốn môi KH&CN.

- Hoàn thiện chương trình nghiên cứu ứng dụng ở một số ngành, lĩnh vực trọng yếu và một số vùng của tỉnh.

- Triển khai nghiên cứu, xây dựng chính sách thúc đẩy việc cấp, sử dụng chữ ký số để phù hợp với điều kiện kinh tế và tăng số lượng tổ chức, cá nhân tham gia

sử dụng dịch vụ công trực tuyến và giao dịch điện tử.

- Hoàn thiện Khung kiến trúc số, Kiến trúc dữ liệu đưa ra các quy định về các nguyên tắc, mô hình tham chiếu, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thành phần cốt lõi của hệ thống công nghệ phục vụ chuyển đổi số tại địa phương.

- Hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng như: trạm BTS, Trung tâm dữ liệu, Trạm mặt đất vệ tinh phục vụ kết nối vệ tinh với mạng internet hoặc mạng viễn thông mặt đất...).

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về thí điểm mô hình chuyển đổi số một số lĩnh vực, ngành trọng điểm, đảm bảo phù hợp với nguồn lực, điều kiện địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đầu tư phát triển hệ thống nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm đảm bảo tiên tiến hiện đại, tập trung cho công nghệ có thể mang tính chiến lược của tỉnh, nhất là đối với tổ chức KH&CN công lập của tỉnh, giữ vai trò thúc đẩy, dẫn dắt hoạt động KH, CN & ĐMST của tỉnh.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Sắp xếp các tổ chức KH&CN công lập theo định hướng về tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh, liên kết với Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia và với các địa phương trong cả nước.

- Từng bước đổi mới hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN tỉnh với tên gọi Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Cao Bằng, đồng thời mở rộng chức năng về tài trợ, hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (thực hiện theo Điều 65, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025).

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số; có chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

- Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu của địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng; phát triển Trung tâm dữ liệu tỉnh, dữ liệu dùng chung.

- Hoàn thiện Khung kiến trúc số; xây dựng và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số dùng chung, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số như: Nền tảng định danh và xác thực điện tử, nền tảng bản đồ số Cao Bằng; chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển, nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng di động đảm bảo chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học, điểm du lịch của tỉnh; đẩy mạnh phủ sóng di động 4G, 5G đặc biệt tại các trung tâm phường, xã.

- Đầu tư, nâng cấp, mở rộng hạ tầng số triển khai các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh hoạt động thông suốt, hiệu quả như: Hệ thống hội nghị truyền hình, Trung tâm giám sát điều hành (IOC), cung cấp dịch vụ công trực tuyến...

- Sẵn sàng triển khai các hoạt động thí điểm các công nghệ thế hệ tiếp theo (công nghệ di động 6G; wifi thế hệ mới; vệ tinh,...); Triển khai sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) cho toàn bộ mạng cấp tỉnh.

- Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Thúc đẩy phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, khu kinh tế cửa khẩu... để phát triển kinh tế số tại địa phương, nâng cao tính cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

- Tiện ích số được thiết kế để cung cấp hạ tầng mềm cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các chức năng cốt lõi của giao dịch số - bắt đầu từ danh tính số,

thanh toán số, hóa đơn số, xác minh tài liệu số và trao đổi dữ liệu. Các tiện ích số và các nền tảng cung cấp công nghệ số như dịch vụ mới sẽ được phát triển đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế số, xã hội số của địa phương.

- Khuyến khích khai thác, sử dụng dịch vụ công nghệ AI, blockchain, IoT để thông minh hoá, tự động hoá các hoạt động kinh tế, xã hội.

4. Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Phát triển nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp thu và chuyển giao các công nghệ tiên tiến. Phát triển mạng lưới kết nối nhân tài, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học ở trong và ngoài nước.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KH&CN, ĐMST&CDS. Nghiên cứu, triển khai các cơ chế, chính sách của Trung ương về học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Thực hiện cơ chế, chính sách thu hút người có trình độ cao làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương tại tỉnh. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.

- Có chính sách đãi ngộ, trọng dụng, tôn vinh, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để phát huy tài năng, lao động sáng tạo của đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học trong tỉnh; đồng thời chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích, có phát minh, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc.

- Phát triển đội ngũ trí thức đủ năng lực, trình độ đáp ứng hoạt động ứng dụng công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức khoa học uy tín trong và ngoài nước.

- Tiếp tục tham mưu, thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về KH&CN, CNTT, cho đội ngũ cán bộ, tài năng, trí thức trẻ, trí thức người dân tộc thiểu số ít người.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Gắn đào tạo đại học, sau đại học với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và lĩnh vực trọng yếu.

- Triển khai các chương trình đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TCVN, ISO và các quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất và cung ứng dịch vụ.

- Chỉ đạo tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ KH&CN, ĐMST&CDS gắn với việc tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình trọng tâm về xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực ở nông thôn; ban hành chính sách đột phá để thu hút các nhà khoa học, chuyên gia trình độ cao, nhân tài, đồng thời “đặt hàng” đào tạo với các cơ sở uy tín.

- Chỉ đạo triển khai đào tạo trực tiếp và trực tuyến, mở đại trà cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp; Thúc đẩy, nâng cao hiệu quả triển khai bình dân học vụ số trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số làm việc tại các đơn vị, địa phương. Cử cán bộ có năng lực tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu phù hợp với chuẩn của trong nước và quốc tế về quản trị mạng, an toàn, bảo mật thông tin, chuyển đổi số, giao dịch điện tử, IoT, AI...

- Có cơ chế khuyến khích, chính sách thuê chuyên gia, nhân lực chất lượng cao tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số, an toàn an ninh thông tin của tỉnh; cơ chế, chính sách bồi dưỡng, đào tạo lại và giữ chân nhân lực chuyển đổi số có chất lượng trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh.

5. Nâng cao nhận thức và phát triển kỹ năng số toàn diện cho người dân

- Đẩy mạnh truyền thông, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng, đa nền tảng về vai trò của kỹ năng số đối với đời sống, sản xuất và tiếp cận dịch vụ công. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục “Bình dân học vụ số”; sản xuất các ấn phẩm truyền thông trực quan, dễ hiểu để khuyến khích người dân tham gia học tập. Lồng ghép hoạt động phổ cập kỹ năng số trong Ngày Chuyển đổi số hằng năm và các phong trào thi đua ở cơ sở.

- Phát triển nền tảng học tập số và kho học liệu dùng chung: Xây dựng, hoàn thiện và vận hành nền tảng học trực tuyến MOOCs của tỉnh; phát triển hệ thống bài giảng, video hướng dẫn, tài liệu số hóa theo Khung kỹ năng số cơ bản cho từng nhóm đối tượng. Đảm bảo mọi người dân có thể truy cập, tự học và được hỗ trợ học tập mọi lúc, mọi nơi.

- Tổ chức đa dạng các hình thức đào tạo kỹ năng số: Triển khai các lớp bồi dưỡng trực tiếp tại cộng đồng; mở rộng các khóa đào tạo trực tuyến trên nền tảng MOOCs; lồng ghép nội dung kỹ năng số trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện có. Ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi, nông dân, phụ nữ và người lao động trong doanh nghiệp.

- Phát huy các lực lượng hỗ trợ học tập tại cơ sở: củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực cho Tổ chuyên đổi số cộng đồng; xây dựng mạng lưới “Đại sứ số” cấp xã, thôn, tổ dân phố; huy động lực lượng thanh niên tình nguyện triển khai hoạt động “đi từng ngõ, gõ từng nhà” hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.

- Triển khai phong trào học tập kỹ năng số trong cộng đồng: Phát động và nhân rộng các mô hình thực hành kỹ năng số như “Gia đình số”, “Tổ dân phố số”, “Chợ số - Nông thôn số”, “Góc học tập số cộng đồng”. Tổ chức thi đua, đánh giá, công nhận điển hình tiên tiến; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia xã hội hóa, hỗ trợ thiết bị và đường truyền.

- Kiểm tra, đánh giá, xác nhận kỹ năng số: Tổ chức đánh giá và xác nhận trình độ kỹ năng số thông qua các bài kiểm tra trực tuyến, bảo đảm thống nhất theo Khung kỹ năng số cơ bản.

6. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp xây dựng cơ bản và cộng đồng khởi nghiệp trẻ

- Phát triển văn hóa học hỏi, tinh thần đổi mới sáng tạo; tạo chuyển biến mạnh về tư duy, khuyến khích học tập suốt đời; thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trong cán bộ, doanh nghiệp và người dân, coi đây là nền tảng quan trọng cho chuyển đổi số.

- Có các chính sách ưu đãi, phù hợp, khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua thu hút doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), hợp tác xã, hộ kinh doanh với quy mô nhỏ về nhân lực và nguồn vốn, chủ yếu hoạt động theo hình thức truyền thống, tự tạo, tự lập...trình độ lao động thấp, trang thiết bị lạc hậu, ... theo đó cần triển khai các chương trình hỗ trợ phù hợp với điều kiện địa phương, như: Tập trung hỗ trợ phát triển các ngành sản xuất nông, lâm nghiệp, du lịch - dịch vụ để khai thác hiệu quả tiềm năng của địa phương. Khuyến khích phát triển các sản phẩm OCOP, nông sản đặc trưng của tỉnh. Triển khai kế hoạch nâng cao năng suất chất lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, giúp doanh nghiệp nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa

học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, các công cụ nâng cao năng suất và chất lượng (NSCL).

- Có giải pháp thực thi mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả các chính sách của Nhà nước khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trên địa bàn.

- Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược có quy mô tại tỉnh để dẫn dắt chuyển đổi số, phát triển hạ tầng số; thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số tại địa phương. Thực thi hiệu quả các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi số và đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tập trung hỗ trợ các công nghệ và sáng kiến có tiềm năng thị trường, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh, làm hạt nhân hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Đánh giá tổng thể về trình độ và năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành sản xuất trọng điểm của tỉnh; Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cấp tỉnh, lộ trình đổi mới công nghệ các lĩnh vực, ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh; Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, triển khai lộ trình đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ, năng lực đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Khuyến khích hợp tác công - tư trong hoạt động KHCN, ĐMST&CĐS, trong đó ngân sách nhà nước là vốn môi, doanh nghiệp cùng tham gia thiết kế nhiệm vụ, góp vốn, triển khai và ứng dụng kết quả. Chuyển đổi nguyên tắc hỗ trợ từ hỗ trợ phân khúc sang hỗ trợ theo chuỗi giá trị, từ ý tưởng nghiên cứu, triển khai hoàn thiện công nghệ sản xuất, đến thương mại hóa sản phẩm.

- Hiện đại hóa các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường trên cơ sở chuyển đổi số, thực hiện số hóa toàn diện. Thí điểm và nhân rộng, phổ cập các mô hình thành công về chuyển đổi số cho các ngành, các cấp hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Gắn chuyển đổi số với chuyển đổi xanh; gắn đổi mới sáng tạo với chuyển đổi sinh kế và cộng đồng; hỗ trợ người dân ứng dụng chuyển đổi số trong đời sống, như: bán hàng online, thanh toán số, thương mại điện tử hộ gia đình, dự báo thiên tai, quản lý dữ liệu sản xuất, marketing số...

- Phát triển văn hóa học hỏi, tinh thần đổi mới sáng tạo; tạo chuyển biến mạnh về tư duy, khuyến khích học tập suốt đời; thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trong cán bộ, doanh nghiệp và người dân, coi đây là nền tảng quan trọng cho chuyển đổi số.

- Có biện pháp đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, đảm bảo tỷ trọng kinh tế số các ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 30%; tăng cường ứng dụng sản xuất, dịch vụ thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, kinh tế cửa khẩu, du lịch, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Đẩy mạnh ứng dụng KH,CN&CDS vào các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh

- Về chính quyền số: Hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số, nền tảng số, hoạt động của Trung tâm Giám sát và điều hành thông minh (IOC); thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; Tăng cường hiệu quả phối hợp với các Tập đoàn công nghệ lớn (như: VNPT, Viettel, Học viện Công nghệ bưu chính, viễn thông...), các Tập đoàn đang có các sản phẩm công nghệ thông tin cung cấp cho Chính phủ và các địa phương, triển khai xây dựng các nền tảng, hệ thống thông tin mang tính hệ thống, để thuận lợi trong việc tích hợp, liên thông các hệ thống, khai thác chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Về kinh tế số: Đẩy mạnh phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc hữu, xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình hoạt động, áp dụng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng quản trị số; triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, khuyến khích phát triển các sản phẩm, nền tảng số, công nghệ lõi, tăng năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng di động băng thông rộng tốc độ cao đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng; Triển khai các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Về xã hội số: phổ cập kỹ năng số toàn dân thông qua các Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại từng tổ dân phố, xóm; đồng thời đẩy mạnh phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức và người dân; Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng công dân số, mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, tài khoản số, kỹ năng số, được bảo đảm an toàn và niềm tin số; Phát triển và nâng cao hiệu quả của hệ thống truyền thanh cơ sở; Triển khai các kênh tương tác trực tuyến, tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Về lĩnh vực nông nghiệp: Tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch, hữu cơ. Ứng dụng công nghệ cao (IoT, Big Data, Blockchain) trong quản lý, sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc như: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế; Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số; Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ,...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Lĩnh vực du lịch: Ứng dụng công nghệ số để phát triển du lịch thông minh, quảng bá, trải nghiệm di sản Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, số hóa di sản, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, tạo sản phẩm du lịch trải nghiệm mới; Triển khai thanh toán số, vé điện tử tại các điểm du lịch.

Xây dựng và hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh, chủ động đáp ứng nhu cầu đặc thù, chuyên biệt của thị trường khách du lịch, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối hiệu quả, tạo môi trường cho cộng đồng, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với xu hướng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đáp ứng yêu cầu về đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; Thúc đẩy triển khai dữ liệu số du lịch, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch.

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh các dịch vụ du lịch, dịch vụ lữ hành, lưu trú, đặc biệt là cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số, nền tảng thương mại điện tử, thúc đẩy các hoạt động quảng bá, tuyên truyền về du lịch địa phương trên các mạng xã hội, nền tảng booking; ứng dụng công nghệ thực tế ảo vào phát triển du lịch địa phương.

- Lĩnh vực kinh tế cửa khẩu: Xây dựng hạ tầng số tại cửa khẩu: triển khai hệ thống quản lý hải quan, logistics, thanh toán điện tử, truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

Tăng cường ứng dụng KHCN trong giám sát, kiểm tra như: dùng IoT, camera AI, thiết bị đo lường, kiểm định nhanh để bảo đảm chất lượng, an toàn hàng hóa. Đẩy mạnh kết nối liên thông với Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành.

- Công nghiệp chế biến và khoáng sản: Khuyến khích đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường trong khai thác và chế biến sâu khoáng sản; xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động; Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên, công nghiệp chế biến, khoáng sản; hoàn thiện bản đồ số của tỉnh, triển khai các giải pháp thông minh trong quản trắ, giám sát, quản lý, xử lý sự cố, cảnh báo sớm thiên tai.

8. Giám sát, đánh giá

- Tham mưu xây dựng hệ thống giám sát trực tuyến để theo dõi tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch. Đảm bảo công khai các thông tin về tiến độ, nguồn lực sử dụng và kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ để các bên liên quan truy cập thông tin.

- Tham mưu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả dựa trên các mục tiêu cụ thể của kế hoạch. Thiết lập thước đo định lượng và định tính để đảm bảo đánh giá chính xác và toàn diện.

- Tham mưu tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất để đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp. Ứng dụng công nghệ số như AI và Big Data để phân tích và giám sát các chỉ số hiệu quả trong thời gian thực. Yêu cầu các đơn vị liên quan gửi báo cáo tiến độ để tổng hợp và phân tích. Công khai báo trên hệ thống giám sát của tỉnh để tăng cường tính minh bạch.

IV- KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Từ nguồn ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương).

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ điều kiện, tình hình của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả.

2. Đảng uỷ Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách về thực hiện các nội dung đột phá về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phân bổ nguồn lực và tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch này nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và tổ chức triển khai thực hiện.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở địa phương.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch cụ thể chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng, (báo cáo)
- Văn phòng TW Đảng,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lãnh đạo Văn phòng,
- Các phòng: TH, CY-CNTT,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Quản Minh Cường



PHỤ LỤC

**LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM
GIAI ĐOẠN 2025-2030**
(kèm theo Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Lộ trình triển khai
1	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch đột phá của Tỉnh ủy về KH, CN, ĐMST & CDS	Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Tháng 12/2025	2025-2026
2	Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đột phá của Tỉnh ủy về KH, CN, ĐMST & CDS	Đảng ủy UBND tỉnh	Tháng 12/2025	2025-2026
3	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách	Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy		2026-2030
3.1	<i>Các cơ chế đặc thù phù hợp với điều kiện của tỉnh để khuyến khích phát triển KH, CN, ĐMST & CDS</i>	<i>Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy</i>	<i>Quý IV/2026</i>	<i>2026-2030</i>
3.2	<i>Quy chế phối hợp trong quản lý nhiệm vụ KH & CN, ĐMST giữa Sở KH & CN với các sở, ban, ngành và các xã trên địa bàn tỉnh.</i>	<i>Đảng ủy UBND tỉnh</i>	<i>Quý IV/2026</i>	<i>2025-2026</i>
4	Đề xuất hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy		2026-2030
4.1	<i>Đầu tư phát triển hệ thống nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm</i>	<i>Đảng ủy UBND tỉnh</i>	<i>2026</i>	<i>2026-2030</i>

4.2	Sắp xếp tổ chức KH&CN công lập có chức năng hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh	Tháng 3/2026	2025-2026
4.3	Xây dựng cơ chế Quỹ phát triển KH&CN, mở rộng theo hướng cho vay, hỗ trợ ương tạo KH&CN, đầu tư mạo hiểm trong hoạt động KH&CN	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026	2025-2026
5	Phát triển nhân lực KH, CN, ĐMST & CDS	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ		2026-2030
5.1	Nghiên cứu, triển khai các cơ chế, chính sách của Trung ương về học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học.	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026	2026-2030
5.2	Thực hiện cơ chế, chính sách thu hút người có trình độ cao làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương tại tỉnh.	Đảng uỷ UBND tỉnh	Từ năm 2026	2026-2030
5.3	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về KH&CN, CNTT, cho đội ngũ cán bộ, tài năng, trí thức trẻ, trí thức người dân tộc thiểu số ít người.	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026	2026-2030
5.4	Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.	Đảng uỷ UBND tỉnh	2027	2027-2030

5.5	Xây dựng chính sách ưu đãi, phù hợp, khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ.	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2027	2027-2030
5.6	Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trên địa bàn	Đảng uỷ UBND tỉnh	2027	2027-2030
6	Triển khai các chương trình đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TCVN, ISO và các quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất và cung ứng dịch vụ.	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2027	2027-2030
7	Đánh giá tổng thể về trình độ và năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành sản xuất trọng điểm của tỉnh; Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cấp tỉnh, lộ trình đổi mới công nghệ các lĩnh vực, ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh	2027	2027-2030
8	Hoàn thiện chương trình nghiên cứu ứng dụng ngành, lĩnh vực; vùng trong tỉnh	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2027	2027-2030

9	Xây dựng chính sách đãi ngộ, trọng dụng, tôn vinh, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để phát huy tài năng, lao động sáng tạo của đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học trong tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh	2028	2028-2030
10	Trung tâm giám sát, điều hành phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trực tuyến và dựa trên dữ liệu.	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026-2030	2026-2030
11	Thí điểm 02 mô hình chuyển đổi số cấp xã	Đảng uỷ UBND tỉnh	2027-2028	2027-2028
12	Thúc đẩy xây dựng cửa khẩu thông minh	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026-2030	2026-2030
13	Đẩy mạnh chuyển đổi số du lịch thông minh trong lĩnh vực du lịch	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026-2030	2026-2030
14	Xây dựng, phát triển, thu thập, củng cố và hoàn thiện dữ liệu chủ, cơ sở dữ liệu dùng chung, trong cơ sở dữ liệu của tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng dịch vụ, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đáp ứng các yêu cầu sẵn sàng tích hợp, kết nối, chia sẻ và lưu trữ tập trung trên nền tảng điện toán đám mây.	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2026-2030	2026-2030

15	Rà soát, cập nhật Danh mục dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực, của tỉnh; triển khai xây dựng và cung cấp dữ liệu mở cho các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.	Đảng ủy UBND tỉnh	2026-2030	2026-2030
16	Hoàn thiện và đưa vào khai thác sử dụng Cổng dữ liệu mở của tỉnh, các nền tảng dữ liệu dùng chung kết nối, đồng bộ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh và tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích, khai thác dữ liệu	Đảng ủy UBND tỉnh	2026	2026-2027
17	Xây dựng, cung cấp các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh để lưu trữ tập trung, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế xã hội.	Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	2026-2030	2026-2030
18	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của các cơ quan trên địa bàn tỉnh.	Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	2026-2030	2026-2030

19	Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, ưu tiên khu vực trọng điểm, phát triển nền tảng dùng chung, chia sẻ hạ tầng; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ		2026-2030
19.1	<i>Phát triển hạ tầng viễn thông, mở rộng phủ sóng 4G, 5G, nâng cấp cáp quang đến 100% thôn, bản, bảo đảm chất lượng dịch vụ và vùng phủ sóng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số</i>	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026-2030	2026-2030
19.2	<i>Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu của tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây theo hướng hiện đại, phù hợp với các quy định của Trung ương, bảo đảm an toàn thông tin mạng theo hướng quản lý, vận hành, lưu trữ tập trung nhằm triển khai chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số và phát triển đô thị thông minh.</i>	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026	2026-2027
19.3	<i>Triển khai đồng bộ hệ thống hội nghị truyền trực tuyến phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đến các sở, ngành của tỉnh, cấp xã</i>	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2026	2026

19.4	Rà soát, nâng cấp hoàn thiện hệ thống mạng máy tính, trang thiết bị CNTT của các cấp, các ngành bảo đảm điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, khai thác, vận hành các hệ thống thông tin, triển khai các ứng dụng chuyên ngành, số hóa, cập nhật dữ liệu điện tử; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2026	2026-2030
19.5	Xây dựng và củng cố, hoàn thiện các hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quan trắc tài nguyên môi trường,...; kết hợp tối đa với hạ tầng do các tổ chức, cá nhân đã đầu tư, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026-2030	2026-2030

20	Duy trì kết quả, mở rộng ứng dụng	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2029	2029-2030
21	Tổng kết, đánh giá và điều chỉnh cơ chế, phương thức triển khai phù hợp	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2030	2030

KẾ HOẠCH

thực hiện nội dung đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030 như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thành các nhiệm vụ và giải pháp có tính khả thi để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường trên địa bàn tỉnh, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, vì hạnh phúc nhân dân.

Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh về vai trò chiến lược của phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường. Khẳng định quyết tâm chính trị, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Bám sát quan điểm, định hướng, chính sách của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; có trọng tâm, trọng điểm và đồng thời giải quyết kịp thời những khó khăn, bức xúc của nhân dân; đảm bảo tính đồng bộ, tính khả thi cao, hiệu quả và tiết kiệm; có sự phân công, phân nhiệm, phân kỳ thực hiện rõ ràng và nêu cao trách nhiệm người đứng đầu.

Việc triển khai và tổ chức thực hiện kế hoạch này phải được tiến hành nghiêm túc, thường xuyên, liên tục, có sự thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện; đảm bảo lồng ghép chặt chẽ với các chương trình, đề án liên quan để phát huy hiệu quả cao nhất.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với phát triển kết cấu hạ tầng, nhằm đảm bảo đồng bộ, hiện đại, tăng kết nối liên vùng và kết nối với các trung tâm kinh tế, tạo không gian phát triển mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược nhằm tăng cường kết nối vận tải trong nước, quốc tế và mở rộng không gian phát triển của tỉnh. Trong đó, tập trung hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, các tuyến kết nối cao tốc với các cửa khẩu quốc tế, song phương, trung tâm tỉnh, các khu du lịch trọng điểm, khu di tích quốc gia đặc biệt.

Phát triển hệ thống đô thị theo hướng đồng bộ, xanh, sạch, hiện đại; nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; tạo bước đột phá về hạ tầng kỹ thuật đô thị để nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với phát triển kết cấu hạ tầng giao thông:

(1) Hoàn thành các dự án giao thông chiến lược là tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) và cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng.

(2) Hoàn thành các dự án giao thông quan trọng là các tuyến kết nối cao tốc với cao tốc; nối cao tốc với trung tâm tỉnh, các cửa khẩu trọng điểm, các khu di tích quốc gia đặc biệt, thác Bản Giốc và các khu du lịch; nâng lên tối thiểu 1 cấp kỹ thuật hoặc cải tạo, nâng cấp đối với đường đến các cửa khẩu song phương và các khu di tích quốc gia đặc biệt.

(3) Đề nghị Chính phủ điều chỉnh quy hoạch Sân bay Cao Bằng đạt tiêu chuẩn quốc tế và thu hút nhà đầu tư.

(4) Khắc phục triệt để các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến quốc lộ thuộc địa bàn tỉnh; nhựa hóa/bê tông hóa 100% chiều dài mặt đường đường tỉnh và tối thiểu 85% chiều dài mặt đường xã; cải tạo, nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống cầu vượt sông, suối trên địa bàn tỉnh... nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương và đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão cho nhân dân.

(5) Củng cố và hoàn thiện hệ thống bến xe khách trên toàn tỉnh đến các xã trung tâm vùng; kịp thời chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng, góp phần quan trọng đảm bảo trật tự an toàn giao thông, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của nhân dân.

2.2. Đối với phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và kỹ thuật môi trường:

(1) Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, gắn với chỉnh trang, cải tạo cảnh quan và hoàn thiện các dự án phát triển đô thị.

(2) Xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội đô thị thiết yếu phục vụ đời sống dân sinh, trong đó tập trung đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, khu xử lý rác thải sinh hoạt, nghĩa trang tập trung và nhà tang lễ cho đô thị trung tâm tỉnh và một số đô thị vệ tinh.

(3) Đáp ứng nhu cầu về nhà ở xã hội cho người lao động, góp phần ổn định đời sống và thúc đẩy công bằng xã hội.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Hoàn thiện quy hoạch đô thị và nông thôn

Rà soát, hoàn thiện toàn bộ các loại quy hoạch xây dựng cho các phường, xã mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo kịp thời, đồng bộ, thống nhất và phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển của tỉnh và các địa phương.

1.2. Nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

(1) Hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) và cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng

- Tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh: Phân đầu hoàn thành dự án, đưa vào vận hành và khai thác đối với giai đoạn 1 của dự án vào năm 2026, đối với giai đoạn 2 của dự án vào năm 2028.

- Tuyến đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng: Thực hiện hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và phân đầu khởi công xây dựng vào đầu năm 2026; hoàn thành dự án, đưa vào vận hành và khai thác trong năm 2028.

(2) Hoàn thành các tuyến kết nối cao tốc với cao tốc; nối cao tốc với trung tâm tỉnh, các cửa khẩu trọng điểm, các khu di tích quốc gia đặc biệt và Khu du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc); nâng lên tối thiểu 1 cấp kỹ thuật hoặc cải tạo, nâng cấp đối với đường đến các cửa khẩu song phương và các khu di tích Quốc gia đặc biệt

- Hoàn thành các tuyến kết nối cao tốc với cao tốc, kết nối cao tốc với trung tâm tỉnh, thực hiện các dự án: (i) Đường giao thông kết nối cao tốc Bắc Kạn – Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh; (ii) Nâng cấp Quốc lộ 34B, đoạn Cao Bằng - Thạch An.

- Hoàn thành các tuyến kết nối cao tốc với các cửa khẩu trọng điểm của tỉnh, thực hiện các dự án: (i) Đường giao thông kết nối nút giao Lũng Luông tuyến cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh đến cửa khẩu quốc tế Tà Lùng; (ii) Cải tạo, nâng cấp đường tránh Khu du lịch Thác Bản Giốc đến cửa khẩu Lý Vạn, tỉnh Cao Bằng (đây là tuyến đường được tiếp nối từ dự án Cải tạo, nâng cấp đường từ cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh đến Khu du lịch Thác Bản Giốc, 2 dự án này sẽ đảm bảo kết nối cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh với cửa khẩu song phương Lý Vạn đã có quy hoạch của Chính phủ

nâng cấp lên cửa khẩu Quốc tế trong giai đoạn đến năm 2030); (iii) Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4A, đoạn từ cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) và cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh đến Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó và cửa khẩu Sóc Giang, tỉnh Cao Bằng (dự án này và dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Đôn Chương – Sóc Hà đang triển khai thực hiện từ năm 2025, sẽ hoàn thành kết nối từ cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh đến cửa khẩu Sóc Giang và Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó).

- Hoàn thành các tuyến kết nối cao tốc với các khu di tích quốc gia đặc biệt và Khu du lịch thác Bản Giốc; nâng lên tối thiểu 1 cấp kỹ thuật hoặc cải tạo, nâng cấp kết cấu đối với đường đến các cửa khẩu và các khu di tích Quốc gia đặc biệt, thực hiện các dự án: (i) Cải tạo, nâng cấp đường từ cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) đến Khu du lịch Thác Bản Giốc; (ii) Nâng cấp Quốc lộ 34B, đoạn từ xã Đông Khê đến Khu Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950 và cửa khẩu Đức Long; (iii) Nâng cấp Đường tỉnh 216, đoạn từ xã Nguyên Bình đến Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, xã Tam Kim; (iv) Nâng cấp Đường Hồ Chí Minh (đoạn Pác Bó – trung tâm tỉnh Cao Bằng).

(3) Thực hiện các thủ tục liên quan đề nghị Bộ Xây dựng (theo phân cấp, ủy quyền) quyết định điều chỉnh quy hoạch Sân bay Cao Bằng đạt tiêu chuẩn cảng hàng không quốc tế trong giai đoạn 2021 - 2030; tổ chức thu hút nhà đầu tư thực hiện dự án trong giai đoạn tiếp theo.

(4) Khắc phục triệt để các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến quốc lộ thuộc địa bàn tỉnh; nhựa hóa/bê tông hóa 100% chiều dài mặt đường đường tỉnh và tối thiểu 85% chiều dài mặt đường xã; cải tạo, nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống cầu vượt sông, suối trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các dự án: (i) Xử lý các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến quốc lộ thuộc địa bàn tỉnh Cao Bằng, với nhiệm vụ chính là xử lý các đường cong khuất tầm nhìn, hạ mái taluy dương có nguy cơ sạt trượt, kè kiên cố mái taluy âm để xói lở, mở rộng điểm tránh và vượt xe. (ii) Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 34 đoạn Bảo Lâm – Nguyên Bình và dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 34 đoạn Mã Phục – cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh theo như đã đề xuất và thống nhất với Bộ Xây dựng. (iii) Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh trọng yếu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, với nhiệm vụ chính là cải tạo, nâng cấp kết cấu mặt đường, đảm bảo cứng hóa bằng bê tông asphalt hoặc bê tông xi măng đối với 167Km mặt đường cấp phối còn lại/tổng số 1.018Km đường tỉnh (trong đó đã có 851Km cứng hóa); xử lý các đường cong khuất tầm nhìn; hạ mái taluy dương có nguy cơ sạt trượt; kè kiên cố mái taluy âm để xói lở; mở rộng điểm tránh và vượt xe.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hoàn thành Đề án kiên cố hóa đường xã, để thực hiện mục tiêu Nhựa hóa/bê tông hóa tối thiểu 85% chiều dài mặt đường xã,

tương ứng khoảng 1.100Km/tổng số 5.700Km (trong đó đến nay đã có 3.700Km mặt đường được cứng hóa), chủ yếu là các trục đường chính, quan trọng đến trung tâm xã, các vùng sản xuất, các đường thôn xóm, đường nội đồng, thông qua việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia và huy động xã hội hóa theo phương thức “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hoàn thành Đề án cải tạo, nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống cầu vượt sông, suối trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung sửa chữa và thay thế cầu treo cũ đã hư hỏng nặng bằng dạng tương tự hoặc nâng cấp thành cầu bê tông cốt thép (BTCT); sửa chữa các cầu lớn trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường xã đã xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn giao thông; xây dựng mới một số cầu vượt sông, suối đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt bức thiết của Nhân dân, góp phần quan trọng kết nối và mở rộng đô thị, nhất là tại các phường trung tâm của tỉnh.

(5) Củng cố và hoàn thiện hệ thống bến xe khách trên toàn tỉnh, đến các xã trung tâm vùng, đảm bảo kết nối các tuyến vận tải khách liên vùng: Quy hoạch hệ thống Bến xe khách tại các xã trung tâm vùng, các cửa khẩu quốc tế và các điểm phát triển du lịch. Xây dựng cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư vào xây dựng và quản lý vận hành bến xe khách. Triển khai hệ thống điều hành bến xe khách thông minh và hệ thống vé điện tử.

1.3. Nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và kỹ thuật môi trường

(1) Tập trung đầu tư xây dựng hoàn thiện các dự án phát triển đô thị

- Rà soát, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của các dự án phát triển đô thị đã lựa chọn nhà đầu tư, trọng tâm là công tác giải phóng mặt bằng để giao đất và triển khai thi công xây dựng các dự án đã lựa chọn nhà đầu tư; đôn đốc nhà đầu tư tập trung triển khai các dự án đã được giao đất nhưng chậm tiến độ thực hiện.

- Tiếp tục thu hút đầu tư và hỗ trợ tối đa cho các nhà đầu tư quan tâm triển khai các dự án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

(2) Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, gắn với chỉnh trang, cải tạo cảnh quan; xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội đô thị thiết yếu phục vụ đời sống dân sinh.

Thực hiện các dự án: (i) Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng; (ii) Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Cao Bằng; (iii) Xây dựng Khu biểu diễn nghệ thuật tỉnh Cao Bằng; (iv) Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực các phường trung tâm của tỉnh Cao Bằng; (v) Xây dựng Nghĩa trang Nhân dân, Nhà tang lễ và cơ sở hỏa táng phục vụ Nhân dân khu vực trung tâm tỉnh Cao Bằng; (vi) Xây dựng Nghĩa trang Nhân dân tại các đô thị (thị trấn cũ) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (vii) Cải tạo nâng cấp khu xử lý rác thải sinh hoạt tại các đô thị (thị trấn cũ)

trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (viii) Đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật cấp xã; (ix) Kè chống sạt lở bờ sông, suối, ổn định dân cư tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

(3) *Đáp ứng nhu cầu về nhà ở xã hội cho người dân đô thị, góp phần ổn định đời sống và thúc đẩy công bằng xã hội:* Triển khai thực hiện một số dự án xây dựng nhà ở xã hội phục vụ nhu cầu của người lao động, công nhân viên chức và nhân dân, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu Chính phủ giao đến năm 2030 xây dựng được 1.500 căn nhà ở xã hội; thực hiện dự án Xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng cao tốc Bắc Kạn – Cao Bằng.

2. Dự kiến kinh phí

TT	Nội dung	Nhu cầu vốn 2025-2030 (tỷ đồng)			Ghi chú
		Tổng số	Vốn NSNN	Vốn ngoài ngân sách	
	TỔNG CỘNG	92.205,0	76.941,6	15.263,5	
1	Giao thông	77.228,1	66.453,7	10.774,4	Phụ lục 01
2	Đô thị và môi trường	14.765,1	10.276,0	4.489,1	Phụ lục 02
3	Quy hoạch xây dựng	211,8	211,8	-	Phụ lục 03
	<i>Tỷ lệ</i>		83.45%	16.55%	

(Có Phụ lục danh mục các dự án, nhiệm vụ dự kiến kèm theo)

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu trong việc cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và các chủ trương của Trung ương về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, môi trường; kịp thời cụ thể hóa thực hiện bằng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm. Phát huy tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu của cấp ủy, người đứng đầu; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao kỷ luật, kỷ cương trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng quyết liệt, hiệu quả, bám sát thực tiễn; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các dự án, công trình trọng điểm. Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong tổ chức triển khai; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị – xã hội và nhân dân.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, đề xuất chủ trương đầu tư các dự án trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư để thẩm định, phê duyệt làm cơ sở đưa vào Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030 của tỉnh để triển khai thực hiện theo quy định. Kiên quyết không phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí vốn cho các dự án giao thông, đô thị và môi trường chưa thực sự cấp thiết và nằm ngoài kế hoạch này. Có giải pháp điều hòa, điều chỉnh vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn bảo đảm linh hoạt, hợp lý để kịp thời bố trí vốn cho các dự án đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công các công trình.

- Chủ động xác định, tính toán hợp lý nhu cầu vốn đầu tư cho từng giai đoạn, từng lĩnh vực (giao thông, đô thị, môi trường) phù hợp với khả năng hỗ trợ ngân sách từ Trung ương và cân đối ngân sách địa phương, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả đầu tư. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các công trình, dự án chiến lược, quan trọng của tỉnh, có ý nghĩa tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội. Tăng cường công tác quản lý, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, làm thất thoát nguồn lực của Nhà nước và nhân dân.

- Phát huy vai trò của chính quyền địa phương 2 cấp trong quyết định và giám sát phân bổ nguồn lực, bảo đảm việc sử dụng vốn phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và đúng định hướng phát triển của tỉnh. Đề cao vai trò giám sát của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, của cộng đồng, nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng, tạo sự minh bạch, dân chủ trong quá trình thực hiện, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành quy chế, quy trình đầu tư, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, xử lý các sai phạm; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng kiến, cách làm hay, hiệu quả.

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, kịp thời đề xuất các giải pháp để khắc phục khó khăn, tháo gỡ vướng mắc trong triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ và mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

3.2. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư

- Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành Trung ương tăng mức vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho tỉnh Cao Bằng để tập trung ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án trọng điểm, có tính liên kết vùng và các dự án nhằm kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là Bộ Xây dựng để bố trí kinh phí chuẩn bị đầu tư, khởi công xây dựng dự án nâng cấp đường Hồ Chí Minh (đoạn Pác Bó – Cao Bằng).

- Tiếp tục quan tâm, vận động các nguồn vốn ODA để ưu tiên đầu tư các công trình phát triển hạ tầng đô thị và xử lý môi trường, đặc biệt là xây dựng các cầu lớn để kết nối, mở rộng, phát triển đô thị và xử lý môi trường khu vực các phường trung

tâm tình. Sớm nghiên cứu, học tập và triển khai thực hiện hình thức đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (*Build - Transfer - Lease, sau đây gọi là hợp đồng BTL*), để kịp thời giải quyết nhu cầu bức bách về trụ sở làm việc cấp xã, bệnh viện, khu liên hợp thể thao,..., trong bối cảnh đầu tư công không kịp thời hoặc không đủ khả năng đáp ứng, nhưng có thể thay thế bằng chi trả tiền thuê công trình hàng năm, vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong tỉnh có thêm hướng đầu tư, kinh doanh mới, có lợi nhuận.

- Rà soát các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030... để lồng ghép bố trí cho các dự án thuộc cấp xã quản lý, đặc biệt là thực hiện đề án kiên cố hóa đường xã và đề án cải tạo, nâng cấp, phát triển hoàn thiện hệ thống cầu vượt sông, suối trên địa bàn tỉnh.

- Khai thác tối đa các nguồn thu từ đất; thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách, tiết kiệm tối đa các khoản chi thường xuyên để tăng chi cho đầu tư phát triển hạ tầng, đặc biệt là đầu tư xây dựng các tuyến đường tỉnh, đường xã, xây dựng nghĩa trang nhân dân, cải tạo nâng cấp các khu xử lý rác thải sinh hoạt... Phát huy, tận dụng tối đa nội lực của các xã, phường thông qua việc kết hợp xây dựng hạ tầng giao thông với khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường để tạo nguồn thu đầu tư kết cấu hạ tầng.

- Ban hành cơ chế, chính sách huy động nguồn vốn của các thành phần kinh tế để đầu tư xây dựng hệ thống bến xe khách, các tuyến xe buýt, trạm dừng nghỉ, điểm dừng chân, bãi đỗ xe, bến thủy nội địa,..., theo quy hoạch, như hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng và các ưu đãi đầu tư khác theo quy định.

- Rà soát, đề xuất ban hành mới nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho phát triển đường giao thông nông thôn gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, để thu hút và huy động sự đóng góp của Nhân dân với phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” theo hướng tính toán, quy định rõ mức hỗ trợ từ Nhà nước đối với các tuyến đường trục chính sẽ lớn hơn đối với các tuyến đường nội bộ ngõ xóm để phát huy hiệu quả huy động nguồn lực từ Nhân dân. Nghiên cứu giải pháp tiếp tục xã hội hóa bảo trì đối với hệ thống đường GTNT được xây dựng theo mô hình “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” để bảo trì các tuyến đường sau khi được đầu tư, tránh hư hỏng xuống cấp công trình.

- Coi trọng và bố trí đầy đủ vốn từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường và kịp thời sửa chữa định kỳ, đột xuất các đoạn tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường xã hiện hữu bị hư hỏng; xử lý dứt điểm các vị trí tiềm ẩn tai nạn giao thông trên đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân được an toàn, thuận lợi.

3.3. Giải pháp về đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư và giải phóng mặt bằng (GPMB)

- Đẩy nhanh tiến độ và chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư dự án. Nghiên cứu giải pháp rút ngắn thời gian thi công trong quá trình thực hiện dự án, góp phần sớm hoàn thành dự án đưa vào khai thác phục vụ nhu cầu của Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các địa phương có dự án đi qua.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao (*UAV - máy bay không người lái, kết hợp với LiDAR - công nghệ viễn thám chủ động dựa trên cảm biến laser để đo khoảng cách, vị trí và độ cao; SLAM – trạm quét laser di động; Phần mềm bản đồ số 3D GIS; ...*) trong khảo sát hiện trạng, đảm bảo phục vụ tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; phục vụ tốt cho công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng, với dữ liệu địa hình, địa chất, thủy văn, ... có tính bao quát lớn và độ chính xác cao, góp phần quan trọng cho tối ưu hóa phương án thiết kế, phù hợp với thực tế, hạn chế tối đa phải điều chỉnh dự án. Tăng cường áp dụng công nghệ cao về Hệ thống thông tin địa lý (GIS), mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm thiết kế; tăng cường quá trình trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và chủ đầu tư, tổ chức tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng; hỗ trợ hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước (thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp phép xây dựng; quản lý xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu...).

- Thực hiện hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (phần khoáng sản làm vật liệu xây dựng) theo hướng bổ sung, mở rộng diện tích các mỏ vật liệu xây dựng để tăng công suất khai thác, tăng số lượng mỏ kịp thời phục vụ các dự án hạ tầng giao thông, đô thị trọng điểm của quốc gia và của tỉnh, cho công tác bảo trì, sửa chữa, nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, cho phát triển hạ tầng kỹ thuật của các địa phương; đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, với giá thành hợp lý, góp phần quan trọng làm giảm suất vốn đầu tư xây dựng của cả nhà nước và nhân dân.

- Có cơ chế cụ thể để xử lý đối với các chủ đầu tư trong việc đề dự án chậm tiến độ; trường hợp cần thiết xem xét điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các dự án chậm tiến độ từ địa phương về Ban quản lý dự án chuyên ngành của tỉnh hoặc ngược lại, đồng thời xem xét, làm rõ trách nhiệm của các chủ đầu tư, nhất là người đứng đầu nhằm đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng công trình, phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư các dự án.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 đảm bảo các dự án đều phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Rà soát các quy

định về đất đai, đầu tư và xây dựng, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định, điều kiện thực tế của địa phương. Xây dựng quy trình các bước triển khai công tác GPMB theo hướng cụ thể, rõ ràng và dễ hiểu để tạo thuận lợi cho các chủ đầu tư và UBND cấp xã trong việc triển khai thực hiện các dự án.

- Công tác GPMB có tác động rất lớn đến tiến độ triển khai thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, vì vậy, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chủ đầu tư, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các xã, phường, trong đó, có vai trò rất lớn của UBND cấp xã nơi có dự án đi qua. Cấp ủy, chính quyền và nhân dân nơi có dự án cần nhận thức đúng đắn giá trị, hiệu quả mang lại sau khi dự án hạ tầng được đầu tư hoàn thành để nâng cao trách nhiệm, chủ động trong việc triển khai thực hiện công tác GPMB phục vụ thi công các tuyến đường trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân để đẩy nhanh tiến độ GPMB các dự án giao thông trọng điểm; vận động nhân dân hiến đất để xây dựng đường giao thông nông thôn và các công trình hạ tầng phục vụ cộng đồng theo phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”.

- Xây dựng quy trình các bước triển khai công tác GPMB theo hướng cụ thể, rõ ràng và dễ hiểu để tạo thuận lợi cho các chủ đầu tư và UBND cấp xã trong việc triển khai thực hiện công tác GPMB. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách, đơn giá bồi thường, tái định cư, bảng giá đất trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Thường xuyên kiện toàn, nâng cao năng lực các Ban, Hội đồng giải phóng mặt bằng của cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Các chủ đầu tư chủ động, phối hợp với UBND cấp xã trong việc rà soát trước các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý đất đai nơi dự án đi qua (*như rà soát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phân tích nguồn gốc đất...*) để chuẩn bị và giải quyết trước các tình huống khó khăn, phức tạp trong quá trình GPMB, bảo đảm tiến độ được giao.

- Phát huy cơ chế ứng vốn GPMB, xây dựng tái định cư từ Quỹ phát triển đất của tỉnh để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng triển khai dự án.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tuyên truyền, quán triệt nội dung Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân tỉnh chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, môi trường và tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch của Tỉnh ủy và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch hàng năm thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này của Tỉnh ủy; chỉ đạo cụ thể hoá các mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ đối với từng cấp, từng ngành liên quan; chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng,
- Văn phòng TW Đảng, (báo cáo)
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- LDVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Quản Minh Cường



BIỂU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG GIAI ĐOẠN 2025 - 2030
(kèm theo Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 28 /11 /2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	Tên nguồn vốn/cơ cấu vốn			Kết quả	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
						Nguồn vốn	NSNN	Ngoài NSNN			
	TỔNG CỘNG				77.228,1		66.453,7	10.774,4			
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2025-2030				7.907,8		5.582,3	2.325,5			
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1)	Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT	Các sở, ngành, UBND các xã có liên	2024-2026	7.751,6	Nhà đầu tư và NSNN (hình thức PPP)	5.426,13	2.325,49	93,35km đường cao tốc	1	Tổng mức đầu tư giai đoạn 14.114,781 tỷ đồng (theo NQ điều chỉnh chủ trương đầu tư số 36/NQ-HĐND ngày 19/6/2025)
2	Đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Hòa An	nt	2023-2026	96,2	NSTW	96,15	-	16,5km đường cấp IVmn	1	
3	Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Trường Hà	nt	2022-2026	60,0	NSTW, NSDP	60,00	-	6,75Km; đường chính đô thị	1	
II	Dự án khởi công mới và hoàn thành trong giai đoạn 2025-2030				69.320,3		60.871,5	8.448,9			
*	Các tuyến đường bộ cao tốc				42.048,3		38.426,6	3.621,7			
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (Giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT	Các sở, ngành, UBND các xã có liên	2025-2028	12.072,3	Nhà đầu tư và NSNN (hình thức PPP)	8.450,61	3.621,69	27,71km (Km93,35 - Km121,06); cao tốc 4 làn xe	1	Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư số 36/NQ-HĐND ngày 19/6/2025 của HĐND tỉnh Cao Bằng
2	Tuyến đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng	Sở Xây dựng	nt	2026-2028	29.976,0	NSTW	29.976,00	-	81,5 Km; cao tốc 4 làn xe	1	
*	Các tuyến nối cao tốc với cao tốc, nối cao tốc với trung tâm tỉnh				7.406,4		3.703,2	3.703,2			
1	Tuyến kết nối cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT	nt	2025-2030	3.000,0	Nhà đầu tư và NSNN (hình thức PPP)	1.500,00	1.500,00	25 km; đường cấp II, quy mô 4 làn xe	2	Thông báo kết luận 21/TB-BCĐ ngày 24/4/2025 của BCĐ dự án đường bộ cao tốc
2	Tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng). Đang đề xuất điều chỉnh thành Mở rộng Quốc lộ 34B đoạn thành phố Cao Bằng - huyện Thạch An	Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT	nt	2025-2030	4.406,4	Nhà đầu tư và NSNN (hình thức PPP)	2.203,20	2.203,20	39,71 km; đường cấp II, quy mô 4 làn xe	2	Thông báo kết luận 21/TB-BCĐ ngày 24/4/2025 của BCĐ dự án đường bộ cao tốc
*	Các tuyến nối cao tốc với các cửa khẩu quốc tế, song phương				3.538,7		3.538,7	-			
1	Đường giao thông kết nối nút giao Lũng Luông tuyến đường cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) đến cửa khẩu quốc tế Tà Lùng	Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT	nt	2025-2030	2.718,7	Ngân sách trung ương và Ngân sách địa phương	2.718,65	-	21,7 km; đường cấp II, quy mô 4 làn xe	1	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 854/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	Tên nguồn vốn/cơ cấu vốn			Kết quả	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
2	Cải tạo, nâng cấp đường tránh Khu du lịch Thác Bản Giốc đến cửa khẩu Lý Vạn, tỉnh Cao Bằng	Sở Xây dựng	nt	2025-2030	520,0	NSTW	520,00	-	23 km; đường cấp IV, mặt BTN	1	Nâng lên 1 cấp kỹ thuật
3	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4A đoạn thị trấn Trà Lĩnh (cửa khẩu Trà Lĩnh) – thị trấn Xuân Hòa (cửa khẩu Sóc Giang) (Km234-Km277)	Sở Xây dựng	nt	2025-2030	300,0	Ngân sách nhà nước	300,00	-	43 km	1	Xử lý các đường cong khuất tầm nhìn; hạ mái taluy dương có nguy cơ sạt trượt; kê kiên cố mái taluy âm để xói lở; mở rộng điểm tránh và vượt xe; cải tạo hệ thống thoát nước; cứng hóa lề đường; cải tạo vị trí mặt đường xuống cấp
*	<i>Các tuyến nổi cao tốc với các khu di tích quốc gia đặc biệt và Khu du lịch thác Bản Giốc; nâng lên tối thiểu 1 cấp kỹ thuật hoặc cải tạo, nâng cấp kết cấu đối với đường đến các cửa khẩu song phương và các khu di tích Quốc gia đặc biệt</i>						4.690,0	-			
1	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường đến khu cảnh quan thác Bản Giốc	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND xã có liên quan	2025-2030	3.800,0	Ngân sách trung ương và Ngân sách địa phương	3.800,00	-	39,22 km; đường cấp III miền núi, mặt đường BTN	1	Nâng lên 1 cấp kỹ thuật
2	Nâng cấp Đường Hồ Chí Minh (Pắc Bó - TP Cao Bằng)	Bộ Xây dựng	nt	2026-2030		NSTW (nguồn bộ, ngành TW)	-	-	52 km; đường cấp III, 4 làn xe	1	Nâng lên 1 cấp kỹ thuật, do Bộ Xây dựng thực hiện
3	Nâng cấp Quốc lộ 34B, đoạn từ xã Đông Khê đến Khu Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950 và cửa khẩu Đức Long	Sở Xây dựng	nt	2027-2030	380,0	NSTW (hỗ trợ từ bộ, ngành TW)	380,00	-	16 km, đường cấp IV, mặt BTN	2	Nâng lên 1 cấp kỹ thuật
4	Nâng cấp Đường tỉnh 216, đoạn từ xã Nguyên Bình đến Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, xã Tam Kim	Sở Xây dựng	nt	2027-2030	510,0	NSTW (hỗ trợ từ bộ, ngành TW)	510,00	-	17km, đường cấp IV miền núi, mặt đường BTN	2	Nâng lên 1 cấp kỹ thuật
*	<i>Khắc phục triệt để các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến Quốc lộ thuộc địa bàn tỉnh</i>						5.577,0	-			
1	Xử lý các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến Quốc lộ thuộc địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Xây dựng	nt	2025-2030	200,0	NSTW	200,00	-		1	Xử lý các đường cong khuất tầm nhìn; hạ mái taluy dương có nguy cơ sạt trượt; kê kiên cố mái taluy âm để xói lở; mở rộng điểm tránh và vượt xe
2	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4A đoạn Mã Phục – Trà Lĩnh (Km247-Km266)	Sở Xây dựng	nt	2025-2030	780,0	NSTW	780,00	-	19 km, đường cấp III	2	Nâng lên 1 cấp kỹ thuật
3	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 34 đoạn Bảo Lâm - Nguyên Bình	Sở Xây dựng	nt	2025-2030	4.597,0	NSTW	4.597,00	-	133 km, đường cấp IV	2	Cải tạo, nâng cấp lên 1 cấp kỹ thuật

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	Tên nguồn vốn/cơ cấu vốn			Kết quả	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
*	Nhựa hóa/bê tông hóa 100% chiều dài mặt đường đường tỉnh và tối thiểu 85% chiều dài mặt đường xã; cải tạo, nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống cầu vượt sông, suối trên địa bàn tỉnh				5.440,0		4.328,0	1.112,0			
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh trọng yếu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng,	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND xã có liên quan	2025-2030	1.000,0	NSTW	1.000,00	-	184 km, đường cấp V	1	Cải tạo, nâng cấp kết cấu mặt đường, đảm bảo cứng hóa bằng bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng đối với các tuyến đường tỉnh; xử lý các đường cong khuất tầm nhìn; hạ mái taluy dương có nguy cơ sạt trượt; kè kiến cố mái taluy âm dễ xói lở; mở rộng điểm tránh và vượt xe
2	Đề án Kiên cố hóa đường xã	UBND các phường, xã	Các sở, ngành	2025-2030	2.200,0	NSNN (nguồn các CT MTQG, các nguồn hỗ trợ khác ngoài NSNN)	1.760,00	440,00	1100Km, đường GTNT	2	Thực hiện mục tiêu Nhựa hóa/bê tông hóa tối thiểu 85% chiều dài mặt đường xã, tương ứng khoảng 1.100Km/tổng số 5.700KM (trong đó đến nay đã có 3.700Km mặt đường được cứng hóa), chủ yếu là các trục đường chính, quan trọng đến trung tâm xã, các vùng sản xuất, các đường thôn xóm, đường nội đồng, thông qua việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia và huy động xã hội hóa theo phương thức "Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ"; Huy động xã hội hóa 20%
3	Đề án cải tạo, nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống cầu vượt sông, suối trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng và UBND các phường, xã theo phân cấp quản lý đường bộ	Các sở, ngành	2025-2030	2.240,0	NSNN (nguồn các CT MTQG, các nguồn hỗ trợ khác ngoài NSNN)	1.568,00	672,00	Xây mới 295 cầu; sửa chữa 33 cầu	2	tập trung sửa chữa cầu treo cũ đã hư hỏng nặng bằng dạng tương tự hoặc nâng cấp thành cầu BTCT; sửa chữa các cầu lớn trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường xã đã xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn giao thông; xây dựng mới một số cầu vượt sông, suối đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt bức thiết của Nhân dân; Huy động xã hội hóa 30%
*	Đầu tư xây dựng mới Quốc lộ				608,0		608,0	-			
1	Đầu tư xây dựng Quốc lộ 3C (Sơn Lộ - QL34)	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND xã có liên quan	2026-2030	608,0	NSTW (hỗ trợ từ bộ, ngành TW)	608,00	-	15,2km, đường cấp IV	3	Đầu tư xây dựng mới, hoàn thiện tuyến theo Quy hoạch tỉnh Cao Bằng
*	Củng cố, hoàn thiện hệ thống bến xe khách				12,0		-	12,0			
1	Xây dựng mới 12 bến xe tại các xã trung tâm, các cửa khẩu, các điểm phát triển du lịch	Nhà đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030	12,0	Ngoài NSNN	-	12,00	12 bến xe	2	Quy hoạch tỉnh Cao Bằng; Huy động xã hội hóa 100%



TỈNH ỦY CAO BẰNG

Phụ lục 02

BIỂU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2025 - 2030
(kèm theo Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Kết quả	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
	TỔNG CỘNG				14.765,1				
1	Các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị				9.876,0				
1	Xây dựng mới Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng.	BQL DAĐT&XD tỉnh	Các sở, ngành và UBND các phường liên quan	2026-2030	2.682,0	NSTW	Hạ tầng đô thị	1	
2	Xây dựng Khu biểu diễn nghệ thuật tỉnh Cao Bằng.	UBND phường Thục Phán	Các sở, ngành và UBND các phường liên quan	2026-2030	212,0	NSDP	Hạ tầng đô thị	1	
3	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt khu vực trung tâm tỉnh Cao Bằng	UBND phường Thục Phán	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	2.500,0	<i>Vốn vay Nước ngoài</i>	Hạ tầng đô thị	1	
4	Xây dựng Nghĩa trang Nhân dân, Nhà tang lễ và cơ sở hỏa táng phục vụ Nhân dân khu vực trung tâm tỉnh Cao Bằng	UBND phường Nùng Chí Cao	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	100,0	<i>Ngoài ngân sách</i>	Hạ tầng đô thị	1	
5	Đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật cấp xã	UBND các phường, xã hoặc nhà đầu tư thực hiện dự án BTL	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	1.452,0	NSDP	Hạ tầng đô thị	1	Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL), trả tiền hàng năm cho Nhà đầu tư
6	Kè chống sạt lở tuyến bờ phải sông Hiến (đoạn từ cầu Tân An đến khu vực trạm bơm nước sông Hiến)	UBND phường Tân Giang	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	100,0	NSTW, NSDP	Hạ tầng đô thị (dự kiến 1,0 km kè được gia cố)	1	
7	Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Cao Bằng.	UBND phường Thục Phán	Các sở, ngành và UBND các phường liên quan	2026-2030	510,0	NSTW	Hạ tầng đô thị	2	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Kết quả	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
8	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp tỉnh Cao Bằng	Ban QL KKT tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã liên quan	2026-2030	1.000,0	NSTW	Hạ tầng đô thị	2	
9	Nghĩa trang nhân dân tại các đô thị (14 thị trấn cũ)	UBND các phường, xã liên quan	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	280,0	NSDP	Hạ tầng đô thị	2	Mỗi đô thị khoảng 10 tỷ đồng/ha - xác định theo dự án nghĩa trang Nam Phong phê duyệt năm 2025
10	Cải tạo, nâng cấp các khu xử lý rác thải sinh hoạt tại các đô thị (14 đô thị cũ + 1 tại khu vực phường)	UBND các phường, xã liên quan	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	330,0	NSDP	Hạ tầng đô thị	2	Tính 20 tỷ đồng/dự án, tham khảo chủ trương đầu tư dự án tương tự phê duyệt (năm 2021 là 15 tỷ đồng), riêng khu vực các phường tính 50 tỷ đồng/dự án
11	Kè chống sạt lở bờ phải sông Bằng, đoạn từ cầu Sông Mãng về cầu Nà Cáp, khu vực các phường trung tâm tỉnh Cao Bằng	UBND phường Thục Phán	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	300,0	NSTW, NSDP	Hạ tầng đô thị (dự kiến 4,8 km kè được gia cố)	3	
12	Kè chống sạt lở bờ trái sông Bằng Giang (đoạn qua địa phận thị trấn Nước Hai và xã Hoàng Tung, huyện Hoà An)	UBND xã Hòa An	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	200,0	NSTW, NSDP	Hạ tầng đô thị (dự kiến 5,0 km kè được gia cố)	3	
13	Kè chống sạt lở bờ trái sông Dè Rào (đoạn qua địa phận thị trấn Nước Hai, huyện Hoà An)	UBND xã Hòa An	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	100,0	NSTW, NSDP	Hạ tầng đô thị (dự kiến 2,5 km kè được gia cố)	3	
14	Kè chống sạt lở bờ sông Gâm, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Bảo Lâm	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	20,0	NSTW, NSDP	Hạ tầng đô thị (dự kiến 0,4 km kè được gia cố)	3	
15	Kè chống sạt lở bờ ổn định dân cư Sông Nea (Đoạn từ Tổ dân phố 1 đến xóm Nà Chùa, thị trấn Bảo Lạc)	UBND xã Bảo Lạc	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	90,0	NSTW, NSDP	Hạ tầng đô thị (dự kiến 3,2 km kè được gia cố)	3	
II	Các dự án phát triển đô thị				3.869,1				
2	Dự án phát triển đô thị số 7A, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng (cũ)	Nhà đầu tư	Các sở, ngành và UBND các phường liên quan	2026-2030	433,2	Ngoài ngân sách		1	
1	Dự án phát triển đô thị số 3A, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng (cũ)			2026-2030	1.082,0			2	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Kết quả	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
3	Dự án phát triển đô thị số 9A, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng (cũ)	Nhà đầu tư	Các sở, ngành và UBND các phường liên quan	2026-2030	721,4	Ngoài ngân sách		3	
4	Dự án phát triển đô thị số 10A, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng (cũ)			2026-2030	581,1			3	
5	Dự án phát triển đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng (cũ)			2026-2030	1.051,4			3	
III	Các dự án nhà ở xã hội				520,0				
1	Dự án nhà ở xã hội tại khu vực phường Thục Phán	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND phường Thục Phán	2026-2030	300,0	Ngoài ngân sách	Nhà ở	1	
2	Dự án nhà ở xã hội tại khu vực phường Nùng Trí Cao	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan; UBND phường Nùng Chí Cao	2026-2030	220,0	Ngoài ngân sách	Nhà ở	1	
IV	Các Khu tái định cư				500,0				
1	Khu Tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng cao tốc Bắc Kạn – Cao Bằng	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND phường Tân Giang	2026-2029	500,0	NSDP	Hạ tầng đô thị và nhà ở	1	



TỈNH ỦY CAO BẰNG

*

Phụ lục 03

BIỂU ĐỀ XUẤT ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

(kèm theo Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
	TỔNG CỘNG				211.815,4			
I	Đồ án quy hoạch chung xã phường				35.837,4		Đồ án quy hoạch	
1	Quy hoạch chung đô thị Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Sở Xây dựng	Các sở, ngành	2025-2026	10.709,0	NSNN		1
2	Xã Quảng Lâm	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	568,5	NSNN		1
3	Xã Nam Quang	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	512,8	NSNN		1
4	Xã Lý Bôn	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	531,2	NSNN		1
5	Xã Bảo Lâm	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	557,4	NSNN		1
6	Xã Yên Thổ	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	542,2	NSNN		1
7	Xã Sơn Lộ	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	399,9	NSNN		1
8	Xã Hưng Đạo	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	495,1	NSNN		1
9	Xã Bảo Lạc	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	521,0	NSNN		1
10	Xã Cốc Pàng	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	512,7	NSNN		1
11	Xã Cô Ba	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	471,1	NSNN		1

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
12	Xã Khánh Xuân	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	424,9	NSNN		1
13	Xã Xuân Trường	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	402,2	NSNN		1
14	Xã Huy Giáp	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	445,4	NSNN		1
15	Xã Phan Thanh	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	427,1	NSNN		1
16	Xã Ca Thành	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	378,1	NSNN		1
17	Xã Thành Công	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	388,5	NSNN		1
18	Xã Tam Kim	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	407,2	NSNN		1
19	Xã Nguyên Bình	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	493,2	NSNN		1
20	Xã Tĩnh Túc	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	406,9	NSNN		1
21	Xã Minh Tâm	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	465,7	NSNN		1
22	Xã Thanh Long	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	423,5	NSNN		1
23	Xã Cản Yên	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	515,4	NSNN		1
24	Xã Thông Nông	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	497,7	NSNN		1
25	Xã Trường Hà	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	541,4	NSNN		1
26	Xã Hà Quảng	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	548,8	NSNN		1

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
27	Xã Lũng Nặm	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	441,5	NSNN		1
28	Xã Tổng Cọt	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	432,3	NSNN		1
29	Xã Nam Tuấn	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	578,5	NSNN		1
30	Xã Hoà An	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	615,0	NSNN		1
31	Xã Bạch Đằng	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	380,8	NSNN		1
32	Xã Nguyễn Huệ	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	495,0	NSNN		1
33	Xã Minh Khai	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	372,7	NSNN		1
34	Xã Canh Tân	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	374,4	NSNN		1
35	Xã Kim Đồng	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	412,1	NSNN		1
36	Xã Thạch An	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	450,8	NSNN		1
37	Xã Đông Khê	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	488,7	NSNN		1
38	Xã Đức Long	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	391,0	NSNN		1
39	Xã Phục Hoà	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	559,0	NSNN		1
40	Xã Bế Văn Đàn	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	514,0	NSNN		1
41	Xã Độc Lập	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	471,2	NSNN		1

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
42	Xã Quảng Uyên	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	582,1	NSNN		1
43	Xã Hạnh Phúc	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	566,3	NSNN		1
44	Xã Quang Hán	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	433,9	NSNN		1
45	Xã Trà Lĩnh	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	520,1	NSNN		1
46	Xã Quang Trung	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	410,1	NSNN		1
47	Xã Đoài Dương	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	399,9	NSNN		1
48	Xã Trùng Khánh	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	592,9	NSNN		1
49	Xã Đàm Thủy	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	536,4	NSNN		1
50	Xã Đình Phong	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	519,8	NSNN		1
51	Xã Hạ Lang	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	463,4	NSNN		1
52	Xã Lý Quốc	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	409,9	NSNN		1
53	Xã Vinh Quý	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	434,0	NSNN		1
54	Xã Quang Long	UBND xã	Các sở, ngành	2025-2026	404,9	NSNN		1
II	Đồ án quy hoạch phân khu phường			2026-2028	43.581,0		Đồ án quy hoạch	
1	Quy hoạch phân khu các Khu vực thuộc phường Thục Phán, tỷ lệ 1/2000	Phường Thục Phán	Các sở, ngành	2026-2027	16.106,0	NSNN		2

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
2	Quy hoạch phân khu các Khu vực thuộc phường Nùng Trí Cao, tỷ lệ 1/2000	Phường Nùng Trí Cao	Các sở, ngành	2026-2027	11.369,0	NSNN		2
3	Quy hoạch phân khu các Khu vực thuộc phường Tân Giang, tỷ lệ 1/2000	Phường Tân Giang	Các sở, ngành	2026-2027	16.106,0	NSNN		2
III	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn				113.697,0		Đồ án quy hoạch	
1	QHCT trung tâm xã Hòa An	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
2	QHCT trung tâm Xã Bảo Lạc	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
3	QHCT trung tâm Xã Bảo Lâm	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
4	QHCT trung tâm Xã Hạ Lang	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
5	QHCT trung tâm Xã Trường Hà	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
6	QHCT trung tâm Xã Thông Nông	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
7	QHCT trung tâm Xã Nguyên Bình	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
8	QHCT trung tâm Xã Tĩnh Túc	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
9	QHCT trung tâm Xã Phục Hòa	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
10	QHCT trung tâm Xã Quảng Uyên	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
11	QHCT trung tâm Xã Đông Khê	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
12	QHCT trung tâm Xã Trùng Khánh	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
13	QHCT trung tâm Xã Trà Lĩnh	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	2.757,0	NSNN		2
14	QHCT Trung tâm xã Nam Tuấn	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
15	QHCT Trung tâm xã Bạch Đằng	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
16	QHCT Trung tâm xã Nguyễn Huệ	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
17	QHCT Trung tâm xã Ca Thành	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
18	QHCT Trung tâm xã Phan Thanh	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
19	QHCT Trung tâm xã Thành Công	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
20	QHCT Trung tâm xã Tam Kim	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
21	QHCT Trung tâm xã Minh Tâm	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
22	QHCT Trung tâm xã Bế Văn Đàn	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
23	QHCT Trung tâm xã Độc Lập	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
24	QHCT Trung tâm xã Hạnh Phúc	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
25	QHCT Trung tâm xã Minh Khai	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
26	QHCT Trung tâm xã Canh Tân	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
27	QHCT Trung tâm xã Kim Đồng	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
28	QHCT Trung tâm xã Thạch An	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
29	QHCT Trung tâm xã Đức Long	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
30	QHCT Trung tâm xã Sơn Lộ	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
31	QHCT Trung tâm xã Hưng Đạo	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
32	QHCT Trung tâm xã Cốc Pàng	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
33	QHCT Trung tâm xã Thượng Hà	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
34	QHCT Trung tâm xã Khánh Xuân	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
35	QHCT Trung tâm xã Xuân Trường	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
36	QHCT Trung tâm xã Huy Giáp	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
37	QHCT Trung tâm xã Quảng Lâm	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
38	QHCT Trung tâm xã Nam Quang	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
39	QHCT Trung tâm xã Lý Bôn	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
40	QHCT Trung tâm xã Yên Thổ	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
41	QHCT Trung tâm xã Quang Hán	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
42	QHCT Trung tâm xã Quang Trung	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
43	QHCT Trung tâm xã Đoài Dương	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
44	QHCT Trung tâm xã Đàm Thủy	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
45	QHCT Trung tâm xã Đình Phong	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
46	QHCT Trung tâm xã Lý Quốc	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
47	QHCT Trung tâm xã Vinh Quý	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
48	QHCT Trung tâm xã Thắng Lợi	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
49	QHCT Trung tâm xã Thanh Long	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
50	QHCT Trung tâm xã Cần Yên	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
51	QHCT Trung tâm xã Hà Quảng	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
52	QHCT Trung tâm xã Lũng Nặm	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
53	QHCT Trung tâm xã Tổng Cột	UBND xã	Các sở, ngành	2026-2027	1.946,4	NSNN		2
IV	Quy chế quản lý Kiến trúc				18.700,0		Quy chế	
1	Quy chế quản lý kiến trúc Phường Thục Phán	UBND phường	Các sở, ngành	2027-2028	500,0	NSNN		3
2	Quy chế quản lý kiến trúc Phường Tân Giang	UBND phường	Các sở, ngành	2027-2028	500,0	NSNN		3
3	Quy chế quản lý kiến trúc Phường Nùng Trí Cao	UBND phường	Các sở, ngành	2027-2028	500,0	NSNN		3
4	Quy chế QLKT trung tâm xã Hòa An	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
5	Quy chế QLKT trung tâm Xã Bảo Lạc	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
6	Quy chế QLKT trung tâm Xã Bảo Lâm	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
7	Quy chế QLKT trung tâm Xã Hạ Lang	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
8	Quy chế QLKT trung tâm Xã Trường Hà	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
9	Quy chế QLKT trung tâm Xã Thông Nông	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
10	Quy chế QLKT trung tâm Xã Nguyên Bình	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
11	Quy chế QLKT trung tâm Xã Tĩnh Túc	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
12	Quy chế QLKT trung tâm Xã Phục Hòa	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
13	Quy chế QLKT trung tâm Xã Quảng Uyên	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
14	Quy chế QLKT trung tâm Xã Đông Khê	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
15	Quy chế QLKT trung tâm Xã Trùng Khánh	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
16	Quy chế QLKT trung tâm Xã Trà Lĩnh	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	400,0	NSNN		3
17	Quy chế QLKT Trung tâm xã Nam Tuấn	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
18	Quy chế QLKT Trung tâm xã Bạch Đằng	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
19	Quy chế QLKT Trung tâm xã Nguyễn Huệ	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
20	Quy chế QLKT Trung tâm xã Ca Thành	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
21	Quy chế QLKT Trung tâm xã Phan Thanh	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
22	Quy chế QLKT Trung tâm xã Thành Công	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
23	Quy chế QLKT Trung tâm xã Tam Kim	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
24	Quy chế QLKT Trung tâm xã Minh Tâm	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
25	Quy chế QLKT Trung tâm xã Bể Văn Đàn	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
26	Quy chế QLKT Trung tâm xã Độc Lập	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
27	Quy chế QLKT Trung tâm xã Hạnh Phúc	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
28	Quy chế QLKT Trung tâm xã Minh Khai	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
29	Quy chế QLKT Trung tâm xã Canh Tân	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
30	Quy chế QLKT Trung tâm xã Kim Đồng	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
31	Quy chế QLKT Trung tâm xã Thạch An	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
32	Quy chế QLKT Trung tâm xã Đức Long	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
33	Quy chế QLKT Trung tâm xã Sơn Lộ	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
34	Quy chế QLKT Trung tâm xã Hưng Đạo	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
35	Quy chế QLKT Trung tâm xã Cốc Pàng	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
36	Quy chế QLKT Trung tâm xã Thượng Hà	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
37	Quy chế QLKT Trung tâm xã Khánh Xuân	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
38	Quy chế QLKT Trung tâm xã Xuân Trường	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
39	Quy chế QLKT Trung tâm xã Huy Giáp	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
40	Quy chế QLKT Trung tâm xã Quảng Lâm	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
41	Quy chế QLKT Trung tâm xã Nam Quang	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
42	Quy chế QLKT Trung tâm xã Lý Bôn	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
43	Quy chế QLKT Trung tâm xã Yên Thổ	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
44	Quy chế QLKT Trung tâm xã Quang Hán	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
45	Quy chế QLKT Trung tâm xã Quang Trung	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
46	Quy chế QLKT Trung tâm xã Đoàn Dương	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
47	Quy chế QLKT Trung tâm xã Đàm Thủy	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
48	Quy chế QLKT Trung tâm xã Đình Phong	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
49	Quy chế QLKT Trung tâm xã Lý Quốc	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/sản phẩm	Mức độ ưu tiên
50	Quy chế QLKT Trung tâm xã Vinh Quý	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
51	Quy chế QLKT Trung tâm xã Thắng Lợi	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
52	Quy chế QLKT Trung tâm xã Thanh Long	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
53	Quy chế QLKT Trung tâm xã Cần Yên	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
54	Quy chế QLKT Trung tâm xã Hà Quảng	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
55	Quy chế QLKT Trung tâm xã Lũng Nặm	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3
56	Quy chế QLKT Trung tâm xã Tổng Cọt	UBND xã	Các sở, ngành	2027-2028	300,0	NSNN		3



TỈNH ỦY CAO BẰNG

*

Biểu tổng hợp

**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NỘI DUNG ĐỘT PHÁ VỀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG, ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**
(kèm theo Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 28/ 11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

STT	Nội dung	Dự kiến kinh phí trong giai đoạn 2025-2030 (tỷ đồng)			Ghi chú
		Tổng số	Vốn NSNN	Vốn ngoài NS	
	TỔNG CỘNG	92.205,0	76.941,6	15.263,5	
1	Giao thông	77.228,1	66.453,7	10.774,4	Chi tiết tại Phụ lục 01
2	Đô thị và môi trường	14.765,1	10.276,0	4.489,1	Chi tiết tại Phụ lục 02
3	Quy hoạch xây dựng	211,8	211,8	-	Chi tiết tại Phụ lục 03
	<i>Tỷ lệ</i>		<i>83,45%</i>	<i>16,55%</i>	

KẾ HOẠCH

**thực hiện đột phá về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý
và nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2026 - 2030**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, để tiếp tục thực hiện xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung đột phá về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ và phát triển nguồn nhân lực; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đổi mới cơ chế, chính sách, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhằm nâng cao chất lượng công tác cán bộ và phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo đảm sự kế thừa, phát triển vững chắc giữa các thế hệ cán bộ và nguồn nhân lực của tỉnh.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị về vị trí, vai trò then chốt của công tác cán bộ và phát triển nguồn nhân lực; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, hướng tới thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện và sự quản lý thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn lao động qua đào

tạo phù hợp với chủ trương, nghị quyết của Trung ương, nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải được tiến hành đồng bộ, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; gắn công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng với bố trí, sử dụng, đánh giá và thu hút, đãi ngộ cán bộ; bảo đảm tính kế thừa, ổn định và phát triển vững chắc của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

- Bảo đảm mối liên hệ chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và xây dựng, thi hành pháp luật¹. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm tính khả thi, thiết thực, tiết kiệm, tránh chồng chéo, hình thức; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và kịp thời điều chỉnh nội dung, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn, phân đầu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược của tỉnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và hội nhập quốc tế trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Tạo chuyển biến rõ nét, đồng bộ giữa các khâu trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức, gắn với phát triển nguồn nhân lực và lao động qua đào tạo nghề; bảo đảm sự liên thông, kế thừa và phát triển vững chắc giữa các thế hệ cán bộ và nguồn nhân lực của tỉnh.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, gắn phát triển nhân lực với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ. Góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, năng lực cạnh tranh và sức phát triển bền vững của tỉnh trong thời kỳ mới.

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược

(1) Công tác quy hoạch: Trong nhiệm kỳ phấn đấu xây dựng nguồn cán bộ đủ điều kiện, tiêu chuẩn để đề xuất với Trung ương xem xét quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1 đến 2 cán bộ².

(2) Công tác bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử: Trong nhiệm kỳ có từ 10% trở lên cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ các cấp (dưới 42 tuổi) được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

(3) Công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Trong nhiệm kỳ có ít nhất 5% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có trình độ khoa học công nghệ hoặc có kết quả, sản phẩm, công trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ thành công được cấp có thẩm quyền công nhận.

- 100% cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn chức danh quy hoạch.

- 90% trở lên cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được bồi dưỡng chuẩn chức danh quy hoạch.

- 70% trở lên cán bộ quy hoạch ủy viên ban thường vụ cấp xã; quy hoạch chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã được đào tạo cao cấp lý luận chính trị.

- 100% cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại.

- Trong nhiệm kỳ phấn đấu có thêm từ 5 đến 7 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp xã có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- Trong nhiệm kỳ tổ chức từ 2 đến 3 lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh) cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đội ngũ công chức, viên chức trong tỉnh.

- Cử đi đào tạo từ 3 đến 5 tiến sĩ, 30 thạc sĩ và tương đương, trong đó tập trung vào các lĩnh vực văn hóa, truyền thông; thương mại, du lịch; kinh tế, quan hệ quốc tế, luật quốc tế; khoa học công nghệ; xây dựng và thi hành pháp luật...

- Trong nhiệm kỳ tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với lãnh đạo quản lý các cấp ít nhất 7 ngày/nhiệm kỳ.

- Đến năm 2030, 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã được bồi dưỡng các kỹ năng chuyên sâu theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

² 01 Ủy viên dự khuyết; 01 Ủy viên chính thức

(4) Công tác đánh giá

- Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm thực chất; gắn kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ với các sản phẩm cụ thể; lấy chất lượng, hiệu quả, sản phẩm công việc làm thước đo chủ yếu.

- Thực hiện đánh giá thường xuyên, công khai, minh bạch, bảo đảm tính khách quan, công bằng, tránh tình trạng thiên lệch, hình thức; gắn kết quả đánh giá với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật; kịp thời phát hiện cán bộ có năng lực nổi trội để bồi dưỡng, bổ nhiệm hoặc luân chuyển, đồng thời nhận diện những hạn chế để có biện pháp khắc phục.

2.2. Đối với đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao

(1) Về đào tạo, bồi dưỡng

- Trong nhiệm kỳ cử ít nhất 150 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học ở các lĩnh vực đột phá của tỉnh như: du lịch, kinh tế, khoa học công nghệ...

- Trong nhiệm kỳ 100% cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 01 cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn về công nghệ thông tin³.

- Đẩy mạnh hợp tác giáo dục - đào tạo với đối tác nước ngoài, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, cử khoảng 300 lượt cán bộ, học sinh, sinh viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài; 100% cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng hội nhập quốc tế⁴.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo⁵. Trong nhiệm kỳ, cử cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo tham gia đào tạo trình độ sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) từ 30 người trở lên, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như quản lý giáo dục, khoa học giáo dục, ngoại ngữ, công nghệ giáo dục và chuyển đổi số.

- Xây dựng đội ngũ y tế chuyên sâu, có khả năng xử lý các ca bệnh khó; khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ y tế tham gia các khóa đào tạo, hội nghị và các chương trình bồi dưỡng nâng cao kiến thức kỹ năng chuyên môn. Trong nhiệm kỳ phấn đấu cử 125 công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học trong lĩnh

³Số CBCCVC toàn tỉnh hiện nay có chuyên môn về công nghệ thông tin là 358 người. Trong đó: Lãnh đạo quản lý cấp tỉnh, cấp xã có trình độ công nghệ thông tin là 07 người (cấp tỉnh 03, cấp xã 04); số công chức có trình độ công nghệ thông tin tại các sở, ngành là 36 người (tại 12 đơn vị); cấp xã 54 người (tại 41 đơn vị); số công chức, viên chức có trình độ công nghệ thông tin tại các đơn vị sự nghiệp là 261 người.

⁴Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 506-KH/TU, ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

⁵Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

vực y, dược (mỗi năm cử 25 công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học, trong đó gồm 05 chuyên khoa II và 20 chuyên khoa I)⁶.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh ít nhất mỗi năm một lần. Cùng cố, nâng cao năng lực tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn; bảo đảm vị trí việc làm, chế độ, xếp ngạch cho người làm công tác pháp chế theo quy định⁷.

(2) Về tuyển dụng, thu hút, đãi ngộ và giữ chân nhân tài

- 100% xã biên giới có cán bộ, công chức có trình độ tiếng Trung Quốc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác đối ngoại⁸.

- Trong nhiệm kỳ, phấn đấu thu hút ít nhất 05 sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, nhà khoa học trẻ đến công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc các lĩnh vực văn hoá, truyền thông, du lịch, kinh tế đối ngoại, thương mại, khoa học công nghệ.

- Thực hiện hợp đồng đối với nhà khoa học trẻ, chuyên gia, nhà quản lý, trong đó chú trọng thu hút nguồn nhân lực là con em thành đạt của tỉnh đang công tác ở ngoài tỉnh để thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, cấp bách hoặc một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ có tính chất đặc thù, chuyên sâu, yêu cầu trình độ cao hoặc công việc mang tính thời vụ, không thường xuyên⁹.

2.3. Đối với nguồn lao động qua đào tạo nghề

- Phấn đấu đến năm 2030 đào tạo mới, đào tạo lại cho 20.000 lao động (mỗi năm 4.000 lao động) tập trung vào các ngành nghề lợi thế của tỉnh: du lịch, dịch vụ (hướng dẫn viên, lễ tân, quản lý nhà hàng, vận tải...), nông nghiệp và kinh tế cửa khẩu (chăn nuôi, thú y, logistics, bảo quản, kiểm định chất lượng...).

- Thu hút từ 40 - 50% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tham gia giáo dục nghề nghiệp, có chính sách hỗ trợ học phí và học bổng khuyến khích.

- Đến 2030, có 50% chương trình đào tạo ngành/ngành trọng điểm đạt kiểm định chất lượng.

- Đảm bảo 100% nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn và ít nhất 50% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại.

⁶ Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ Nhân dân.

⁷ Theo Chương trình hành động số 34-CTr/TU, ngày 09/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Cao Bằng về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

⁸ Số cán bộ, công chức tại 21 xã biên giới được đào tạo ở Trung Quốc và có trình độ tiếng Trung Quốc là 11 người (đào tạo Trung Quốc: 03 người; có trình độ tiếng Trung Quốc: 08 người).

⁹ Nghị định số 173/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ công chức.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng và nâng cao đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp

- Công tác quy hoạch: Xây dựng kế hoạch quy hoạch dài hạn và ngắn hạn cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh bảo đảm tính liên tục, kế thừa và ổn định. Quy hoạch phải bảo đảm cơ cấu hợp lý về tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và kinh nghiệm thực tiễn; chú trọng quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số ít người, cán bộ có năng lực nổi trội để tạo nguồn kế cận. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; quy hoạch cán bộ cấp chiến lược của Trung ương (ủy viên Trung ương Đảng).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng cán bộ theo quy định. Mở các lớp bồi dưỡng cán bộ dự nguồn các chức danh lãnh đạo quản lý các cấp; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số ít người, cán bộ tiềm năng để chuẩn bị nguồn kế thừa liên tục, ổn định; định kỳ đánh giá hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng để điều chỉnh nội dung và phương pháp phù hợp. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý gắn với bố trí, sử dụng sau đào tạo.

- Công tác luân chuyển, điều động, bố trí, bổ nhiệm: Xây dựng và thực hiện kế hoạch luân chuyển, điều động, phân công cán bộ lãnh đạo, quản lý, thực hiện việc bố trí cán bộ sau luân chuyển. Bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý minh bạch, khách quan, dựa trên năng lực và kết quả thực tiễn. Thực hiện nghiêm túc quy trình luân chuyển, bố trí, bổ nhiệm cán bộ; tăng cường đánh giá, theo dõi năng lực cán bộ trước khi luân chuyển hoặc bổ nhiệm; kết hợp luân chuyển với bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng lãnh đạo và quản lý; bảo đảm cơ chế công khai, minh bạch và giám sát trong giới thiệu cán bộ ứng cử. Tiếp tục thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp ủy, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy, chánh thanh tra tỉnh không là người địa phương. Thực hiện luân chuyển cán bộ cấp xã có tiềm năng lên công tác có thời hạn tại các sở, ngành của tỉnh để làm quen với công việc, tạo nguồn cho cấp tỉnh; bố trí cán bộ tỉnh về xã: tăng cường luân chuyển cán bộ trẻ từ các sở, ban, ngành tỉnh về giữ các chức vụ chủ chốt tại xã để bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức thực tiễn và tăng cường năng lực cho cơ sở.

- Công tác đánh giá: Xây dựng quy trình, tiêu chí và thực hiện đánh giá cán bộ toàn diện về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị và uy tín xã hội; nhận diện đúng năng lực thực tế, xác định điểm mạnh, điểm yếu để bố trí, luân chuyển và bồi dưỡng phù hợp. Thực hiện đánh giá định kỳ, khách quan, minh bạch để phát hiện đúng năng lực và hạn chế của cán bộ;

phát hiện kịp thời những cán bộ không đáp ứng yêu cầu để có biện pháp khắc phục hoặc thay thế, điều chỉnh.

2. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao

2.1. Đào tạo, bồi dưỡng

- Tập trung xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn sâu, kỹ thuật cao thuộc các lĩnh vực được xác định là tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: văn hoá, du lịch, kinh tế cửa khẩu, nông nghiệp... Rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, qua đó xây dựng kế hoạch, lộ trình cử cán bộ, công chức, viên chức đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn (thạc sĩ, tiến sĩ) ở các lĩnh vực nêu trên bảo đảm theo mục tiêu đã đề ra.

- Tiếp tục xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ sở giáo dục và đào tạo có uy tín của nước ngoài trong việc triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh. Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực thuộc các ngành có tiềm năng, lợi thế phát triển như: hạ tầng kỹ thuật, cửa khẩu, nông - lâm nghiệp, du lịch, y tế, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo..., phát huy hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đào tạo, bồi dưỡng đã ký kết giữa tỉnh Cao Bằng và Quảng Tây, Trung Quốc.

- Phát huy tối đa các nguồn lực của địa phương đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đi đôi với tranh thủ hiệu quả ngoại lực, bảo đảm phối hợp chặt chẽ, góp phần tích cực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn lực khoa học công nghệ. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tập trung thu hút nguồn lực, tri thức, công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển. Ưu tiên kết nối hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực chất lượng cao, trao đổi chuyên gia, tiếp nhận chuyển giao công nghệ với Quảng Tây, Trung Quốc.

- Thực hiện cử một số giảng viên Trường Chính trị Hoàng Đình Giông đi nghiên cứu thực tế tại các xã, phường để nâng cao năng lực thực tiễn, phục vụ thiết thực cho việc giảng dạy cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị tỉnh.

- Thống kê số lượng học sinh, sinh viên của tỉnh theo học các ngành, nghề mũi nhọn để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; tổ chức gặp gỡ học sinh, sinh viên để khuyến khích, động viên trong học tập và định hướng các em về công tác tại tỉnh.

- Xây dựng chính sách đặc thù để huy động được người giỏi ngoài lực lượng nhà giáo tham gia giảng dạy, huấn luyện trong các cơ sở giáo dục. Thu hút các

nhóm nhân lực có chuyên môn cao, nghệ nhân, nghệ sĩ, vận động viên chuyên nghiệp, nhà khoa học đến làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

2.2. Thu hút, đãi ngộ và tuyển dụng, sử dụng

- Tiếp tục cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Đảng về thu hút, trọng dụng người có tài năng vào các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác cán bộ, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng vào làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tuyển dụng đặc cách không qua thi tuyển vào làm công chức, viên chức đối với các cá nhân là nhà khoa học trẻ dưới 47 tuổi có học hàm phó giáo sư, giáo sư; chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, người có trình độ chuyên môn cao; nhà quản lý, quản trị doanh nghiệp tại các ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng điểm, quan trọng, đáp ứng các tiêu chí theo quy định. Đồng thời thực hiện quy trình xét tuyển đối với sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước, quốc tế, đồng thời đạt giải cao trong các cuộc thi uy tín cấp quốc gia hoặc quốc tế; ưu tiên các ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng điểm, quan trọng của tỉnh¹⁰.

- Phát hiện cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, triển vọng để đào tạo sau đại học trong nước và nước ngoài; tuyển chọn cán bộ trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật vào làm việc tại các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh; xây dựng đề án tăng cường công tác cán bộ đối với người dân tộc thiểu số ít người trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện ký kết hợp đồng đối với đội ngũ nhà quản lý, quản trị doanh nghiệp, tập đoàn, giáo sư, tiến sỹ, nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành thực hiện nhiệm vụ đột xuất, cấp bách; người có kinh nghiệm, am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ có tính chất đặc thù, chuyên sâu, yêu cầu trình độ cao hoặc mang tính thời vụ, không thường xuyên để tư vấn, hỗ trợ, thực hiện giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong các lĩnh vực đột phá của tỉnh¹¹.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động

- Nâng cao chất lượng nguồn lao động qua đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, có thế mạnh của địa phương. Đẩy mạnh liên kết giữa nhà trường - doanh nghiệp - cơ quan quản lý trong xây dựng chương trình đào

¹⁰ Kết luận số 205-KL/TW, ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bổ trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ.

¹¹ Nghị định số 173/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

tạo, ưu tiên phát triển ngành nghề phù hợp với định hướng công nghiệp hóa, phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số và nhu cầu lao động thực tế của tỉnh.

- Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nâng cao cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo hướng chuyên sâu về chuyên môn, bồi dưỡng kỹ năng theo lĩnh vực, ngành nghề mà người lao động đang hoạt động. Đào tạo nghề từ ngân sách nhà nước phải xác định rõ nghề nghiệp cần đào tạo và xác định nhóm ngành đào tạo tỉnh có thế mạnh, gắn chặt đào tạo nghề với giải quyết việc làm.

- Thường xuyên khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề, việc làm của người lao động: Xác định danh mục nghề đào tạo và nhu cầu học nghề của người lao động theo từng nghề, khu vực và cấp trình độ; nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp và thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

- Triển khai đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động tập trung vào các lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh như du lịch - dịch vụ, nông nghiệp, thương mại biên giới, xây dựng (hướng dẫn viên du lịch, nghiệp vụ bán hàng, lễ tân...); các nghề trọng điểm (vận hành máy thi công nền, trồng trọt, chăn nuôi - thú y...).

IV- KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với đào tạo sau đại học: Hỗ trợ thêm số tiền tương ứng bằng 50% tổng tiền học phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh, trên cơ sở dự toán hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia: Thực hiện hợp đồng theo công việc hoặc thời gian cụ thể, trên cơ sở nguồn kinh phí dự án nghiên cứu khoa học được ngân sách tỉnh cấp hàng năm.

- Kinh phí thực hiện nâng cao chất lượng nguồn lao động qua đào tạo: Nguồn lực được bố trí từ kinh phí sự nghiệp giáo dục - đào tạo hằng năm, lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời huy động sự tham gia, đóng góp từ doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn ban hành kế hoạch hàng năm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch này; thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo kết quả; định kỳ 01 năm báo cáo, giữa nhiệm kỳ tổ chức sơ kết, kết thúc nhiệm kỳ tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

2. Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch thuộc thẩm quyền được giao, cụ thể:

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thực hiện:

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ có trình độ chuyên môn khoa học công nghệ, đội ngũ xây dựng và thi hành pháp luật, cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế.

+ Xây dựng chính sách thu hút, đãi ngộ nhà khoa học trẻ, chuyên gia và sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc đến công tác tại tỉnh.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 2173/KH-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng. Hằng năm tổ chức chương trình tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh trong tỉnh; tập trung giới thiệu, định hướng phát triển các ngành nghề lợi thế của tỉnh; theo dõi, thống kê, cung cấp danh sách học sinh, sinh viên của tỉnh theo học các ngành nghề như du lịch, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế cửa khẩu để có chính sách thu hút; tổ chức gặp mặt học sinh, sinh viên của tỉnh để khuyến khích, động viên nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về tỉnh.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Sở Tài chính tham mưu giao kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này.

3. Đảng uỷ Hội đồng nhân dân tỉnh

Chủ động nghiên cứu, rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, hỗ trợ, đãi ngộ đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đến công tác tại tỉnh.

4. Đảng uỷ các xã, phường, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Chủ động hướng dẫn thực hiện, xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2025 - 2030; rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế, hướng dẫn về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền.

- Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn lao động qua đào tạo của địa phương; phối hợp với các cơ quan chuyên môn để tổ chức đào tạo, đào tạo lại gắn với nhu cầu thực tiễn.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia tích cực vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực.

5. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ

- Tham mưu cụ thể hoá các quy định về khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp; kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ, cụ thể: (1) Quy định về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị tỉnh; (2) Quy định về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh; (3) Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; khung tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó phòng và tương đương; (4) Quy định phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

- Tham mưu xây dựng đề án tăng cường công tác cán bộ người dân tộc thiểu số ít người trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế, hướng dẫn về công tác cán bộ; kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh uỷ.

- Có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; định kỳ 6 tháng, 01 năm báo cáo, giữa nhiệm kỳ tổ chức sơ kết, kết thúc nhiệm kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

(có Phụ lục nội dung, nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện kèm theo).

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu phản ánh kịp thời về Tỉnh uỷ (qua Ban Tổ chức Tỉnh uỷ) để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, chỉ đạo. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng, (Báo cáo)
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Thường trực Tỉnh uỷ,
- Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh,
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ. 

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ



Quản Minh Cường



PHỤ LỤC

**Nội dung, nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện đột phá về nâng cao chất lượng
đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2026 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch 33-KH/TU, ngày 28/11/2025 của Tỉnh uỷ Cao Bằng)

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
I	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược			
1	Xây dựng 1 đến 2 cán bộ cấp chiến lược được quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
2	Có từ 10% trở lên cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ các cấp (dưới 42 tuổi) được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
3	Có ít nhất 5% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có trình độ khoa học công nghệ hoặc có kết quả, sản phẩm, công trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ thành công được cấp có thẩm quyền công nhận	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
4	- 100% cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn chức danh quy hoạch. - 90% trở lên cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý được bồi dưỡng	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Trường Chính trị Hoàng Đình Giông; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	chuẩn chức danh quy hoạch. - 70% trở lên cán bộ quy hoạch uỷ viên ban thường vụ cấp xã; quy hoạch chủ tịch hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, uỷ ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã được đào tạo cao cấp lý luận chính trị. - 100% cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại			
5	Có thêm từ 5 đến 7 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp xã có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế	- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
6	- Tổ chức từ 2 đến 3 lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh) cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đội ngũ công chức, viên chức. - Cử đi đào tạo từ 3 đến 5 tiến sĩ, 30 thạc sĩ và tương đương, trong đó tập trung vào các lĩnh vực văn hóa, truyền thông; thương mại, du lịch; kinh tế, quan hệ quốc tế, luật quốc tế; khoa học công nghệ; xây dựng và thi hành pháp luật...	- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
7	Tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với lãnh đạo quản lý các cấp ít nhất 7 ngày/nhiệm kỳ	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Trường Chính trị Hoàng Đình Giông; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
8	100% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã được bồi dưỡng các kỹ năng chuyên sâu theo lĩnh vực được phân công phụ trách	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Trường Chính trị Hoàng Đình Giông; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
9	Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm thực chất; gắn kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ với các sản phẩm cụ thể; lấy chất lượng, hiệu quả, sản phẩm công việc làm thước đo chủ yếu	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
10	Thực hiện đánh giá thường xuyên, công khai, minh bạch, bảo đảm tính khách quan, công bằng, tránh tình trạng phiến diện, hình thức; gắn kết quả đánh giá với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật; kịp thời phát hiện cán bộ có năng lực nổi trội để bồi dưỡng, bổ nhiệm hoặc luân chuyển, đồng thời nhận diện những hạn chế để có biện pháp khắc phục	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
II	Nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao			
1	Cử ít nhất 150 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học ở các lĩnh vực đột phá của tỉnh như: du lịch, kinh tế, khoa học công nghệ	Sở Nội vụ	- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ - Các sở, ban, ngành - Các xã, phường	2026 - 2030
2	100% cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 01 cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn về công nghệ thông tin	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
3	Cử khoảng 300 lượt cán bộ, học sinh, sinh viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài; 100% cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng hội nhập quốc tế	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	Sở Ngoại vụ; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
4	Cử cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo tham gia đào tạo trình độ sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) từ 30 người trở lên, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như quản lý giáo dục, khoa học giáo dục, ngoại ngữ, công nghệ giáo dục và chuyển đổi số	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở Nội vụ - Các xã, phường - Các cơ quan, đơn vị có liên quan	

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
5	Cử 125 công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học trong lĩnh vực y, dược (mỗi năm cử 25 công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học, trong đó gồm 05 chuyên khoa II và 20 chuyên khoa I)	Sở Y tế	- Sở Nội vụ - Các xã, phường - Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
6	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh ít nhất mỗi năm một lần. Củng cố, nâng cao năng lực tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn; bảo đảm vị trí việc làm, chế độ, xếp ngạch cho người làm công tác pháp chế theo quy định	Sở Nội vụ	- Các sở, ban, ngành - Các xã, phường	2026 - 2030
7	100% xã biên giới có cán bộ, công chức có trình độ tiếng Trung Quốc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác đối ngoại	Các xã, phường	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
8	Trong nhiệm kỳ, phấn đấu thu hút ít nhất 05 sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, nhà khoa học trẻ đến công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc các lĩnh vực văn hoá, truyền thông, du lịch, kinh tế đối ngoại, thương mại, khoa học công nghệ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
9	Thực hiện hợp đồng đối với nhà khoa học trẻ, chuyên	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị có	2026 - 2030

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	gia, nhà quản lý, trong đó chú trọng thu hút nguồn nhân lực là con em thành đạt của tỉnh đang công tác ở ngoài tỉnh để thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, cấp bách hoặc một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ có tính chất đặc thù, chuyên sâu, yêu cầu trình độ cao hoặc công việc mang tính thời vụ, không thường xuyên	(khối Đảng, đoàn thể) - Sở Nội vụ (Khối chính quyền)	liên quan	
III	Nâng cao chất lượng nguồn lao động qua đào tạo nghề			
1	Đào tạo mới, đào tạo lại cho 20.000 lao động (mỗi năm 4.000 lao động) tập trung vào các ngành nghề lợi thế của tỉnh: du lịch, dịch vụ (hướng dẫn viên, lễ tân, quản lý nhà hàng, vận tải...), nông nghiệp và kinh tế cửa khẩu (chăn nuôi, thú y, logistics, bảo quản, kiểm định chất lượng...).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
2	Thu hút từ 40 - 50% học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tham gia giáo dục nghề nghiệp, có chính sách hỗ trợ học phí và học bổng khuyến khích	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
3	Có 50% chương trình đào tạo ngành/ngành trọng điểm đạt kiểm định chất lượng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030
4	100% nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn và ít nhất 50% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030